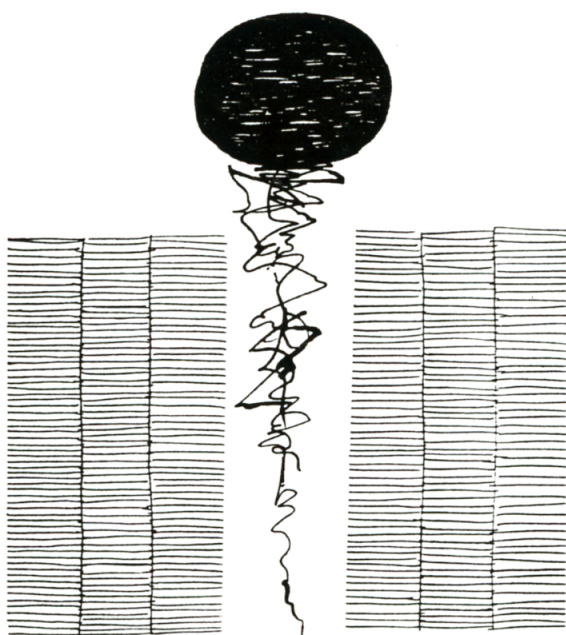


T A P C H Í

thơ

SỐ MÙA XUÂN 1997



nguyễn khải



TẠ P CH Í



S Ồ M Ò A X U Â N 1 9 9 7

Chủ Trương

Trang Châu Nguyễn Thị Thanh Bình Phạm Việt
Cường Triều Hoa Đại Phan Tấn Hải Khế Iêm
Đỗ Kh. Trầm Phục Khắc N.P. Chân Phương
Thường Quán Trần Sa Huỳnh Mạnh Tiên Trịnh
Y Thư Nguyễn Tiến Lê Thị Thắm Vân Ngu Yên

thư từ, bài vở
Khế Iêm

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92842, USA

Email: nghnam@juno.com



Phụ bản Thái Tuấn

MỤC LỤC

Bìa **Nguyễn Trọng Khôi**/ Phụ bản **Thái Tuấn** 1/ **Thư** tòa soạn 3/ **Thái Tuấn**, Ý Nghĩa Về Lời 4/ **Ngân Giang**, Cảm Hoài (thơ) 5/ **Trịnh Cung**, Từ Dạ Hội Mùa Đông (thơ) 6/ **Đình Cường**, Thảng Chạp Về (thơ) 7/ **Lê Thị Thám Vân**, Chia Tay, Chiều Buông (thơ) 9/ **Phan Tấn Hải**, Thơ Chụp Bất 12/ **Nguyễn Tiến**, Thơ 19/ **Đình Linh**, Thơ 21/ **Nguyễn Duy**, Đường Hầm Biển Mảnh (thơ) 23/ **Nguyễn quốc Trụ**, Thơ 24/ **Saint-John Perse**, Tia Chớp sáng Thiêng Liêng sống Mãi Trong Đá Lửa Loài Người 26/ **Jean Cocteau**, Thơ 31/ **Wyslawa Szymborska**, Thơ 33/ **Kenzo**, Hoa Xinh Hạ Hương (thơ) 35/ **Ernest Heminway**, Thơ Trắng (thơ) 36/ **Edwin Morgan**, Bài ca của Con Quái Vật Hồ Loch Ness (thơ) 36/ **Chân Phương**, Thơ 37/ **Đỗ Kh.**, Vần Về là Chuyện Vợ Vần, Thơ 40/ **Nguyễn Hoài Phương**, Một Trong Rất Nhiều... (thơ) 47/ **Nguyễn Đăng Thường**, Gõ Cửa Quê hương (thơ) 48/ **Nguyễn Đỗ**, Không Để Những Con Số (thơ) 49/ **Nguyễn Hoàng Nam**, Thơ 50/ Phụ bản **Lê Thánh Thư** 52/ **Thụy Khuê**, **Trần Mộng Tú**, **Nguyễn thị Thanh Bình**, **Hoàng Xuân Sơn**, **Lưu Nguyễn**, **Nguyễn Quốc Trụ**, Chủ Đề Thơ Vần 53/ **Hoàng Ngọc Biên**, Uống Trà sớm Mai (thơ) 66/ **Nguyễn Thị Thanh Bình**, Hối Chi Hoa Mai Nở (thơ) 68/ **Trang Châu**, Sáng Bão Tuyết (thơ) 70/ **Nguyễn Thị Hoàng Bắc**, Hậu Quả (thơ) 72/ **Ý Nhi**, Chiêm Bao Gặp Xuân Quỳnh (thơ) 73/ **Đài Sứ**, Thơ 74/ **N.P.**, Thơ 75/ **Roland Barthes**, Sự Trở Về của Thi Gia 77/ **Hồng Khắc Kim Mai**, Đàn Bà... (thơ) 79/ **Phạm Quốc Bảo**, Tình (thơ) 80/ **Đỗ Vinh**, Nhà Tôi... (thơ) 81/ **Huỳnh Mạnh Tiên**, Thơ 82/ **Thân Thị Cẩm Quỳ**, Thơ 83/ **Phạm Mạnh Hiên**, Ngon Nến Thắp cho Ngày Mai (thơ) 85/ **Quỳnh Thi**, Lời Gửi (thơ) 86/ **Thanh Thảo**, Quang Dũng U Uẩn Chiều Lưu Lạc 88/ **Phạm Miên Tường**, Thơ 91/ **Nguyễn Tôn Nhan**, Ba Câu Vần Bằng (thơ) 92/ **Đặng Tấn Tới**, Thơ 93/ **Lê Giang Trần**, Thơ 94/ **Lê Thánh Thư**, Ăn Khuya (thơ) 95/ **Lê D. Dzanh**, Tròn Trăng Đêm (thơ) 96/ **Đoàn Nhật**, Sao Cứ Là (thơ) 97/ **Hồ Minh Dũng**, Gửi Mẹ Mạnh tử (thơ) 98/ **Thận Nhiên**, Trước Gương (thơ) 99/ **Triều Hoa Đại**, Như Mưa reo Vui (thơ) 100/ Phụ Bản **Ngọc Dũng** 101/ **Phạm Công Thiện**, Những Câu Thơ Đầu Tiên 102/ **Thế Dũng**, Nói Với Con... (thơ) 108/ **Nguyễn Phan Thịnh**, Giấc Mơ của Dos (thơ) 110/ **Lê Trọng Phương**, Thơ 112/ **Tạ Ký**, Ruồi và Em (thơ) 113/ **Hà Nguyên Du**, Điệp Khúc Mưa (thơ) 114/ **Ngô Thế Oanh**, Tự Hòa (thơ) 115/ **Nguyễn Thảo**, Vần Đề (thơ) 116/ **Diễm Châu**, Từ Lỗ Tấn tới Khố Thành 117/ **Khế Iêm**, Thơ, Chính Là Đời Thường, Thơ 125/ **Đỗ Quyên**, Tản Luận (thơ) 132/ **Nguyễn Đạt**, Ngày Này Như Mọi Ngày (thơ) 133/ **Lưu Hy Lạc**, Xương (thơ) 134/ **Thanh Thảo**, Nhật Thực X (thơ) 135/ **Nguyễn Chí Hoan**, Đêm... (thơ) 136/ **Khiêm Lê Trung**, Những Á Giang Hồ... (thơ) 137/ **John Bayle**, **Pall Celan**, Nhà Thơ của Nỗi Sợ Thiêng Liêng 138/ Tin Thơ.

Tiếp tục những ý kiến về thơ vẫn để chấm dứt và kết thúc cho chủ đề này, và cũng rút ra: còn rất nhiều điều phải bàn thảo và rất nhiều khía cạnh của nhiều vấn đề cần phải soi sáng để từ đó hình thành được những quan điểm thơ. Chúng ta đang ở một thời kỳ mà mọi ý kiến đều có những đóng góp tích cực và phải được tôn trọng, dù quá khích hay cực đoan, dù đứng trên bất cứ quan điểm nào. Bởi vì, tất cả cũng chỉ là để xây dựng một nền thơ đã bao lâu nay, dừng lại một chỗ. Và như thế, chúng ta đôi khi, khó chịu vì cách thể hiện khác biệt về sáng tác và lập luận nhưng đó lại là những yếu tố thúc đẩy để nhận ra, thơ có nhiều ngã đường và sự vận động, có lẽ, là cách duy nhất tạo nên sinh khí thơ.

THƠ

Ý Nghĩ Về Lời

Thái Tuấn

Trang đầu cuốn Kinh Thánh, thấy chép: *Khởi đầu là Lời*. Không Ý sao có Lời. Ý nằm trong âm thanh, hình sắc, sự vật thiên nhiên, đã dần thai vào Lời và trở thành kí hiệu. Con người từ lâu đã quen với kí hiệu. Nói, nghe, trông nhìn, suy nghĩ, cảm xúc cũng từ những kí hiệu.

Kí hiệu sinh sôi nảy nở; kí hiệu đẻ ra kí hiệu; con cháu đầy đàn; nạn nhân mãi xảy đến, và Ý cố vùng thoát khỏi sự giam cầm của Lời, bằng những Lời mới hơn và cứ thế trong cái vòng sinh sinh hóa hóa không ngừng.

Sự sáng tạo nghệ thuật vốn từ lâu, là sự cố gắng thoát khỏi Lời. Trả lại sự trong sáng cho âm thanh hình sắc. Dada, Siêu Thực, Trừu Tượng ... và còn gì nữa vẫn chỉ là những cố gắng đẹp đẽ, những mong ước vượt qua kí hiệu do con người tạo nên.

Đêm đêm vẫn có những nhà nghiên cứu không gian vũ trụ, chờ đợi một tín hiệu từ ngoài không gian gửi tới: kí hiệu của thiên nhiên.

Trang đầu cuốn Kinh Thánh, thấy chép: ...

NGÂN GIANG

Cảm Hoài

Em vẫn tìm Anh trong hướng gió
Trong xuân muôn thuở những mùa hoa
Em tìm Anh mãi mà không có
Gió giỡn hoa cười bỗng xót xa

Thêu lại thêu rồi thơ lại thơ
Nhớ thương qua tháng đợi năm chờ
Giọng đèn vò võ năm canh vắng
Lạc cả vần và rối cả tơ

Tình đã đi vào mộng tưởng
Đêm đêm nằm gối tay Anh
Dù bao khoảng cách, sầu chung hướng
Một thoáng trăng khuya thoáng động màn
(?)

Trích Thơ Ngân Giang Hà Nội--Toronto--Los angeles--Paris 1966_

TRỊNH CUNG

Từ Dạ Hội Mùa Đông

Tôi mang bó hoa về nửa khuya
Mở cửa vào yên lặng
Tôi đặt bó hoa vào trong hồ
Nước co mình
Mất ngủ
Đêm lại bắt đầu tấn tuồng cũ
Gõ cửa

Em đừng tìm kiếm chi

Trong quá khứ tôi

Cỏ cũng chết từ sau mùa xuân

Khi tôi tìm lại bó hoa kia
Trong hồ màu quạ đen
Chỉ còn lại
Lũ lục bình
Và tôi
Kiệt sức

Ngày lại bắt đầu tấn tuồng cũ
Từ những quán cà phê
Tôi còn hỏi ai

Cali sau mùa Đông 96

ĐINH CƯỜNG

Tháng Chạp về

Tháng chạp tôi về nơi cánh rừng Natick
 một màu trời xám chì
 khoảng không buốt cóng
 vuông cửa sổ nhỏ đủ nhìn
 những sợi mưa xiên ngang
 đâu có bước chân ai về
 ẩn trong tịch lặng.

nhiều khi cười nói một mình
 có tiếng ai vọng lại bên kia rừng cây
 chỉ là tiếng chim trốn rét.
 nhiều khi im lặng
 nhìn vũng nước đóng băng
 như đã khô đi những giọt lệ
*“có lúc
 bạn ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt
 có lúc
 nước mắt không thể chảy ra ngoài được.”* (1)

Tháng chạp lao xao ngọn gió mùa
 chạy dài trên những đốm đèn vàng
 những sợi dây điện đen chùng xuống
 nhớ bạn ở xa
 vẫn điệu blues ru tôi lời mật ngọt
 ru tôi dừng tuyệt vọng
 nên tôi vẫn chôn những hạt mầm
 trong mùa đông
 chôn những vệt màu đỏ rực.

Tháng chạp tôi vụng về, chậm chạp
 trong lớp áo dày, đôi găng tay
 lên một con dốc trơn trượt
 đứng nhìn xuống lưng sâu
 bằng bạc khói sương
 nhớ tiếng kèn đồng
 của người bao năm trở về quê nhà
 giọng lạc...

Cũng có khi tôi về, nhặt lại quả mù-u
 Tháng chạp mưa lâm râm trong thành nội

I. XII. 96

(1) Thơ Văn Cao.

LÊ THỊ THẨM VÂN

Chia Tay, Chiều Buông

Hộp ngậm nắng ngọt
trên môi tình nhân.
Chạm môi thổi
khởi
trong mắt tình nhân.

Chiều dần,
chiều dần buông...

Mùa hè,
khua vang trên từng phiến lá xanh kiên nhẫn đợi chờ.

Người, góc ghế yên lặng đổ dành nhau.
Ngày mai, ngày mai... rời xa.
biết điều gì sẽ tới
Đốm lửa ấm góc bàn tay
Đốt hoài, đốt hoài
lòng thăm hỏi, ngày mai, ngày mai...
đường dài thăm thẳm
biết ai là kẻ đồng hành?

Ừ, đôi mắt, mớ tóc nâu rũ dài. Dịu ngọt.
Mùa thu tới — biết còn ta giữa những trái tim lựu đỏ.
Hay mình ta nằm trong lòng đất lạnh. Màu đen vấy ử. Lắng
tai nghe tiếng đế, tiếng côn trùng,
tiếng đất chuyển mình.
Ồi tiền kiếp của ta ơi!
Ôm ta với, ta lạnh.
Sao ta là hạt cát giữa muôn tử hạt cát-rời-rạc-xa-lạ. Thẩm
giùm ta giọt nước mắt em. Ôi đôi mắt, mái tóc
nâu rũ dài. Dịu ngọt.

Liếm hộ
giọt nước mắt tử-sinh.
Giữ gìn ta!
Em.

Nắng theo gió xôn xao.
Bông hoa tím cuối hè rừng rức đợi.
Biết em cùng ta bước chung nhịp.
Khoen tròn nhỏ luồn ở ngón tay áp út.
Giữ được bao lâu?
Niềm vui,
bừng lóe từ trong mắt em
đen.

Màu môi người đàn bà thắm tràn
giàn bông giấy đỏ
chực bùng vỡ.
Trí óc thời tắt kinh — Trái tim thuở dậy thì.

Bầu trời bao la, tay bạn nhỏ mãi giơ tay với.
Cấu bờ vai trần
bằng đôi mắt.

Tuổi thơ xa và tuổi xuân muộn.
Tiếng hát, tiếng đàn, và cả những câu thơ
nao nao lòng.

Chiều buông,
chiều dần buông.

Núu lại, núu...
nhịp đập, dòng chảy thời gian,
ngưng lại
tiếng kể sân trường xế
muộn
năm xưa.

Này những người bạn
 đêm,
 nhiều đêm
 khoảng không vầy khốn
 bởi bóng, những bóng, và bóng.
 pha máu, nước mắt, nổi ngậm ngùi
 giữa những dòng chữ
 hiếm hoi ý nghĩa.
 dành đồ dành. Mùa hè, rủ nhau về đây rong chơi giữa
 khoảng vườn cỏ cây hoa trái tích tụ
 cùng
 lòng người chen
 mọc.

Nụ hôn vội
 vã, Chiều buông
 bóng nắng
 đậu
 kẽ mé hiên ngoài.

Tiếng động cánh cửa
 nhắc hộ
 lòng...
 buông tay
 và chiều buông.

Núi,
 ghè mảnh áo người,
 thềm cháy bỏng.

Thơ Chụp Bật

Phan Tấn Hải

Chúng ta thử nhìn về một anh thủ môn đang phóng người lên chụp bóng. Anh ta ở một vị trí nhất định theo luật chơi, biết rõ mình đang chờ đợi những gì và phải làm gì, nhìn chăm chăm vào quả bóng và theo dõi các chuyển biến thế trận để có thể tính trước, lựa chọn trước một vài chiến thuật, dựa vào khả năng và phản xạ của mình để không cho bóng vào lưới.

Một phần nào tương tự, nhà thơ cũng là người chụp bắt hình ảnh và sử dụng ngôn ngữ để ghi lại hình ảnh trên — và đôi khi anh cũng phải chụp bắt chính ngôn ngữ. Dĩ nhiên là phải có nhiều dị biệt giữa người thủ môn và nhà thơ.

Điều trước tiên là vị trí. Có những lần vội cho người thủ môn, nhưng một nhà thơ thường không có sẵn một vị trí nào, chỉ trừ khi chính anh tự chọn lấy, thí dụ như nhà thơ Phan Bội Châu chọn vị trí bên vực dân tộc, như nhà thơ Đinh Hùng chọn vị trí chàng tuổi trẻ tốc bay... Từ mỗi vị trí, bài thơ có thể đi những hướng khác nhau. Nhưng thử giả thiết nếu không chọn vị trí nào, thì rồi bài thơ sau khi hình thành cũng cho thấy có một nơi để từ đó nhìn ra thế giới, bởi vì chúng ta không bao giờ hình dung nổi có điều gì trên đời này mà lia được không gian và thời gian (tính tiên nghiệm của tư tưởng, theo Kant).

Điều thứ nhì là luật chơi. Người thủ môn phạm luật sẽ bị phạt thẻ đỏ và có thể bị đuổi ra sân, trong khi không một ai hạch sách nhà thơ ngay cả khi anh làm lục bát có thêm câu chín chữ, chỉ trừ khi anh phải làm thơ nộp quyển để thi làm quan như thời ông bà chúng ta. Nói như vậy không phải không có luật thơ, nhưng luật này có lẽ, chỉ có lẽ thôi, để nói dè dặt, dựa trên khả năng lựa chọn mỹ học của chính người làm thơ. Bởi vì nếu không thì nó sẽ thành một bài thơ dở, hoặc một loạt câu văn xuôi, hoặc những dòng chữ thiếu sức mạnh. Nói cách khác nữa, không có một trọng tài cho nhà thơ nhưng có hàng ngàn nhà phê bình mang sẵn thẻ đỏ và cả giấy khen trong túi.

Nhưng, người ta có thực sự chụp bắt thơ, một cách chủ tâm và cả cách vô tâm?

Thử nhìn lại người thủ môn, anh ta biết rõ là phải chụp bóng. Không thể khác hơn được. Anh không có quyền chụp chân hoặc tay đối thủ hoặc bất kỳ thứ gì ngoài bóng, bởi vì hoặc anh sẽ bị phạt hoặc sẽ mất thì giờ vô ích. Riêng còn nhà thơ thì không có quả bóng nào trước mặt, chỉ trừ cả một thế giới thơ mơ hồ, sương khói mà anh phải sáng tạo — bởi vì anh không thể lập lại người khác, và cũng không được quyền lập lại chính mình. Người thủ môn có thể lập lại những chiến thuật xưa cũ, nhà thơ không được tự do này — bởi vì không có quả bóng nào khai tử được quả bóng nào, nhưng mỗi bài thơ mới làm hôm nay phải khai tử bài thơ làm hôm qua, và nhà thơ là người luôn luôn sống trong tâm thức tự khai tử chính mình.

Nói như trên rằng phải sáng tạo có lẽ cũng chỉ là một cách nói. Theo quan điểm cơ cấu luận (structuralism), những sản phẩm trong các cơ cấu ngữ học thực sự đã có sẵn (always already in place), nó đã luôn luôn hiện diện đâu đó, cũng hết như quả bóng luôn luôn có mặt trong sân, nhưng “quả bóng ngôn ngữ” thì lại mơ hồ, sương khói. Và sau đó tới một phản luận (Theo *Contemporary Literary Theory* của Raman Selden và Peter Widdowson, NXB University Press of Kentucky, ấn bản thứ ba, trang 127). Điều này bị các nhà hậu cơ cấu (poststructuralist) phản bác, cho là không hoàn toàn đúng nếu chúng ta nhìn trong một thời gian dài nhiều thế kỷ, chính ngôn ngữ cũng biến dạng đi với những tương quan mới của con người và xã hội.

Tuy nhiên, những cách nhìn trên cho chúng ta thấy rằng thực sự là có hành động “chụp bắt thơ”, ít nhất cũng trong một nghĩa trừu tượng nào đó, và đôi khi ở cả một nghĩa cụ thể, có thể sờ được. Như vậy không có nghĩa là nhà nghệ sĩ nơi đây sẽ thụ động — nơi đây vẫn có lựa chọn của anh, và dĩ nhiên mỗi người sáng tác sẽ có những lựa chọn khác nhau.

Nói ở nghĩa trừu tượng thí dụ trong tiểu thuyết, thì chủ nghĩa hiện thực (realism) và chủ nghĩa tự nhiên (naturalism) cũng là một thứ chụp bắt thực tại, nhất là đối với chủ nghĩa tự nhiên thời kỳ đầu khi muốn ghi lại hình ảnh xã hội và con người dưới ống kính khoa học.

Thử lấy một điển hình khác trong hội họa, việc chụp bắt một vật thường ngày (found object, vật tìm được hoặc nhặt được) để biến thành một nghệ phẩm đang trở thành thường hơn. Duchamp chụp lấy cái bồn tiểu. Nguyên Khai chụp lấy những con chip máy điện toán. Và nhà thơ, trong một đối chiếu tương tự, anh ta có thể chụp những gì, nói theo nghĩa cụ thể? Hình như đây đã là một tình cờ xảy ra cho Tạp Chí Thơ số Mùa Thu 1996.

Nơi đây chúng ta muốn nói tới bài thơ nhan đề “TV Ký” của Khế

Iêm (trang 35), bài thơ “*Bưu Ảnh của Người Anh ở Mỹ*” của Nguyễn Đăng Thường (trang 38), và bài thơ “*Những Ngày Vô Cảm*” của Nguyễn Hoàng Nam (trang 113).

Hãy hình dung, Khế Iêm ngồi trước máy truyền hình, và khi một quảng cáo bia hiện ra, người họ Khế đưa tay chụp được chữ “Budweiser.” Đối với một người Mỹ thì những âm thanh này không có gì là kinh dị. Nhưng, thử giả thiết, vì Khế Iêm qua Mỹ chưa đủ 10 năm, mỗi ngày vẫn dành ra nhiều tiếng đồng hồ để học tiếng Anh, và vì giọng lưỡi tiếng Việt của anh vẫn vật vã với những âm thanh huyền bí của tiếng Mỹ, và rồi trong một giây phút bất ngờ bàn tay anh chụp được ba âm thanh bí mật, từ đây một bài thơ được hình thành.

TV Ký

Bud wei ser

Cách dùng:

* Đọc theo âm kêu của ãnh ương (Bột wais ở). Tước đoạt nghĩa của chữ, cả đen và bóng. Lập đi lập lại để nảy sinh hình và ý.

Bài thơ “TV Ký” gồm ba đoạn (theo cách định nghĩa về paragraph của văn xuôi Hoa Kỳ): Đoạn đầu gồm ba âm thanh của một chữ (Bud/wei/ser), viết rời theo âm với ba co chữ từ lớn tới nhỏ, đoạn thứ nhì là “Cách dùng;” và đoạn thứ ba gồm ba câu giải thích.

Nếu dịch toàn bộ bài này ra tiếng Anh thì người đọc sẽ không thấy gì kinh ngạc. Bài này chỉ có sức mạnh với người không dùng tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ, nói lên được nỗi kinh ngạc trước cuộc sống — cuộc sống nơi đây là những âm thanh bí hiểm trong đời thường. Toàn bộ bài thơ nếu không phải là một chất vấn ngôn ngữ, thì cũng là một mời gọi khám phá ngôn ngữ.

Một điều nữa trong bài “TV Ký” là sử dụng chú thích như một phần của văn bản. Chúng ta không thể hình dung rằng nhà thơ Huy Cận đưa vào bài “Ngậm Ngùi” bằng giọng Nam, giọng Huế hay giọng Quảng Nam. Một tác phẩm vào thời đó (và cả nhiều phần bây giờ) phải nói về chuyện đã xảy ra, không thể nói về chuyện đang hình thành hay chưa hình thành. Bài của Khế Iêm nơi đây có thể gọi là chưa bao giờ hình thành, bởi vì những chất vấn và mời gọi không bao giờ có dấu chấm hết. Nói cách

khác, các tác phẩm từ chủ nghĩa hiện đại (modernism) trở về nước là nói về lịch sử, tức là cái đã hoàn chỉnh.

Một đặc tính nữa cần ghi nhận trong bài thơ “TV Ký” là lời kéo người đọc vào tiến trình sáng tạo chung. Cũng tương tự, thử so sánh với một thể loại khác, như kịch của Beckett với kỹ thuật “thực tại kịch trường” (theatereality) hòa lẫn các nhân vật vào thực tại trong sân khấu — ghi nhận, trong sân khấu chứ không phải trên sân khấu — như vở *Not I* trên sân khấu New York, 1972. Người đọc thơ (hoặc người xem kịch) được lôi cuốn và tham dự hẳn vào tác phẩm (hoặc kịch phẩm). Điều này không hẳn thuần túy kỹ thuật. Nơi đây biểu hiện một triết lý về hiện hữu của nghệ phẩm.

Trường hợp bài thơ của Nguyễn Đăng Thường cũng sử dụng vật “chụp bắt được.” Vật được chụp bắt là tấm bưu ảnh. Hình như đây là một bản đã được trình bày lại, chứ không phải cứ chụp tấm bưu ảnh in lên (xin xem trang 38, *Tạp Chí Thơ* số mùa thu 1996). Có thể đoán như vậy bởi vì hai con tem không còn là tem thật, chỉ là hai khung hình chữ nhật với con số tiền tem đánh máy vào giữa. Thứ nữa, bưu ảnh thường mang hình dung hình chữ nhật nằm, nhưng nơi đây toàn văn lại mang hình chữ nhật đứng.

Thêm một tình cờ, bài thơ của thi sĩ Nguyễn Đăng Thường nơi đây cũng có một phần chú thích như bài của Khế Iêm. Kỹ thuật sử dụng chú thích như một phần của

BƯU ẢNH CỦA NGƯỜI ANH Ở MỸ

Nguyễn Đăng Thường

VENIZIA
Piazza s. Marco
Place S. Marco
S. Marco Square
Markusplatz

Venise 4.5.96

Anh đã qua Amsterdam,
sang Rome đi vòng nước Ý
(Naples, Capri, Florenco,
Venise, đến Milan) rồi sang
Paris. Vui, nhưng mệt. Sang
Pháp 1 tuần rồi về.

Anh có được thư chỉ Ba,
Khoe nói nhà ở Vô Tánh
bùn rết, coi bộ nó phiền,
không biết làm sao.
Chị Hai khóc, không có gì
là. Cầu trời cho chú mạnh
khỏe luôn. Anh già rồi, đi 1
vòng cho biết.

Ráng sống khỏe anh
mừng.

Đạo

• 500 • 750 •

ITALIA

Mr Nguyễn Đăng Thường

11 Delvino Road

London SW6 4AE

England

O K
SPEDISCI
QUALITA'

208 - ed. g. F. Zerella VE - Tel. 520.37.

Chú thích

Nhà nước luôn luôn hờm sợ để niềm phong nhà của Việt kiều “vắng mặt”, không
cho thân nhân tại chỗ dọn vào, rồi bán nhà “tham lý” cho cán bộ.

bản văn trước đây cũng thường được dùng trong loại truyện siêu tiểu thuyết (metafiction) của Mỹ. Những câu chú thích có tác dụng đầu tiên — không phải đơn giản để làm sáng tỏ bản văn — là làm gián đoạn dòng trôi chảy tư tưởng của người đọc, như một lời kéo về thực tại.

Thử đọc dòng chú thích nơi đây (nguyên văn):

Chú thích

Nhà nước luôn luôn hờm sợ để niềm phong nhà của Việt kiều “vắng mặt”, không cho thân nhân tại chỗ dọn vào, rồi bán nhà “tham lý” cho cán bộ.

Chúng ta thấy chú thích này không còn là một phần của bưu ảnh, mà là một giải thích cho những người đọc ngoại quốc, chứ không nhằm vào các nhân vật trong bưu ảnh như “chị Hai, chị Ba, Khoa, Đạo, Thường...”

Một điều để nhận xét: trong tác phẩm chụp bắt của Duchamp, người ta thấy có một bồn tiểu thật được lượm vào, nhưng trước bài thơ của Nguyễn Đăng Thường chúng ta không biết thật sự có bưu ảnh này thật ngoài đời hay không. Nghĩa là không biết đây là hư cấu (đặt chuyện ra) hay là nhật vào một mảnh thực tại ngoài đời.

Có nhiều điều chúng ta không hiểu hết, thí dụ như các địa chỉ (VENIZIA Piazza s. Marco... và dòng 208 - ed. g. F. Zerella VE - Tel. 520.57.) Mà số phone có lẽ cũng không thật. Lại thêm ba dòng bí hiểm: O K / SPEDISCI / QUALITA.

Bài này nơi đây có hai mặt. Mặt thứ nhất là mô phỏng chứ không phải cứ bốc thực tại bỏ vào, điều này nghĩa là có vai trò của tác giả, người sao chép lại và sắp xếp lại và sau đó thì chú thích cho rõ thêm nghĩa.

Mặt khác, nơi đây cũng có những yếu tố tối nghĩa, y hệt như sự vật ngoài đời, y hệt như “cái bàn cái ghế cánh chim cành hoa” trước mắt chúng ta — vẫn muốn đời cam lặng, không giải thích hay biện hộ về sự có mặt của mình (chính đây là điều khác biệt quan trọng với thơ truyền thống, mỗi câu mỗi chữ đều tự biện hộ cho sự hiện hữu của chúng, trong khi thơ phi truyền thống thì hiện hữu thì cứ hiện hữu và không có gì cần biện hộ cho sự có mặt của mình). Có thể làm rõ nghĩa nơi đây thêm: trong thơ lục bát mỗi chữ đều tự biện hộ cho hiện diện của chúng. Nghĩa là, ngay sự hiện hữu đã tiềm ẩn lý do của hiện hữu.

Trong khi đó, *thơ phi truyền thống không hề ép buộc phải tiềm ẩn “lý do hiện hữu” trong “hiện hữu” của các phần tử thơ.*

Nhưng trong các chỗ hiểu được, bài thơ bưu ảnh của Nguyễn Đăng Thường đem chúng ta vào một thế giới nhiều chia sẻ giữa người Việt Nam: hình ảnh một gia đình ly tán nhiều nơi trên thế giới, chuyện nhà nước niêm phong nhà Việt kiều và bán cho cán bộ. Điều này là một phần sức mạnh của bài thơ bưu ảnh, và khi cộng thêm với hình dạng kỳ dị của tấm bưu ảnh thì nó bỗng biến thành một cảm xúc khó quên.

Có cách nào làm hay hơn bài thơ này không? Tôi thú thật là không biết, nếu tôi muốn đưa cũng những cảm xúc như vậy. Có cách nào làm dở hơn không? Tôi biết chắc là có nhiều.

Bài thơ cuối cùng trong số báo trên với cùng kỹ thuật chụp bắt là “*Những Ngày Vô Cảm*” của Nguyễn Hoàng Nam, trang 133 số đã dẫn. Nơi đây là một màn tượng kỳ bí pháp, một phần bàn cờ tướng với vài đường dọc ngang, 40 quân chốt, một quân mã và một quân không hình dạng nơi

vị trí thường được hiểu như của quân tướng (hoặc sủy).

Bài thơ này đã đẩy mức phi lý tới tận cùng. Thử nhìn lại hai bài thơ nói trên của Khế Iêm và Nguyễn Đăng Thường, chúng ta không thấy những yếu tố phi lý. Chụp vài âm thanh trên TV và quơ trên bàn một tấm bưu ảnh, sắp xếp lung tung hay có là hư cấu gì nữa thì nói trên vẫn trong mức độ khá hợp lý với lý lẽ thực tại.

Nhưng bài Nguyễn Hoàng Nam thì nhiều yếu tố thấy rõ là hư cấu và không có thật ngoài thực tại: bàn cờ ngoài đời không chỉ có vài nét, không có quân nào vô hình dạng, và không thể có tới 40 quân chốt.

SURcenSURE

I wish to state in the first place that

.....

.....

..... that he is the

fire in the world, and notably superior

.....

We approve beforehand

..... which he commands ...

.....

we are not convinced that

..... inspired by the highest

motives.

We will therefore voluntarily

ly

.....

..... the pity is

.....

.....

.....

Bài này của Nam làm tôi nhớ đến bài “*SURcenSURE*” của Marcel Duchamp (*Bộ Poems for The Millennium, Tập I The University of California Book of Modern & Postmodern Poetry, trang 323*). Chỉ nói là gợi nhớ thôi, chứ thực sự bài tượng kỳ của Nguyễn Hoàng Nam khác nhiều với bài những ô vuông dấu chấm của Duchamp. Dưới đây là một phần bài “*SURcenSURE*”, bản Anh dịch (bản chính là Pháp văn):

Và chúng ta thử so sánh với bài thơ của Nguyễn Hoàng Nam:

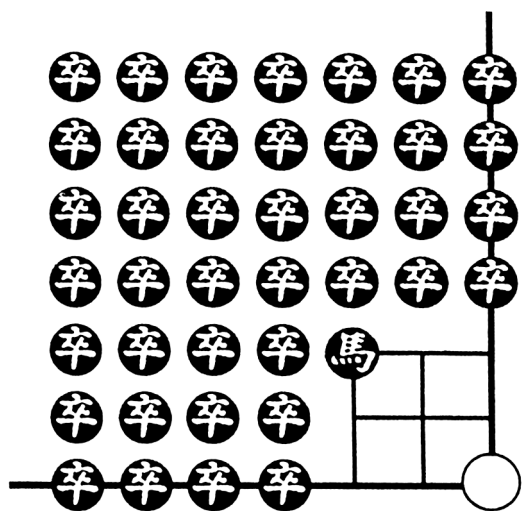
Hai bài thực sự khác nhau xa lắm. Duchamp còn dùng nhiều chữ, và không bóp méo thực tại như Nguyễn Hoàng Nam. Nhưng khối vuông hình thành từ các dấu chấm đã gợi ra một bản đồ trí nhớ, hết như những khoảng trống trong đầu rồi tới những chữ nhớ ra rồi tới những khoảng trống trong đầu rồi tới những chữ nhớ ra... cứ vậy thôi.

Bài của Nguyễn Hoàng Nam thì từng khung trí nhớ lại đầy đặc những quân cờ chốt chốt và chốt. Trong khi ngôi tướng (hoặc sủy) thì lại trống vô hình dạng trong một ván cờ mà đường nét không còn đầy đủ. Bài này cũng có tính chụp bắt, nhưng là “chụp bắt trí nhớ.”

Bài thơ này nói lên những gì? Tôi thực sự không dám tin rằng mình đã hiểu được bài “*Những Ngày Vô Cầm*” như ý tác giả muốn.

Một điều để ghi nhận chung về ba bài thơ trên là yếu tố Việt Nam. Nếu tôi không từng vật vã học Anh văn ngày đêm, thì tôi không thể chia

Những Ngày Vô Cảm



sẽ với cảm thức khoái trá của Khế Iêm khi chụp bắt ba âm thanh bìa lon kia. Nếu tôi không từng trải qua giai đoạn lịch sử gia đình ly tán và nhà cửa niêm phong sợ là cũng không thấy chi là cảm xúc trong bài bưu ảnh Nguyễn Đăng Thước ng. Và cuối cùng, nếu Nguyễn Hoàng Nam vẽ bàn cờ vua (Tây Phương) thay vì cờ tướng (Trung Hoa, Việt Nam) thì có thể tôi không thấy được khung trí nhớ của

mình đôi khi cũng vừa đầy đặc vừa trống vắng.

Nhìn cho cùng thì “thơ chụp bắt” cũng không có gì kinh dị, bởi vì có gì trên đời này mà không phải là thơ. Nhưng nơi đây thì lần ranh giữa thơ truyền thống và phi truyền thống đã rất là rõ. Dưới cái nhìn thơ cũ thì thật sự có những cái không thơ, và mỗi phần tử trong bài đều phải có lý do hiện hữu (câu lục phải là sáu chữ...). Nhưng thơ bây giờ thì bất cứ hữu thể nào (ba âm thanh Budweiser, bưu ảnh, ván cờ bí pháp) cũng đều có thể là thơ và không cần lý do hiện hữu (có cất bớt hay thêm vào thì cũng chẳng nhầm gì).

Một cách tình cờ, số Mùa Thu 1996 cũng là số kỷ niệm năm thứ ba Tạp Chí Thơ đã trở thành một dấu mốc lớn trong dòng lịch sử thi ca Việt với ba bài thơ nói trên — tôi tin mãnh liệt vào điều này. Tại sao? Bởi vì thật khó mà người đọc, sau khi gấp tạp chí này lại, mà giả vờ rằng mình chưa bao giờ đọc qua số báo này. Tôi đã thử điều vừa nói. Đã đọc, dĩ nhiên. Và đã thử giả vờ như chưa từng đọc qua. Và tôi thất bại. Tuy nhiên cũng phải giả thiết rằng vẫn có cơ hội cho một độc giả nào đó vờ như quên được. Ai biết...

Phan Tấn Hải

NGUYỄN TIẾN

Dọn Nhà

bàn	bay
ghế	bay
giường	bay

trong gian nhà trống

một người	ngồi
-----------	------

Qua Đồng Hướng Dương Nhớ Van Gogh

đấm vào lá
ra hoa
đấm lục lăng
ra trái ấu

đồng
văng gốc hướng dương
hướng dương

đồng
lao xao thở
nghìn lá

đồng
ho lao rớt
nghìn lá

phổi
hố mắt
vành tai

trái ấu gọi lục lăng
ổ mặt trời
nguyên ngọ

trái ấu ôm lục lăng
cổ chim rừng
chóc hét

chóc hét

ĐINH LINH

Lời tòa soạn: *Đinh Linh, đến Mỹ năm 11 tuổi, là thế hệ di dân thứ hai mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính. Ông sáng tác thơ, truyện đăng trên các tạp chí Sulfur, Manoa, New Observations, Denver Quarterly, và Vietnam Forum. Ông cũng là người dịch ra tiếng Anh, ca dao Việt Nam và truyện ngắn Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp (The Retired General đăng trên The American Poetry review số tháng 1&2, 1997.) Chúng tôi xin giới thiệu hai bài thơ của ông, nguyên tác tiếng Anh: Vincent Van Gogh và Letter To My Bed.*

Vincent Van Gogh

Quần quai cùng nổi quần quai Vincent Van Gogh
Còng, trói, tọng Vincent Van Gogh

Trang trí. Vincent Van Gogh chiếc huy chương quá khổ
Bộ đồ quê mùa Vincent Van gogh trong quan tài

Ru rú như con thú mắc bệnh dại
Trang điểm. Vincent Van Gogh cái thầy ma

Lẩn lút. Bức tượng nhỏ-quá-nhỏ Vincent Van Gogh rời khỏi bệ
đá chậm bước trong đêm quanh khu vườn Arles.

*** Arles: Nơi Van Gogh sống.*

Thư Cho Giường Ngủ

Xộc xệch, mút bèo nhèo nhưng hỡi người yêu đời đời của tôi ơi
Động kinh, phóng đãng, tội lỗi tôi. Mi là bằng chứng
Những trò hề, phưởng tuồng, commedia dell-par-deux và
độc tấu, cứ như thế
Túa ra, say khướt, nước mắt cải lương, cuộc trò chuyện buổi
sáng
Nhưng đừng rỉ tai bí mật này. Bọn do thám
Chúng ở chung quanh mọi nơi, đêm nay, tối mai, tối mốt
Chiếc giường ngủ, mi là con thuyền ọp ẹp trên biển Đông.
Đào thoát
Thành phố Hồ Chí Minh. Sao mi cứ mãi khập khểnh trong nỗi
khập khểnh hàng đêm của ta.

LTT chuyển dịch

NGUYỄN DUY

Đường Hầm Biển Manche

Lỗ đen thăm sâu dưới đáy của đáy đêm
xa cách đáy nước vài trăm thước gì đó
xa cách mặt nước dăm trăm thước gì đó
xa cách đời thường khoảng từ đài danh vọng tới âm phủ
xa cách em yêu khoảng giấc mơ dài cộng thêm cơn ác
mộng ngăn ngăn

Ta đang qua con đường không bình thường không tầm thường
ý nghĩ tản mạn đáy của đáy biển
không thể đo lường những khoảng cách tầm thường

Ai chả ưa mơ bay tốc thiên đường
chả ai mơ chui tận đáy của đáy địa ngục
người trái đất xoay tí mù ngoài trái đất

Hè nhau đi guốc vào bụng vũ trụ
tọc mạch cõi khác
nào ai xuyên tìm đen hành tinh
hội chứng mù lòng tối chính mình

Thử tự mổ moi gan mật ra coi?
tự chui hầm ruột mình coi?

Khó!...

London, 10-6-1996

NGUYỄN QUỐC TRỤ

Chúng Ta Chẳng Bao Giờ là của Nhau

Nhưng hãy chia tay những khoảnh khắc--ngoài cuộc đời đó
Chút phù du giữa những lo toan
Khi em kẹt xe ở một ngã tư đường, (chẳng hạn)
Chợt để hồn mình chao nghiêng thay vì xe di động

Biết đâu em sẽ thêm mùi bùn
Bốc lên từ những hốc, hẻm, ngõ sâu
Từ dòng nước đen bên dưới cầu thị Nghè
Khi cơn mưa đầu mùa chợt tới.

Anh ở đây, em ở đây
Vậy mà chúng ta cách xa nhau, thật cách xa nhau, quá đỗi
Còn nhận ra nhau
Nhờ chiếc lá mùa thu
Nhân đôi niềm nhớ.

Thu vàng
Rộn rã những ngày những giờ những phút giây ngày xưa
Em vàng tươi mầu áo
Xanh rực mầu trời
Đen thăm thẳm, mượt như tóc
Như thể chẳng bao giờ em phải lo toan.

*(Sáng nay nhặt sợi tóc ngà
Nhìn con chợt thấy như là chút hương)*

Như ở đây, là bốn câu thơ
 Hãy cho anh tất cả những gì em đã bỏ
 Đã quên
 Hoặc không thềm nhớ

*(Dấy lên từ bụi vô thường
 Ngày qua, tháng lại tà dương kiếp người)*

Làm Nhà

Tặng bạn, như một lời tạ lỗi

Những người thợ khi xây một tòa nhà
 Thường dẫn đo từng khung cây làm giàn giáo
 Sao cho giàn đừng bung
 Ở những nơi bộn bề công chuyện

Chất chiu từng cây thang
 Ngại ngừng từng mối nối
 Tất cả bỏ đi, khi việc xong
 Tường đá lộ ra, uy nghi, sừng sững

Bạn thân ơi, đôi khi có vẻ
 Những cây cầu ngày xưa gãy đổ giữa chúng ta

Đừng sợ. Hãy để cho khung rêu rụn xuống
 Tâm đắc một điều
 Ngôi nhà của chúng ta đã làm xong

(Dịch bài Scaffolding, Seamus Heaney. Poems, 65-75)_

Diễn Văn Nobel 1960

TIA CHỚP SÁNG THIÊNG LIÊNG SỐNG MÃI TRONG ĐÁ LỬA LOÀI NGƯỜI*

Saint-John Perse (1887-1975)

Tôi đã nhận cho thơ sự tôn kính dành cho nó ở đây, sự tôn kính mà tôi hối hả đem trả về cho nó.

Thơ thường vẫn không được đề cao. Ấy là bởi sự chia cách đường như cứ gia tăng giữa tác phẩm thơ và sinh hoạt của một xã hội bị lệ thuộc vào những đòi hỏi vật chất. Khoảng cách được chấp nhận, nhưng không phải do nhà thơ tự ý tìm kiếm, và không có được những áp dụng thực tiễn của khoa học cũng sẽ thấy cùng khoảng cách đó.

Nhưng đối với nhà bác học cũng như đối với nhà thơ, cái mà người ta muốn ca ngợi nơi đây chính là tư tưởng không vụ lợi. Ít ra, nơi đây họ không còn bị coi là anh em thù nghịch với nhau. Bởi vì họ có cùng một câu hỏi trước cùng một vực thẳm, chỉ những cách thế tìm kiếm của họ là khác nhau.

Khi người ta đo tấn thăm kịch của khoa học hiện đại khám phá đến tận cùng trong cái tuyệt đối toán học những giới hạn thuần lý của nó; khi người ta thấy trong vật lý học hai chủ thuyết lớn đặt ra, một là nguyên tắc tổng quát của thuyết tương đối, một là nguyên tắc “lượng tử” không xác thực và vô định là nguyên tắc sẽ mãi mãi giới hạn mức chính xác của cả những kích thước vật lý; khi người ta được nghe nhà cách tân lớn nhất về khoa học thế kỷ này, là người khởi xướng khoa học vũ trụ hiện đại và chịu

trách nhiệm về sự tổng hợp bao quát nhất của tri thức bằng những phương trình; khi ta được nghe ông kêu gọi trực giác tiếp xúc với lý trí và công bố rằng “óc tưởng tượng là địa hạt nảy mầm của khoa học”, và đi luôn đến chỗ đòi dành cho nhà bác học có được một “cái nhìn nghệ sĩ” thật sự — thì phải chăng người ta cũng có quyền đặt phương tiện thi ca chính đáng ngang hàng với phương tiện luận lý?

Thật ra, mọi sáng tạo của trí tuệ trước hết đều mang “tính thơ” theo nghĩa đen của chữ đó; và khởi thủy, trong tương quan của những mô thức cảm xúc và tâm linh, công việc của nhà bác học và công việc của nhà thơ có cùng một chức năng. Khởi đi từ tư tưởng suy lý hoặc từ tính cách hàm súc trong thơ, ai là kẻ đi xa hơn và ai là kẻ đến từ nơi xa hơn? Và từ trong đêm khởi thủy mà hai kẻ mù mất từ khi mới vào đời mò mẫm đi, kẻ thì trang bị bằng dụng cụ khoa học, kẻ chỉ được tiếp tay bằng những tia chớp sáng của trực giác, ai là người bước ra sớm hơn, và phát quang nhiều hơn cả? Câu trả lời không quan trọng. Điều bí ẩn vẫn là một. Và cuộc phiêu lưu vĩ đại của tinh thần thơ cũng không nhường một bước nào đối với những mở đầu bí hiểm của khoa học hiện đại. Nhiều nhà thiên văn có thể điên đầu lên vì một học thuyết vũ trụ đang phát triển, sự phát triển cũng không phải là ít trong cái vô cùng của tinh thần con người — cũng là một vũ trụ. Khoa học càng nổi rộng bờ cõi chừng nào, thì trên khắp vòng cung thiên thang của bờ cõi đó, người ta sẽ còn nghe thấy tiến đoàn săn đuổi của nhà thơ. Bởi vì nếu thơ không phải, như người ta đã nói, là “cái thật tuyệt đối” thì nó cũng là niềm khát khao gần nhất và là sự lãnh hội gần nhất của cái thật tuyệt đối đó, ở cái mức đồng lõa tận cùng mà cái thật trong bài thơ dường như tự tìm hiểu mình.

Nhờ tư tưởng loại suy và biểu trưng, nhờ sự soi sáng ra xa của hình ảnh trung gian, và nhờ lối hòa hợp của các giác quan, trên hàng ngàn chuỗi phản ứng và kết hợp từ bên ngoài, và sau cùng nhờ đặc ân của một ngôn ngữ trong đó chính chuyển động của con Người tự truyền đạt, nhà thơ chiếm được một thứ siêu thực không thể là cái siêu thực của khoa học được. Có thứ biện chứng nào cảm kích hơn nơi con người và có gì nơi con người khích lệ hơn nữa? Khi ngay những triết gia bỏ trốn khỏi ngưỡng cửa siêu hình thì ngẫu nhiên nhà thơ lại thay vào chỗ nhà siêu hình học, và lúc bấy giờ, chính thơ ca chứ không phải triết học, đã tỏ ra đúng là “con đẻ của sự kinh ngạc”, theo cách nói của nhà triết gia cổ từng tỏ ý nghi ngờ về thi cả hơn cả.

Nhưng thơ không phải chỉ là một cách thế nhận thức, mà trước hết là một cách thế sống — và sống trọn vẹn. Nhà thơ đã hiện hữu trong con người thời hàng động, nhà thơ cũng sẽ hiện hữu trong con người thời đại

nguyên tử: bởi vì nhà thơ là phần cấu thành không tách ra khỏi con người được. Các tôn giáo sinh ra chính là từ chỗ đòi hỏi có thơ, là một đòi hỏi tinh thần, và nhờ cái đẹp của thơ, tia chớp sáng thiêng liêng sống mãi trong đá lửa loài người. Khi nào những thần thoại sụp đổ thì chính trong thơ thánh thần sẽ tìm thấy được nơi trú ẩn mà còn có thể là nơi nghỉ tiếp sức nữa. Và cả đến trong trật tự xã hội, và ngay chính trong con người, khi mà những người Khuân bánh mì trong một đám rước thời thượng cố nhường bước cho những con người Mang đèn đuốc thì cũng chính nhờ sức tưởng tượng của thơ mà vẫn còn cháy sáng được cái đam mê cao cả của các dân tộc tìm kiếm ánh sáng.

Thật là niềm hãnh diện của con người bước đi với gánh nặng của vĩnh cửu trên mình! Niềm hãnh diện của con người bước đi dưới gánh nặng của nhân loại khi mà trước mặt họ mở ra một nền nhân bản mới, thật sự bao quát và trọn vẹn tâm linh... Trung thành với nhiệm vụ của mình, chính là ở chỗ đi sâu vào cái huyền bí của con người, thơ hiện đại dẫn thân vào một công trình mà việc theo đuổi cần có sự tập trung toàn diện của con người. Chẳng có gì gọi là đồng bóng trong một thứ thơ như vậy cả. Cũng chẳng có gì thuần thẩm mỹ. Thơ không phải là nghệ thuật của kẻ ướp xác hay của nhà trang trí. Thơ không nuôi ngọc trai, không buôn bán những thần tượng hay những dấu hiệu, và không thể đành lòng chấp nhận một thứ lễ nhạc nào cả. Thơ kết hợp theo những đường đi của nó, về đẹp là sự kết hợp tuyệt đỉnh, nhưng không lấy đó làm cứu cánh hoặc làm dưỡng chất duy nhất của mình. Không chịu tách rời nghệ thuật ra khỏi đời sống, cũng không chịu tách rời nhận thức khỏi tình yêu, thơ là chủ động, là đam mê, là sức mạnh và là sự làm mới thường trực di chuyển các ranh giới. Tình yêu là nhà ở của thơ, bất khuất là luật của nó và chỗ của nó ở khắp nơi, trong vòng khả năng nhìn thấy trước. Thơ không bao giờ chịu vắng mặt hay khước từ.

Tuy nhiên thơ không chờ đợi gì vào những lợi thế của thời đại. Gần liền với số phận của chính mình và đứng ngoài mọi ý thức hệ, thơ tự biết mình ngang hàng với chính cuộc sống vốn không phải tự chứng minh. Và cũng như một đoạn thơ dài linh hoạt, bằng cùng vòng siết đố thơ từ hiện tại ôm vòng cả quá khứ và tương lai, phạm tục cùng với siêu phạm, cả khoảng không gian hành tinh cùng không gian vũ trụ. Cái tầm tối mà người ta trách cứ nơi thơ không do chính bản chất của thơ, vốn vẫn dùng để soi sáng, mà do ngay ở cái đêm tối mà nó thấm hiểm, và thấy có bốn phận phải thấm hiểm; đêm tối của chính tâm hồn và của sự huyền bí đang phủ lấp con người. Lối diễn tả của nhà thơ lúc nào cũng tự buộc không được tối mù và lối diễn tả đó không kém gắt gao so với lối diễn tả của khoa học.

Như vậy, bởi sự hòa mình trọn vẹn vào sự vật, nhà thơ là mối dây liên lạc của chúng ta với cái thường trực và thuần nhất của con Người. Và bài học của người làm thơ là sự lạc quan. Với nhà thơ chỉ có một định luật hòa hợp chi phối toàn cả thế giới tạo vật. Không gì có thể bất ngờ xảy ra trong thế giới đó mà do bản chất có thể vượt qua tầm vóc của con người. Những đảo lộn ghê gớm trong lịch sử chỉ là những út nhíp theo mùa trong một chu kỳ những tiếp nối và đổi mới rộng lớn hơn. Và các nữ Hung Thần đi ngang qua, ngọn đuốc đưa cao chỉ soi sáng được có một khoảnh khắc của cái đề tài rất dài đang diễn ra. Những nền văn minh đã lão luyện không thể chết được vì những xao xuyến của một mùa thu, mà chỉ thay hình đổi dạng. Chỉ có sự bất động mới là mối đe dọa. Nhà thơ là kẻ nào đập vỡ cho ta cái ta đã tập thành quen.

Và chính ở chỗ đó mà nhà thơ dù tự mình không muốn vẫn liên hệ chặt chẽ với biến cố lịch sử. Và không có gì trong thâm kịch của thời đại họ đối với họ là xa lạ. Với tất cả mọi người — nhà thơ phải nói lên rõ ràng lòng khao khát được sống trong thời đại vạm vỡ đó. Bởi vì thời gian mệnh mông và mối mề, cần phải nắm lấy ngay. Vậy chứ chúng ta sẽ nhường lại cái vinh quang của thời đại chúng ta cho ai đây?

“Đừng sợ”, lịch sử bảo, vào một ngày nào đó khi nó lột cái mặt nạ bạo động ra — và với bàn tay đưa lên nó phác cái cử chỉ hòa giải của Thần Linh châu Á ngay giữa vũ điệu tàn phá của mình. “Đừng sợ và cũng đừng nghi ngờ — bởi vì nghi ngờ là diệt sức và sợ hãi là nô dịch. Tốt hơn nên lắng nghe tiếng vỗ nhíp nhàng mà bàn tay vươn cao của ta, bàn tay đổi mới, in vào câu nói vĩ đại của con người lúc nào cũng trên đường sáng tạo. Sự thật là cuộc sống không sao từ bỏ chính nó được. Không có cái gì sống mà bắt nguồn từ hư vô, hay say mê hư vô. Mà cũng không có gì giữ lại hình thể hoặc kích thước, dưới bước tiến dồn dập không ngừng của con Người. Bị kịch không ở trong chính sự hóa thân. Thảm kịch thực sự của thời đại nằm trong khoảng cách mà người ta để mặc cho gia tăng giữa con người hữu hạn và con người vô hạn. Con người được soi sáng ở phía bên này có để cho mình bị tối mù ở phía bên kia không? Và sự trưởng thành gò ép của họ trong một cộng đồng không có cảm thông có phải là trưởng thành giả tạo không?...”

Bốn phận của nhà thơ bất chia phân là phải nhận chân trong chúng ta hai thiên chức của con người và đó chính là nâng cao trước trí tuệ một tấm gương soi chiếu rõ hơn những may mắn tinh thần của chúng. Đó là gọi ra giữa chính thế kỷ này một phận người xứng đáng hơn của người nguyên thủy. Sau cùng, đó chính là kết hợp một cách dạn dĩ hơn tâm hồn của đám đông với sự tuần hoàn của năng lực tinh thần trong thế giới... Đối diện

với năng lực hạt nhân, ngọn đèn đất của người làm thơ có đủ cho chính họ không? Có, nếu con người còn nhớ đến đất.

Và đối với nhà thơ, làm ý thức hư nguy của thời đại mình cũng đã là quá lắm rồi.

Bản Việt ngữ của Hoàng Ngọc Biên

Những người yêu thơ Saint-John Perse (Pointe-à-Pitre, 1887 - Giens, Hyères, 1975) không nghĩ rằng sự lưu đầy mà nhà ngoại giao và nhà thơ Pháp Giải thưởng Nobel Văn học 1960 sống trải qua ở Hoa Kỳ là thời gian ông phải sống xa quê hương. Sự lưu đầy thật sự chính ở chỗ trong gần hai mươi năm kể từ tập thơ *Anabase* (1924) cho đến *Exil* (1942), nhà ngoại giao Alexis Léger, tên thật của ông, đã cách ly Saint-John Perse với thơ ca, và chỗ trống không gì có thể lấp được. Thơ Saint-John Perse, với những câu dài viết nhịp nhàng, thường cho thấy hai động tác nguy trang: nó mở ra thế giới để hít vào hết tiết tấu của đời sống nhưng chính thế giới khi đi qua ngôn ngữ của ông lại thoát ra với một gương mặt mới.

* *Tia chớp sáng thiêng liêng sống mãi trong đá lửa loài người* (tên rút từ bản Việt ngữ tập *Poésie* của Saint-John Perse, Nhà Gallimard xuất bản) là bài diễn văn đẹp đã được đọc tại Lễ tiệc nhận Giải Nobel Văn học ở Stockholm, Thụy Điển, ngày 10 tháng 12 năm 1960, trong đó những lời lẽ sáng sủa của nhà thơ không chỉ diễn đạt thơ ca, mà cả con đường nhân bản, nghệ thuật đi vào thời đại mới của mỗi con người: thơ ca, đó chính là lối nhận thức, lối sống, là đam mê, sức mạnh, là sự bất khuất, sự thấy trước.

Tác phẩm: *Éloges* (1907), *Anabase* (1924), *Exil* (1942), *Neiges* (1945), *Vents* (1946), *Chronique* (1960), *Oiseaux* (1962), *Chant pour un équinoxe* (1975).

JEAN COCTEAU

Bí Mật của Màu xanh

Bí mật của màu xanh được giữ kín. Màu xanh đến từ cõi xa, trên đường đi, nó rần lại và biến thành núi. Con ong đã làm công việc này. Những con chim đã làm công việc này. Thực ra, người ta chẳng biết gì cả. Người ta nói tới màu xanh phổ. Ở Naples, Đức Thánh Mẹ đồng trinh thu mình trong những chỗ vách lõ khi bầu trời lùi xa.

Nhưng ở đây mọi chuyện đều là chuyện huyền bí. Chuyện huyền bí ngọc lam, chuyện huyền bí Đức Mẹ đồng trinh, chuyện huyền bí cái vôi dẫn, chuyện huyền bí cái cổ áo lính thủy, chuyện huyền bí những tia nắng xanh chói lòa và con mắt xanh của em xuyên suốt trái tim tôi.

Tưởng Nhớ Claude Debussy

Sóng nước, lá cây, gió
Và những sinh vật khác không mặt mũi
Yêu mến người, chàng phù thủy của cảnh vật,
Và biết là người sống mãi.

Một quả mận lục tự hủy mình
Máu từ vết thương chảy ra là vàng
Đá hoa không hề bẹp nổi con người đã khuất
mà pho tượng là cả một đám mây.

Mẫu Nhiệm

Có thật là trong thành phố tuổi nước của người, hỡi Thánh nữ
 Đồng trinh,
 Người đã hiện ra trước những người chột, người què?
 Lính thủy ở Bretagne đã trông thấy người nơi những cột
 căng buồm,
 Không phải tôi kể chuyện này, chính họ đã kể.
 Họ bảo, người khoác lên người áo quần chim én
 Nền là hoa lưu ly, trên giấy cắt hoa văn.
 Tiếng thét của người nghe như tiếng thét mong biển
 Khi người biến mất, đã để lại những chữ viết tên họ.

Hẹn Hò Với Thủy Thủ

Rất có thể là ta đang biến mất Félicienne ạ.
 Cái gạt tàn kia, cũng rất có thể là ta đã đánh cắp của nàng.
 Nếu nhìn thấy ta lướt một vòng cung
 Hãy đừng bảo cho mấy tay thủy thủ gan dạ:
 Ta sẽ trở lại trong khoảng thời gian như khi ta ra đi
 Với chiếc quạt len kẻ ô vuông của bộ bài.

Jean Cocteau (1889, Maisons-Laffitte, Pháp) không chỉ làm thơ, viết kịch, viết tiểu thuyết, phê bình văn học, mà còn làm điêu khắc, làm gốm, vẽ tranh, minh họa, làm phim, viết nhạc, và trang trí. Cho dù những nhận định và đánh giá về con người và tài năng ông rất khác nhau và rất hay thay đổi--bởi chính công việc nghệ thuật của ông cũng không hề đứng nguyên một chỗ!--**Cocteau vẫn được coi là nhà mỹ học và là một gương mặt độc đáo của những phong trào văn học nghệ thuật tiền phong đầu thế kỷ này.** Ngoài thơ, tiểu phẩm, tiểu thuyết và kịch, như *Le Coq et l'* (1918), *Le Potomak* (1919), *Plain Chant* (1923), *Thomas l* (1923), *Les Mariés de la tour Eiffel* (1924), *Orphée* (1927), *Les Enfants terribles* (1929), *Opium* (1930), *La Machine Infernale* (1934), *Parents terribles* (1938), *Renaud et Armide* (1943), Cocteau còn dựng vở *Le Sang dpòete* (1930), tham gia thực hiện vở *lternel Retour* (1943), và quay các phim *la Belle et la Bête* (1946), *Orphée* (1949), *le Testament de* (1960). Trong nhà nguyện ở Milly-la-Forêt là chỗ đất ông vĩnh viễn nằm xuống năm 1963, chấm dứt một đời làm nghệ thuật liên tục và phong phú, dường như không ngừng trả lời câu hỏi thách đố mà nhà hoạt động sân khấu ballet người Nga Diaghilev ở Châu Âu từng nói với ông: "Hãy làm tôi ngạc nhiên." _

WYSLAWA SZYMBORSKA

Xứ Không Tưởng

Một hòn đảo nơi đó mọi thứ đều được vạch rõ.

Ở đó, mọi sự có thể được chứng minh.

Ở đó, không đường nào khác tới đó ngoài con đường tiến.

Những lùm cây ở đó trĩu nặng những lời giải đáp.

Ở đó có một cây gọi là Đoán Trúng
với cành lá không bao giờ mắc mứu.

Một cây đơn giản đến lóa mắt tên là Thông hiểu
bên cạnh con suối mệnh danh là Lí đương nhiên.

Bạn càng đi tới càng mở ra thênh thang
cái Thung lũng Hiển nhiên.

Nếu hoài nghi nào xuất hiện, gió thổi tan liền.

Âm vang chờ theo tiếng nói không hề được gọi
và sẵn sàng giải tỏ những bí ẩn trần gian.

Bên phải là cái hang nơi í nghĩa cư ngụ.

Bên trái là cái hồ của Thành tín.

Chân lí tự bật khỏi đáy hồ và trườn trên mặt nước.

Thung lũng do Kiên định ngự trị.
Và từ chóp đỉnh có một tầm nhìn xuống Trung tâm Vật chất.

Dù bao quyến rũ, hòn đảo vẫn không người
và những dấu chân nho nhỏ thấy rõ sát bờ,
tất cả, đều hướng tới biển.

Như thể bao khởi hành chỉ một đi từ đó
để lao vào sâu thẳm không trở lại.

Vào cuộc đời không biết không ngờ.

Tự Phân Thân

Gặp nguy con đĩa biển tách mình làm hai:
hiến trao nửa mình cho thế giới nuốt chửng
còn nửa mình nữa để trốn.

Nó tự xé mình thành diệt vong và cứu rỗi,
thành hình phạt và ân thưởng, thành cái đã và cái sẽ.

Giữa thân đĩa biển mở ra một khe sâu
và bờ mép bèn xa lạ nhau.

Cái chết một bờ, bờ kia sự sống.
Tuyệt vọng bên đây, hi vọng bên kia.

Nếu thẳng bằng, hai đĩa cân bất động.
Nếu có công lí, thì là đây.

Chết đúng mức cần thiết, không vượt lằn ranh.

Sinh trưởng nữa từ thân tàn vớt lại.

Chúng ta, cũng vậy, biết cách phân thân
nhưng chỉ thành xác thân và tiếng thầm đứt đoạn
thành nhục thể và thi ca.

Một bên là cổ họng, bên kia là tiếng cười,
mong manh, mau tắt lịm.

Lòng nặng trĩu nơi đây, còn tình anh nơi kia
chỉ ba chữ, như ba chiếc lông hồng bay vút.

Khe sâu không chia lìa chúng ta.
Khe sâu bao quanh chúng ta.

Nguyễn Tiến Văn dịch

KENZO

*Hoa Xinh
Hạ Hương*

Tháng giêng

Tháng hai

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy

Tháng bảy...

Nguyễn Đăng Thường dịch

ERNEST HEMINWAY

Thơ Trắng

“ 30 “
 7 ! 11 : 14 , 13 .
 3, 3, , .
 , 15 ; 22 !
 ,

Oak Park, 1916

Trapeze (10 Tháng Mười Một 1916)

EDWIN MORGAN

Bài Ca Của Con Quái Vật Hồ Loch Ness

Sssnnnwhuffffll?
 Hnwhuffl hhnwfl hnfl hfl?
 Gdroblboblhobngbl gbl gl g g g glgl,
 Drublhaflablhaf lubhajgabhaflhafl fl fl-
 gm grawwww grf grawf awfgm graw gm,
 Hovoplodok-doplodovok-plovodokot-doplodokosh?
 Splgraw fok fok splgrafhatchgabrlgabrl fok splfok!
 Zgra kra gka fok!
 Grof grawff gahf?
 Gombl mbl bl-
 blm plm,
 blm plm,
 blm plm,
 bip,

Nguyễn Đăng Thường dịch

* Theo truyền tục hồ Loch Ness (Tô Cách Lan) là chỗ ẩn của một con khủng long. EM nói bài thơ bên trên là lời oán hờn của con quái vật cô đơn trước khi lặn xuống nước biệt tăm, vì lúc trời lên nó không được gặp lại lũ bạn thời thanh xuân.

CHÂN PHƯƠNG

Không Thể Phán Xử

không thể phán xử
bình minh ban đầu với dấu chân em

tôi chỉ còn cách đồng lõa
để được yên thân cùng số kiếp

em vô tội chăng?

ngoài sóng triều ra
còn ai biết được điều bí ẩn

ngôi nhà cát lấp
chút im lặng rong rêu
đôi gió lộng...

hãy vứt mặt nạ vào khói sương
rồi lớn tiếng cười

có lẽ huyền thoại
đã bỏ lại chúng mình
giữa thân xác rách đời
để nhắc nhở sự thật sau cùng

là chưa từng có biển hoặc mặt trời

mà chỉ có

vết thương kinh niên của nước
nỗi vô vọng mù lòa của lửa

cũng như

chưa từng có

em với tôi

mà chỉ có

đôi bàn tay

quờ quạng suốt đời trong quên lãng

thế thôi

Kiếp Trước, Kiếp Nay, Và Kiếp Sau của Biển

lac loài

theo kinh mạch thời gian

hạt nước mặn

từ khoé mắt em

rơi qua cơn khát cháy lòng tôi

thấm tan vào các địa tầng trắng muối

khi hiểu ra

biển là trái tim ghép tam của mọi cuộc tình

thì đã đến lúc phải

bỏ các mẫu vụn mùa hè lại cho

thủy triều lũ chim bãi cuối

để sắm vai lão già

ngồi trước giấc mơ bạc sóng

chia hạt cát sau cùng

với cái chết buồn thiêu

dù muốn hiểu thế nào

nu hôn đầu tiên và nu hôn lần cuối của loài người

cũng chẳng hơn gì

mắt trước

mặt sau
một đồng cắc cũ

chiếc nôi cùng nắm mồ cho biển

chính là
môi em với môi tôi

Dọc Theo Mạch Thơ Cạn

dọc thơ mạch thơ cạn
chữ vụn câu rời
phơi trên đá sạn

đường chân trời là dây treo đồ
hong khô mấy cánh buồm dĩ vãng

nơi hậu trường của biển
đôi vợ chồng già
ngồi trước giá vẽ bỏ hoang

đặt máy chữ cuối ghềnh rong
tôi ghi chép
nguyên bản lời sóng trắng

Văn Về Là Chuyện Vỡ Vãn

Đỗ Kh.

“**Đ**ẹp trai đi bộ không bằng mắt rỏ đi xe”. Nói một cách trắng trợn, đây là tình trạng thâm cảm của thi ca (theo định nghĩa truyền thống của nó) hiện nay trong cũng như ngoài nước, ở Đông cũng như ở Tây, sau những thiên niên kỉ làm mưa làm gió nhờ bộ mã. Hiện tượng này tất yếu và cũng dễ hiểu. Thế kỉ sắp hết đã chứng kiến sự biến thái của các phương tiện truyền đạt ngôn ngữ một cách ào ạt đến độ “bộ lạc hóa” trở lại nền văn minh nhân loại (Mc Luhan): Văn hóa, nói chung và phần lớn, đã bỏ rơi cái trung gian mờ ảo của giấy mực để về với thính, thị trong khi toàn cầu trở thành thu hẹp như một thôn làng với kích thước của hành tinh.

Lãnh vực của chúng ta dĩ nhiên không thoát khỏi bàn tay tia sáng (300,000 km/giờ) của thời đại. Tôi không cần thí dụ lải nhải ví Christiane Amanpur với cái bà Ba Lan mà tôi không thể nào nhớ tên hay Keanu Reeves với cái ông gì đó nhà văn Do Thái. Anh cao bồi quảng cáo Marlboro giờ oai hơn Từ Hải và khắp nơi trên thế giới người ta giải trí nhiều hơn với thằng gù của Disney là với Salvatore Quaimodo. “*Phương tiện (chính) là thông điệp*”, ông bạn của ta bảo. Đầu video và cái uốn rốn của Lynda Trang Đài đã tác động văn hóa ở trong nước hơn là ngòi bút và cái ngổ ngàng chính rốn mình của 300 nhà văn thơ Việt Kiều hai mươi năm vừa qua. Thơ, dưới dạng thức chúng ta được biết, ngày càng tách rời với hiện tại và đời sống để trở thành thú vui bệnh hoạn của những chuyên gia bảo tồn xác ướp trong những căn phòng kín.

Trong bối cảnh nhốn nháo của cuộc triệt thoái toàn diện của ngôn ngữ hiện nay (mà điển hình cực đoan là phong trào xâm mình và *body*

piering, đeo vòng ở vú hay đeo vàng ở lưỡi), chuyện người xuôi kẻ ngược cũng dễ hiểu. Giống như những kẻ nhà cháy chỉ lo chạy cái nổi cơm điện hay xuống tàu di tản không mang theo con mà chỉ mang mỗi cái gối ôm, một số các nhà thơ vùng vẫy Vẫn như thứ vũ khí cuối cùng để tự vệ. Đây là trường hợp “*giải cho lấm tẩm cũng ở trường*”, của những người ngồi chọn màu cà vạt trong một trại (một thế giới ngày càng) khổ sở.

Để điển hình, tôi xin phép được dùng Vẫn để thắt cà vạt cho một số bài thơ tự do (tự nhiên) trích trong số vừa rồi (mùa Đông 1996) của Tạp chí Thơ:

Hãy tách rời nàng khỏi tôi:
 Những năm du hành / những thế hệ,
 Những sông ngòi / những lục địa, Những sách vở / thành phố /
 vách tường.
 Nhưng mà tôi luôn luôn canh chừng nàng
 Từ khe hở nơi cánh cửa.
 (“Người Tình”, bản dịch Al Bayati của Lê Thị Thấm Vân)

Tách nàng ra khỏi cùng tôi
 Tháng năm / lục địa / sông ngòi / viễn du
 Vách tường / sách vở / xích đu
 Đong đưa thế hệ, điệu ru phố phường
 Nhưng tôi vẫn mãi canh chừng
 Từ nơi khe cửa ngập ngừng dõi em.

Tuy đây đã có xích đu đong đưa nhưng chắc chắn là chưa đủ, xin bạn đọc kiên nhẫn thêm vài đoạn nữa, thí dụ:

Này những cánh cửa đã khép
 Hồi ức
 Sao bỗng mở toang
 Khi hồn vắng bóng
 Tôi kiếm người
 Như tìm cây súng lục
 Vỡ đời mình
 Hay tự sát
 Bên trong
 (“Một Hình Thức Tự Sát”, Nguyễn Thị Thanh Bình)

Cửa nào đã đóng từ xưa
 Tại sao kí ức lại ủa vỡ toang

*Hồn đi phiêu bạt gió ngàn
Trở về tiếng súng nổ đoàng trong tôi*

Đến đây ta thấy không phải người làm thơ Văn lúc nào cũng lải nhải, bị mê hoặc mãi bởi những câu kinh của chính mình mà thỉnh thoảng cũng giật mình trước điệu nghệ bất ngờ của bản thân. Họ còn có khả năng làm mới lục bát:

Sáng nay đồng hồ bỗng đứng
tôi đôi khi
nổi hứng
cũng muốn
tháo hết pin ra khỏi cuộc đời
thên thang đứng
khởi khởi
như đồng hồ
(“Nổi Hứng”, Nguyễn Thị Hoàng Bắc)

*Sáng nay bỗng đứng đồng hồ
Con tim cũng muốn có giờ nghỉ ngơi
Giải lao
Mệt rồi
Ra chơi
Tháo pin ra khỏi cuộc đời
Thên thang đứng đó khởi khởi đồng hồ*

Tốt hơn hết, có lẽ tôi nên tự lòi thơ tôi ra mà nắn nót và uốn éo:

Đêm Hà Nội vấy chùng
Em đút ắm và tôi dương vật ngổng
(“...”, Đỗ Kh.)

*Hà Nội đêm phủ vấy chùng
Tôi dương mình cứng ắm cùng đút em*

Các thí dụ vừa rồi cho thấy, làm thơ cho Văn, thật ra cũng chỉ là mẹo vặt. Có kẻ thấp người cao, tài vật ở trên đời chẳng bao giờ được phân chia đồng đều nhưng càng cao thì lại càng hại. Vào lúc mà người ta đã biết là hút thuốc làm hại phổi mình và hại cả phổi người khác thì đáng sợ nhất

là những người nhả khói rất là tròn. Khi ngôn ngữ đã chứng tỏ sự bất lực, nói rộng ra hơn vấn đề vớ vẩn của vẩn vơ (áo dài có nên hở cổ kiểu Trần Lệ Xuân?), Thơ phải trở về với đời sống, khi mà đây đó đã bắt đầu vang tiếng hú vô ngôn thân thương của các thiên sư.

Tải thơ bằng phương tiện mới hay dưới một hình thức khác không phải là xúc phạm đến “nàng” của Ngu Yên (Vân) mỹ miều trên những trang giấy hoa vân. Thơ vẫn đã lên lịch như hoa hậu áo tắm, oai nghiêm như những di ảnh bàn thờ. Tôi cúi đầu lạy một cách kính cẩn. Nhưng để sống, Thơ phải là hơi thở, không thể là bàn thờ, phải (linh tinh dung tục) bài tiết, không thể là uy nghi bài vị. Vân, ở đây là biểu dương thép vàng của một thời kì đã mất, là chấn song trật tự của một căn nhà không còn. Ôm cái cửa sổ sắt trên một bãi đất trống, tình trạng ngổ ngẩn này dân gian gọi là tâm thần, những cụ từ quét mái trước cổng của những miếu đền đã được xếp hạng di tích lịch sử.

“Thoạt tiên là ngôi lời” như Phan Tấn Hải nhắc lại trong bài *Tại sao Thơ Vân?* (Thơ số 8). Rồi Tân Ước có “*Những kẻ đầu tiên sẽ là những kẻ sau cùng*”. Trong trật tự ngày nay đang định hình, lời hụt hơi hốt hải đuổi theo cuộc sống. Như cái bóng của chàng cao bồi hí họa Lucky Luke (“Người rút súng nhanh hơn bóng của mình”) không còn phản ánh kịp hình, thơ truyền thống bắn chậm... thì chết. Ngày nay, truyền thống không còn ở sau lưng ta nữa mà ở trước mặt.

Đỗ Kh.

ĐỖ KH.

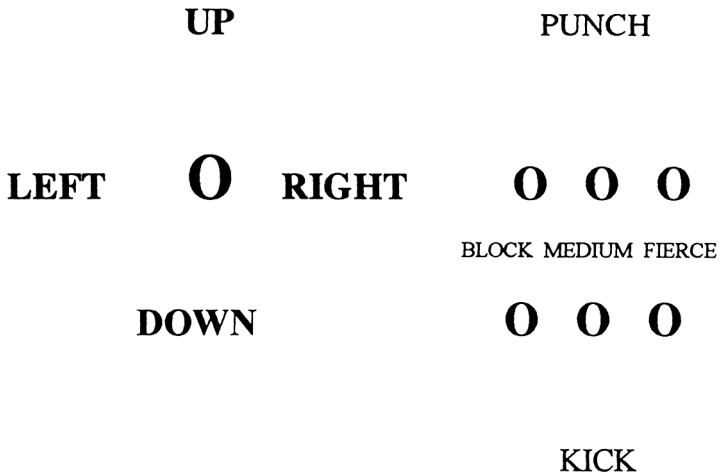
Khẩu Hiệu Cho Đêm Không Ngủ

*(Chống buổi trình diễn văn nghệ C.S. tại rạp Mutualité
ngày 4 tháng 1-1997 ở Paris)*

Đả đảo Bù nhìn Vô thần
Đả đảo Bè lũ Tay sai!
Đả đảo Tập đoàn Lãnh đạo!
Đả đảo các Mác!
*Đả đảo Bảo Quốc!
Đả đảo! Đả đảo!

* Gân Groucho Mác, Harpo Mác, Chico Mác và chàng Ngự lâm Pháo thủ
thứ 4, theo tiểu thuyết (Liên Xô) *Anh em nhà các Mác Ra Zốp*.

Những Ngày Khoái Cảm



Hướng dẫn

Đến một chỗ trò chơi điện tử.

Tìm một máy game đấu như Mortal Kombat, Virtual Fighter...

Lựa một nữ đấu thủ mặc váy rất ngắn.

Dùng các nút chỉ định để điều khiển nàng đá giò lái.

Lặp lại.

Lặp lại cho đến chán.

Bài Thơ Thánh Gióng

Vợ tôi* nằm như nệm rất là êm
 Vợ tôi đắp như mền rất là ấm
 Tôi gối đầu vào bụng nàng nghe ục ục
 Tôi úp mặt vào ngực nàng nghe mát
 Tôi ôm nàng rất chắc
 Vợ tôi bông hollofill vải mịn tơ tằm
 Vợ tôi cội hoa phấn gụ ra trái trắng
 Tôi đè nàng cứng ngắc gỗ lim
 Vợ tôi giường chiếu rất là mềm
 Đó là khi nàng nằm
 Tôi mơ cho nàng giữa hai đùi dịu dàng
 Hết ba nổi cơn
 Vươn mình dậy nàng thành phù đồng
 Nhổ bụi tre nàng đi đuổi giặc
 Lúc đứng thẳng vợ tôi là con người ghê gớm
 Nàng lớn

19/02/97

* “Vợ tôi vân vân...”, André Breton.

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Một Trong Rất Nhiều Nỗi Buồn hay Bài Thơ Về Những Kẻ Muốn Làm Bố Người Khác

Buồn nhất là mỗi khi ra đường
 Hay là lúc xung quanh bàn uống nước
 Trong các cuộc vui chơi...
 Lại thỉnh thoảng gặp phải vài kẻ
 Hống hách, huênh hoang
 Vô ngực tự coi mình: Là bố những người khác.

Mặt họ vênh, vác lên như mặt ngựa
 Mắt quắc lên, hằm hằm... như muốn giận đối ai
 Mồm hét hò, lưỡi nhả chê bai...
 Xem thiên hạ chẳng khác gì cỏ rác

Họ lớn tiếng bình luận thời sự, chính trị
 Lung tung beng Nam-Bắc-Tây-Đông
 Lộn tung phèo Trong-Ngoài-Trên-Dưới

Hoặc cao giọng nhận định nghệ thuật, văn chương
 Thằng đó..., con kia..., gã nọ..., gã này...
 Vẽ..., viết..., trình bày..., bố cục... chẳng giống ai.

Thật khổ sở cho một người nào đó
 Bỗng một hôm bị họ xách lên bàn mổ
 Nếu không bị dè bủ:
 Hạng ngu si, xấu xí, đần độn...
 Thì cũng được chê bai:
 Đồ bị thịt, túi cơm, giá.áo..

Họ tự đặt ra, tự phong cho mình... một đẳng cấp cao hơn.
 Rồi ngồi đó khua môi, múa mép, khoác lác
 Cứ nghĩ mình là bố... là cha.
 Và làm cho thiên hạ buồn, bức mình.

Empelde: Những ngày tuyết rơi đầu tiên, Đông 1996._

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Gõ Cửa Quê Hương

Cốc cốc cốc

Ai đấy?
Cốc đây
Cốc nào?
Cốc thi sĩ
Lộn nhà rồi cha nội

Cốc cốc cốc

Ai đấy?
Cốc đây
Cốc nào?
Cốc ca dao
Cút. Ở đây chỉ ca súng

Cốc cốc cốc

Ai đấy?
Cốc đây
Cốc nào?
Cốc cậu ông trời
Láo. Tao đã lột da nó

Cốc cốc cốc

Ai đấy?
Cốc đây
Cốc nào?
Cốc đụ tía mây
Dạ, có ngay. Ông chờ mở cửa

NGUYỄN ĐỖ

Không Đề Những Con Số

không một năm năm hai hai bốn sáu hai
 Mi Mi mở Ca Đăng đài đầm
 Romanio sút tung điện thoại
 cầu Sài Gòn Lăng Cha Cả
 phở Tây Hồ
 tôi mãi miết chờ vợ tôi mỗi chiều
 đài không qua ngọn cỏ

mày là một thằng quái nào đó
 thằng nào đó là mày
 có thể làm ai đó bụng mang dạ chửa
 tôi đi tàu bằng vé không chỗ
 tôi đi xe bằng xe xin số
 con có chui từ bụng mẹ ra không hở mẹ?

chiều nay tôi lại khóa cửa
 đi tìm đường cứu mình bằng điện thoại
 không một năm năm bốn sáu hai
 tiếng chuông từng đợt rên dài
 tôi quay *Một bốn!*

* Một bốn: Số điện thoại báo cháy khẩn cấp.

NGUYỄN HOÀNG NAM

Người Sói

chỉ trong màn đêm đời không thể mất

tôi gào tên em
cuồng trời gió rú
máu bật môi thèm
mắt long dã thú

tiếng thét xoáy vang
xé từng kẽ tóc
bấn loạn tay chân
cuộc đua hồng hộc
tinh tú nổ phanh
trên đầu lưỡi nhọn
bóng tối nhe nanh
thân người nuốt trọn

tôi gào tên em
máu phùng chất đốt
ngùn ngụt phụt tim
toàn thân ngọn đuốc

mặt trời khét đen
da hừng nhều giọt
cụm mây nồng men
thiên đàng lửa bốc
địa ngục bùng toang
ma ào quỷ ạt
lên đỉnh tục phạm
phọt trào chót vót

tôi gọi tên em
trắng rời rã rớt
liếm mép đã thèm
tiếng cười nhốt nhọt

chỉ trong màu trắng là đời có thật

Đồ Ăn Dở

Cũng khó biết nó bắt đầu lúc nào. Ai mà nhớ. Có thể là một ổ bánh mì dai nhách kẹp một miếng dưa chuột héo héo, mấy miếng thịt nguội như nhớt, vài cọng ngò lèng ngoe. Ổ bánh mì tôi gặm buổi trưa, ngay tại bàn làm việc.

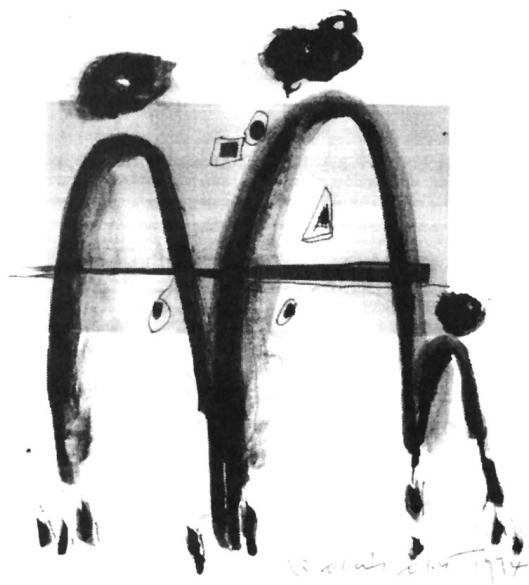
Hay là một xách bia loại dở và một bao khoai chiên lúc tiện ghé ngang cái liquor trên đường về nhà, bước ra không nhìn mặt người bán hàng, một tô mì gói nấu 4 phút rưỡi trong microwave, một nhồi không còn muốn

dọn lên bữa ăn tối, cái gì lải nhải trên ti vi cũng được. Hiếp dâm, trộm cướp, giết người, động đất, cháy nhà, chết đói, mảnh mung, thất nghiệp, chiến tranh, hứa hẹn tương lai, cơm nguội đã hơi cứng bỏ vào ăn với nước mì gói, hay một phim romantic comedy kiểu ngu ngu cho qua 2 tiếng khỏi phải suy nghĩ gì.

Ba phút ở đây, nửa giờ đằng kia, tôi bào, xén dần từng lớp lưỡi của mình, như trả nợ credit card năm này qua tháng nọ không còn biết phân lời. Đồ ăn dở, đồ ăn dở, đồ ăn dở, và đồ ăn dở.

Tôi nhắm mắt là đen thui liền, tôi ngủ rất ngon, những giấc mơ không còn đến nữa.

Tôi tổng ga, đập thắng, nhấn mặt, tổng ga, đập thắng, nhấn nhấn kèn, tổng ga, đập thắng, cau có, tổng ga, đập thắng, tổng ga luồn lách cho bằng được qua những hàng xe nối khít nhau trên xa lộ, sốt ruột như luôn luôn có những nơi phải đến và những chuyện gấp phải làm.



CHỮ ĐỀ THƠ VĂN

Tiếp theo và hết

THỤY KHUÊ

Trả lời câu hỏi: Chì nghĩ gì về thơ có vần?

Tôi không đặt vấn đề thơ có vần và thơ không vần. Mỗi khi đọc văn thơ, tôi thường để ý tìm xem: chỗ này có *thơ* không? hay chỉ là những câu văn vần? Chỗ kia có *thơ* không? hay chỉ là những câu, những chữ, viết lên, viết xuống, hàng này sang hàng khác tùy hứng.

Tôi rất thích chữ *Tìm Thơ trong Tiếng Nói* của anh Đỗ Quý Toàn, câu này đưa ra hình ảnh một người vừa đọc vừa tìm thơ (tất nhiên là thơ hay). Nhiều khi người ta cứ viết bừa những chữ là chữ, mà không có cả vần, lẫn thơ. Điều này cũng dễ hiểu, ở thời nào cũng vậy, thường thường chúng ta đọc cả trăm bài thơ in trên báo, may ra mới có một hai bài, hoặc một hai câu hay, cũng đã là quý lắm rồi.

Vậy thơ là một sản phẩm hiếm; không phải cứ làm thơ là thành nhà thơ. Tôi cho rằng *thơ* là một thứ *ngôn ngữ kết tinh, ngôn ngữ tạo hình, ngôn ngữ gợi âm và gợi cảm*. Vần chỉ là một trong những yếu tố tạo âm cho thơ. Vần vần chỉ là một đặc tính như nhiều đặc tính khác. Thời khởi thủy, trong thơ cổ như Kinh Thi, vần không phải là yếu tố chủ chốt.

Thơ ở Kinh Thi, lời lẽ và vần điệu rất *tự do*: Con người thời thượng cổ dưỡng như tự do hơn bây giờ. Sau đó, loài người “văn minh” ra, nảy sinh luật lệ, phép tắc. Đạo Nho khổng chế xã hội Trung Quốc, trở thành độc tôn ở đời Hán, và truyền sang ta từ thời kỳ Bắc thuộc. Nhưng chỉ thấy sử chép, đến đời Tiền Lê, khi Lê Đại Hành tiếp sứ nhà Tống là Lý Giác, vua mới sai sứ Khuông Việt làm *bài hát*, để tiễn Lý Giác về nước, lời rằng:

Tường quang phong hảo cảm phàm trương

Dao vọng thân tiên phục đế hương

Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang

Cửu thiên quy lộ trường

Tình thâm thiết

Đối ly trường

Phan luyến sứ tình lang

*Nguyên tương thâm ý vị biên cương
Phân minh tấu ngã hoàng*

Trần Lê Sáng dịch:

*Trời đẹp gió lành, cánh buồm giương
Xa ngóng thân tiên, lại để hương
Vượt sóng xanh, muôn trùng non nước
Về phương trời, đường trường
Tình thấm thiết
Chén ly biệt
Vin xe sứ vấn vương
Xin đem thâm ý vì biên giới
Tâu vua thật tỏ tường*

(Khuông Việt làm năm Đinh Hợi 987, theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)

Như vậy, bài thơ đầu tiên được ghi lại trong sử sách của nước ta là một *bài hát*, có thể là phỏng theo một *từ khúc* nào đó của Tầu. Nhưng nhìn dưới con mắt chúng ta ngày nay, thì đó là một bài thơ khá tự do. Cho nên tôi vẫn nghĩ rằng cụ Phan Khôi nói đúng: Chính ảnh hưởng Tống nho đã gò ép con người, đàn bà trong tam cương ngũ thường, đàn ông trong đạo chính nhân quân tử: Vua-tôi, trên-dưới, tôn ti trật tự, và thơ phú phải theo niêm luật gắt gao.

Nhưng cái niêm luật khắt khe ấy, đôi khi không hoàn toàn đỡ. Nhìn lại thơ Đường thì thấy: Hình như chính niêm luật bắt buộc người nghệ sĩ phải “travailler” chữ nghĩa của mình. Có thể vì thế mà những tuyệt tác của Đường thi, cho đến bây giờ vẫn chưa thể hệ nào bắt kịp. Bởi dường như khi người ta đã quen với cái niêm luật khắt khổ ấy rồi, thì không còn thấy nó vướng nữa. Nó chỉ giúp cho người nghệ sĩ *rèn* mình, *luyện* chữ nghĩa của mình cho đắc Đạo. Vì thơ chính là Đạo: Đạo chữ. Cái *giới hạn*, nhiều khi lại là một cách tu thân để vươn lên một đỉnh cao hơn, để vượt tới cái *vô hạn*, *vô cùng*. Cho nên, thơ Đường cô đọng, nhiều hình ảnh, phức âm, đa nghĩa. Thơ Đường cũng giống như trà Tầu, chỉ nhấp một ngụm nhỏ cũng đủ thấy hương vị ngọt ngào, trong khi phần lớn những bản “trường thi” (hết thời này đến thời khác), ta có uống cả ao cũng chỉ thấy toàn nước lã.

Vậy vấn đề đặt ra, không phải là có vần hay không vần, cũng không phải cổ điển hay hiện đại, mà là: Khi được tự do, con người có biết “tự làm khó” để sáng tác những sản phẩm thực sự là thơ, hay sự tự do chỉ đưa đến những vôi vàng, những lối lằng sằng?

Thơ là con đường khó, nếu không muốn nói là khó nhất trong văn chương. Có những thi sĩ bẩm sinh, nhưng sau sự bẩm sinh đó, họ đều có hành trang tư tưởng, có những suy nghĩ lao lung về cuộc đời, dù là rất trẻ,

rồi họ mới dùng ngôn ngữ thơ như một cách phát biểu cô đọng nhất để nói về cuộc sống.

Ngày nay, thể cách phát biểu ấy có khác xưa: Chúng ta có thể dùng nhiều phương tiện để đi đến cùng một mục đích. Nếu đường Sài Gòn Hà Nội có nhiều phương tiện giao thông, thì người làm thơ hôm nay, cũng có nhiều phương cách, nhiều hình thức sáng tác.

Riêng về khía cạnh nhịp điệu không thôi, thì nhịp điệu trong thơ ngày xưa là nhịp điệu của vắn, người làm thơ hôm nay có thể bỏ hẳn nhịp điệu của vắn, để tìm đến các thứ nhịp điệu khác như nhịp điệu hình ảnh, nhịp điệu tâm thức, nhịp điệu âm thanh, nhịp điệu cảm xúc, nhịp điệu thể xác, nhịp điệu tâm linh, kể cả nhịp điệu không gian, nhịp điệu hình học, nhịp điệu tin học, nhịp điệu tư tưởng ... Miễn là những con đường ấy vẫn phải dẫn đến mục đích cuối cùng là sáng tạo được thứ *ngôn ngữ kết tinh, tạo hình và gợi cảm*.

Sáng tạo là đi tìm cái mới, nhưng trên đường đi, đừng quên bản chất của nghệ thuật bao giờ cũng là cái Đẹp. Baudelaire có thể làm thơ về một xác chết thối rữa, nhưng *ngôn ngữ* thơ ông phát quang, tỏa ra những hình ảnh rùng rợn, khiếp đảm, nhưng cũng vô cùng mãnh liệt, tha thiết, kinh hoàng về số phận tình yêu và con người. Francis Bacon có thể vẽ những bức họa khủng khiếp về “angoisse humaine” (nỗi khủng hoảng của con người), về cái ác, cái xấu ... nhưng với một bút pháp, bố cục xuất thần, gây ớn lạnh, toát ra một thứ nghệ thuật kinh dị, độc đáo.

Trở lại với thơ: Sáng tạo là sáng tạo ngôn ngữ dẫn đến Thơ, sáng tạo cái Đẹp. Nhưng Thơ cũng như cái Đẹp, khó có thể vàng thau lẫn lộn với cái xấu, cái thô thiển, cái vội vàng, nham nhở.

Nghệ thuật là tự do. Nhưng là sự tự do khắc kỷ. Khi bị hạn chế, giáo điều, nghệ sĩ bị gò ép để tìm ra cái đẹp. Khi được tự do bay bổng, thì nghệ sĩ lại phải biết giám định chính mình, để tìm tới sự thăng hoa.

Chú thích:

1 Tôi không nhớ rõ đã đọc ở đâu, hình như ông Nguyễn Văn Xuân thì phải, ông có viết một câu đại loại như: Việt Nam có đến hàng vạn người làm thơ, mà không có lấy một vài nhà thơ. Có thể ông nói quá lên một tí, nhưng tinh thần câu này không xa sự thật: Người mình cứ tưởng “làm thơ” dễ, thật ra làm thơ không dễ, không phải cứ làm “lục bát” là có thơ.

TRẦN MỘNG TÚ

Thơ Vắn và Không Vắn

Người làm thơ nào đặt bút viết bài thơ đầu iên chắc cũng phải là một bài thơ có vắn (không nói đến chuyện hay dở vội) Thơ vắn tạo ra âm

nhạc, dễ nhớ, dễ làm người đọc, người nghe rung động. Thơ vẫn nó đưa được tư tưởng liên tiếp nhau như tiếng sóng dội kéo theo cái âm. Thơ vẫn còn nói lên được cái trang trọng của chữ nghĩa, nó ép người làm thơ phải hiểu thấu luật bằng, luật trắc. Đọc một câu thơ có bằng, có trắc nghe đã êm tai mà cái âm của nó còn dội vào trong hồn mình. Người ta phải thật là thuần nhuyễn về làm thơ vẫn rồi thì mới có thể làm một bài thơ không vắn *hay* được. Vì theo tôi những bài thơ tự do mà mình cảm nhận được nó hay, mình nhớ được nó thì bài thơ đó khi đọc lên nó vẫn có bằng, có trắc và có nhạc trong thơ.

Bài thơ lục bát *Dặn Dò* của Nguyên sa là một bài thơ vắn, chỉ đọc một lần là nhớ:

*Em đi mỗi nhánh một lần
nhánh xa đi trước, nhánh gần đi sau
gió làm nhánh tóc bay mau
nhánh thơm em nhớ, nhánh sầu em thương
ngàn đêm ngàn nhánh keo sơn
mai về nhớ hỏi anh còn giữ đây*

Âm nhạc tràn đầy trong bài thơ. Trong khi đó, tôi trích ra đây một đoạn thơ trong bài thơ tự do *Hoa Tuyết* của Đỗ Quý Toàn:

*Khi em rơi đọng trên những cành tùng nặng trĩu
Em hiền hậu em nép mình nũng nịu
Anh sẽ gọi em là mi mắt trẻ thơ
Mi mắt êm êm
Mi mắt khép
Trên mặt đất muôn đời
Phủ những cơn mơ*

Đoạn thơ này có thể phải đọc đến 2 hoặc 3 lần mới nhớ vì nó không theo cái vần ép buộc của lục bát nhưng nó cũng tràn đầy nhạc tính và ta thấy rất rõ bằng, trắc ở mỗi câu xuống giọng.

Có những người chưa hiểu gì về thơ vẫn cả mà hạ bút xuống làm một bài thơ tự do (bài thơ không có vần) đọc lên ta biết ngay. Đó chỉ là văn xuôi viết xuống hàng, cho chấm phẩy tùy thích mà thôi, khác nào đứa bé chưa biết bò, chưa biết đi mà trèo lên xe đạp phóng xuống dốc.

Nhưng nếu chỉ vì chữ *vần* mà người làm thơ phải *ghép* chữ *sắp* chữ để đọc lên cho xuôi tai thì cái đó sẽ biến thành vè, mất hết ý nghĩa của *thơ* vắn đi.

Ở bất cứ thời đại nào chúng ta cũng có thể làm mới được thơ--nếu chúng ta có cái khả năng đó--nếu không có khả năng mà cứ nhắm mắt khen nhau thì chẳng bao giờ đi đến đâu cả. Mẫu tự Việt Nam từ A đến Y

ai cũng biết cả (nếu được đi học hết tiểu học) nhưng sắp nhặt để thăng hoa nó thành thơ không phải là ai cũng làm được. Niêm luật thì học từ Trung Học Đệ Nhất Cấp nhưng không phải ai cũng thuộc bằng bằng, trắc trắc để đem áp dụng khi làm thơ.

Một bài thơ hay không bắt buộc phải là một bài thơ vần, cũng không nhất thiết phải là một bài thơ phá luật, phá cách. Bài thơ hay là một bài thơ khi đọc lên người nghe thấy bằng hoàng, xúc động, có khi nhìn rõ thấy cái hay của nó, có khi chỉ nghe thấy cái âm hay của nó, có khi chỉ cảm được cái tứ hay của nó. Tự trung nó phải mang cái chất thơ ở trong câu, trong bài.

Đổi mới thơ -- đừng nói đến kỹ thuật vội, hãy nói đến cách xử dụng ngôn ngữ. Có những ngôn ngữ rất hay, rất chải chuốt, rất bóng bẩy, rất thơ mà chúng ta không dùng nữa vì thấy nó không còn thích hợp ở thời buổi này:

*Niềm khát vọng, ta ghi vào huyết sử
Dưới chân em, thơ lạc mất linh hồn
Ta đau xót trong mỗi giờ tình tự
Ta khóc nhiều cả những lúc trao hôn*
Đình Hùng

Cũng nụ hôn, cũng là thơ *vần* nhưng chữ nghĩa mới mẻ hơn, giản dị hơn vẫn mang đầy chất thơ:

*Em ngồi thơ thẩn nhìn đàn kiến
Cụng đầu nhau giữa vách tường xanh
Chúng hôn nhau mãi mà không chán
như những hôn nào em với anh*
Luân Hoán

Du Tử Lê có tài làm mới thơ trong “chữ”, *không phải trong kỹ thuật*, ông ta đang tìm tòi trong lãnh vực này:

*Nhớ em kim chỉ khίου tình
Trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre*

Chữ “khίου” vừa quê mùa, vừa tầm thường chỉ có người nhà quê mới dùng khi nói về việc vá quần, vá áo. Khi thi sĩ đem nó vào thơ để vá tình, chữ “khίου” bỗng trở thành một viên ngọc.

Thơ *vần* hay không *vần*, mỗi thể thơ có một cái hay riêng của nó. Tuy nhiên nếu chưa làm được một bài thơ *vần* gọi là hay thì khó mà thành công trong thơ không *vần*.

Khi nói đến “thơ” là nói đến -- Chữ, đến Ý, đến Tứ -- Thú thực với vốn liếng hạn hẹp tôi vẫn chưa hiểu được những bài thơ *Bàn Cờ Tướng*,

Budweiser nó thơ ở chỗ nào. Tôi vẫn còn đang suy nghĩ vì với cái đầu óc thường bậc trung của tôi thì thơ không có *chữ*, không có *tử*, không có ý thì tôi không gọi được cái “tam không” đó là thơ. Chắc tôi còn phải học hỏi nhiều nữa trong lãnh vực này.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

QUAN NIỆM VỀ THƠ VẦN

Khi bị chàng thơ hay nàng thơ nhập, hình như mỗi người thơ trong chúng ta đều như bị “lên đồng” giữa những tiếng hò la phụ họa của nhạc điệu. Ở những dòng thơ đúng nghĩa là thơ dĩ nhiên tự nó đã là nhạc, và một trong những yếu tố nhả ra nhạc chính là sự hòa âm của vần.

Vấn ví như cuộc gặp gỡ hứa hẹn những bất ngờ kỳ thú, cho cuộc phiêu lưu đẩy tứ thơ đi tìm... ”men Thơ”. Chính cách gieo vần (hay tìm vận) làm số phận của những con chữ đôi khi thoát khỏi sự chộp bắt cảm xúc của nhà thơ, nhưng điều này lại khiến người đọc nhận ra được giọng điệu hay hơi thở của nhà thơ kia với nhà thơ nọ. Nó có tác dụng rên lại những âm vang, chữ và chữ xoắn xuýt; luyến ái nhau cơ hồ như nối liền những nhịp câu tứ tưởng. Do đó, thơ có vần có điệu càng giàu nhạc điệu càng dễ chiếm được ưu thế trong trí nhớ vốn “hoang vu và khóí” của chúng ta.

Dù vậy, nếu chúng ta cứ cố ép các “chất thơ” để vắt cho được những “giọt vần” (vần hay nhịp cũng như niêm, luật...) thì coi chừng đó là những tín hiệu báo trước những bài thơ...cứng nhắc, rập khuôn. Chả trách nhịp điệu trong thơ xưa thường đơn điệu, giả tạo, nghèo nàn.

Theo thiển ý, thơ vần hoặc không vần vì thế không phải là trọng tâm. Cái khó nhất của một nhà thơ là khát vọng kiếm tình để khai sinh những bài thơ hay. Cái hay ở thời đại này dù vậy chưa chắc đã được chấp nhận ở thời đại kia. Những biểu thức mỹ cảm của mỗi thời mỗi khác. Những chất liệu...thơ cũng được rút tủa hoàn toàn mới mẻ. Nhà thơ trong vai trò dự báo càng muốn khơi dựng lên những mô thức tạo chữ tạo hình hay tạo âm điệu...khác biệt, khả dĩ phù hợp với con người trong cuộc sống ấy.

Tôi là một kẻ thích mần thơ chắc đang đến cỡ gần với tên gọi “thi sĩ”, thật tình chính hấn không rõ tại sao lúc này có nhu cầu giải tỏa tâm lý bằng thơ vần và lúc khác thì không. Tùy vào “nội công thâm hậu” của chàng Thơ chăng? Đùa thôi!

Với tôi, có lẽ tôi thấy mình gần gũi với thơ không vần hay còn gọi là thơ tự do hơn. Dường như khi mang hơi thở thật của cuộc đời tục lụy này vào thơ, chúng ta thấy cách diễn tả “du dương âm điệu” của thơ vần không còn “thực tế” nữa. Thơ vần coi bộ cũng khó chuyên chở nổi những

bức phá nội tâm như loại thơ hiện thực. Ở những “tính tình” này, thơ tự do dễ biểu tỏ vì gần gũi với những lời nói tầm thường, giữa con người với con người và do đó theo tôi thơ tự do dễ làm cho có hồn hơn. Nhà thơ có thể đẩy cảm xúc đến tận cùng mà không sợ khựng vì những gò ép vắn điệu.

Dù vậy, thơ tự do thường dễ bị thiên kiến là...”không có vẻ Thơ” bởi nó hao hao với văn xuôi. Cái khó vẫn là sự gạn lọc những giá trị thẩm mỹ trong cách sử dụng chữ. Điều này không thể “triệt tiêu” trong bất cứ một bài thơ, một kiểu thơ nào nếu chúng ta đã trang trọng gọi nó là Thơ.

Những nỗ lực khai phá, mở đường của anh chị em trong *Tạp Chí Thơ* dĩ nhiên rất đáng được hoan nghênh. Khát vọng sáng tạo đã mang Thơ xa dần, xa dần với những quỹ đạo cũ mòn. Khởi nói cũng biết rằng những cái mới...”trật đường rầy” nào cũng khó được chấp nhận ngay ở những bước đầu.

Thơ vẫn hoặc không vẫn, đối hoặc không đối, bí hiểm hay mộc mạc như vè, cổ điển hay canh tân...tất cả cũng đang đề ào ào và mọc lên như nấm quanh chúng ta. Cứ thử coi đây là một dấu hiệu tốt của một dân tộc vốn yêu thơ, bởi lẽ càng có mỗi người mỗi ý thì càng dễ gây được không khí tranh luận. Do đó hy vọng chúng ta sẽ tìm được một lối thoát, một ngã rẽ khác cho Thơ. Với những người thơ đang được tiếp cận văn chương quốc tế, chả lẽ cứ chần chờ mãi vì còn e ngại những gió máy cuộc đời.

HOÀNG XUÂN SƠN

Góp Ý với *Tạp Chí Thơ*

*Thơ vẫn, thơ vẫn, thơ vẫn
Thơ không có vận thì vẫn vào đâu?*

Tôi trích hai câu “điều” trên không phải là để bình vực thơ vẫn đâu, mà chỉ muốn đóng góp một vài ý kiến nhỏ, nhân phỏng vấn của *Tạp chí Thơ* về thơ vẫn.

Xưa kia, nói đến thơ thì liên tưởng đến vẫn, điệu, nay thì chiều hướng đã đổi khác: có thơ mới, thơ tự do, thơ không vần điệu, thơ cụ thể...v.v.. Có phải thơ vẫn đã chết thật rồi không?

Đi tìm một định nghĩa xác đáng cho THƠ quả là một điều vắn nan. Bùi Giáng nói: anh chàng thi sĩ thì làm thơ còn thơ là gì thì ông không biết. Tôi không muốn lần thẩn truy lùng ý nghĩa của thơ, nhân nói chuyện vẫn, điệu chỉ muốn nêu lên vài suy nghĩ. Trước hết, cái nghĩ ra, làm ra, viết ra có phải là THƠ không đã. Một bài thơ hay tự nó đã nói lên đầy đủ ý nghĩ dù có vẫn, không vẫn hay ẩn dưới bất cứ dạng thức nào.

Quy trình sáng tạo cũng chịu sự chi phối của định luật thời gian, từ thơ có vần điệu chuyển sang thơ mới, thơ tự do, rồi phá thể, cụ thể... v.v... rồi có khi trở lại vần điệu, cổ điển. Cái vòng luẩn quẩn cũng giống như thời trang ăn mặc, hết mode này đến mode nọ, chạy một vòng lại quay trở về mode cũ, thêm thắt, sửa đổi đôi chút lại thành mode mới. Mỗi một mode thích hợp với một lứa tuổi, một loại tâm hồn nào đó, hơi có tuổi thì thích cổ điển, lịch sự, trẻ trung thì thích kiểu cộ này nọ...v.v... Tôi nghĩ quá trình sáng tác thơ ca cũng không thoát ra ngoài định luật đó. Thanh Tâm tuyển phối phối, lẩy lừng với thơ tự do hồi *Sáng Tạo*, lúc quay về với Trần Kha bảy chữ đã lắng đọng và đậm đà không kém.

Tôi là một người làm thơ có vần điệu (đa số các bài thơ đã làm), nhưng không phải không có những bài viết hoàn toàn tự do không theo mộ qui luật nào. Sự hình thành một bài thơ có vần hay không tùy thuộc cảm thức lúc sáng tác và nhiều yếu tố khác như hoàn cảnh, vị trí, thi hứng lúc sáng tác. Tôi có thể viết được một câu thơ có vần nhưng không phải tôi chủ tâm từ trước là phải làm một bài thơ có vần điệu. Những ý thơ bất gặp, những ý tưởng tuôn trào đã cuốn hút người viết theo một chiều hướng sáng tác đặc thù vào một thời điểm nào đó. Như vậy, dù có vần, không vần điệu, dù lục bát, Đường luật, bảy chữ, tám chữ hay tự do, cách tân...v.v... thời nào cũng có những bài thơ hay. Nói cho cùng, cái còn lại, rốt ráo vẫn chỉ là THƠ (viết hoa) với ngôn ngữ kỳ cùng của nó.

Tưởng cũng nên nói sơ qua về thơ phá thể. Ví dụ về lục bát, một thể thơ hoàn toàn Việt Nam, đã có lúc biến chất theo thời gian. Gần đây, những bài lục bát phá thể với cách ngắt đoạn, xuống dòng, sắp xếp chữ, cách vận...vv... đã thấy xuất hiện nhiều trong thi ca sáng tác. Nhà thơ Ngũ Yên trong một bài nhận định đăng ở tạp chí Văn Học đã gọi là “tân lục bát”. Có dư luận cho rằng loại lục bát trên là thơ lập dị, hoặc người viết muốn kéo dài câu ngắn ra (!) bằng cách xuống dòng lung tung. Thật ra không phải thế. Tôi là một người có thể nghiệm làm thơ lục bát phá thể vào giai đoạn đầu. Trong nhiều bài, việc đổi dạng thơ tạo ra cho mình một cảm hứng khác và người đọc một cảm xúc mới. Rất chủ quan, tôi đơn cử hai câu lục bát:

...nước non giờ nước non giờ
con thuyền cái bến à ơ tội tình!
(sáu tám viết theo bình thường)

Cải dạng:
... nước non
giờ
nước non giờ
con thuyền

*cái bến
à ơ...
tội tình!*

(Sanh Tiền, Hoàng Xuân Sơn, Huế buồn Chi)

Lối viết sau, theo tôi, tạo nên một cảm xúc bồi rời, đọc lên (hoặc nhìn) nghe, thấy khắc khoải, tội nghiệp hơn.

Hoặc một đoạn khác:

*... thôi
bèo cũng phận long đong
thơ trào từ “lạc kiếp”
hồng nhan
buông...*

(Thơ Ở Ngôi Thứ Nhất, Hoàng Xuân Sơn, Tuyển tập 20 người viết tại Canada)

Cũng là sáu tám nhưng nghe ra một tâm sự ta thán, ngậm ngùi, nhẹ nhẹ.

Tôi nhắc lại, những nhận xét trên hoàn toàn chủ quan. Thơ đổi mới, cách tân có tồn tại được hay không tùy ở sự tiếp nhận của người đọc và qua thử thách thời gian.

Tôi gửi đến THƠ vài sáng tác để bổ sung thêm cho những điều vừa nói.

Mưa*

*Mưa bay trong đầu
mưa sâu trên tóc
mưa khóc đôi hàng
mưa quàng áo trắng
mưa lẫn gấu quần
ướt đầm vai nhỏ
Mưa nằm quán trọ
mưa gõ vách buồn
mưa tuôn sách vở
mưa thở qua đời
mưa ời, nhẹ nhẹ...*

(Tập chí Văn, Saigon 1968)

* Bài này mượn vần điệu của một bài về lối “dung dăng dung dẻ”.

Ra Ngõ Gặp

*Ra đường
gặp gái cười tươi
chợt nghe
xứ lạ quê người
thăm
đau
ngân năm
bản mặt dầu dàu
trái tim vô ý
qua cầu
gió
bay
ra đường thấy nắng hây hây
quay về ngõ gió
thổi đầy
phòng không*
(Virginia, 1989)

LƯU NGUYỄN

Nói chung, thơ vẫn dễ làm, dễ đọc, dễ phổ biến. Đó là ưu điểm mà cũng là khuyết điểm của thơ vẫn. Trong nhiều năm qua, những người làm thơ đã có nhiều cố gắng làm mới thơ vẫn, nhưng có thành công hay không là do khả năng của mỗi người. Với riêng tôi, thơ vẫn hay không vẫn không quan trọng. Điều quan trọng: Thơ phải là thơ. Và thơ hay không lệ thuộc ở hình thức có vẫn hay không vẫn.

Mai Nay Ta sẽ Ra Đi

Mai này ta sẽ ra đi
người ơi có nhớ có gì nhấn không
trăm năm mây trắng bênh bồng
về nơi đã đến mà lòng thảnh thơi

Mai này ta sẽ ra đi
đừng thương tiếc bởi có gì tiếc đâu
ở vui đi cũng chẳng sầu
đời cho quá hậu cơ cầu làm chi

Mai này ta sẽ ra đi
không ưa người sẽ cười khi hả hê
cười đi một trận thỏa thuê
rồi vui với cuộc mải mê dòng đời

Mai này ta sẽ ra đi
bạn thương bạn uống một ly rượu mừng
mừng cho bằng hữu thủy chung
câu thơ ta viết nửa chừng--bạn ngâm

Mai này ta sẽ ra đi
dầu ân nghĩa nặng từ khi quen người
không bên nhau trọn cuộc đời
thì xin gửi lại một trời ái ân

Mai này ta sẽ ra đi
trăm năm cũng thế có gì khác đâu_

NGUYỄN QUỐC TRỤ

Thơ vãn, chuyện xa xưa đó...

Nghệ thuật là một cái gì cần bị huỷ bỏ. Thơ, đỉnh cao của nghệ thuật, cần bị huỷ bỏ trước tiên. Xin đừng gọi tôi là thi sĩ. Hành động dã man: Làm thơ... Thơ vãn lại càng cần bị huỷ bỏ.

Nhưng thơ vãn, nhất là lục bát, mỗi lần bị đưa ra mổ xẻ, bị lên án, là một lần thi sĩ sợ hãi, cầu mong cho nó đừng chết. Khởi từ ca dao qua tự do. Tôi làm thơ (lục bát) như làm điều không thể (l), cho dù có phải cắt nó ra từng mảnh. Nghệ thuật gọi là tiền phong, không phải bởi vì nó hô hào, đòi huỷ diệt cái cũ, mà thực ra, nó sợ cho cái cũ bị hy sinh, một khi trở lại không đúng lúc, không đúng chỗ. Khi nhóm Sáng Tạo *đập* Tự Lực Văn Đoàn tới bờ, nhân danh một dòng văn học nghệ thuật mới, dĩ nhiên, nhưng thật ra là sợ cho lần thất bại thứ nhì của nó, trước đời sống, lịch sử. Đập để có thể giữ lại những gì cần giữ.

Vả chăng, lục bát, khi cảm thấy hiểm nguy, khi bị đời sống lạm dụng vào những mục tiêu *phản nghệ thuật*, lập tức nó chứng tỏ sự hiện diện của nó. Trước những *thống nhất sơn hà, chia rẽ nước nhà làm hai, lòng súng nhân đạo cứu người làm than*, xuất hiện những dòng thơ lục bát mới thật mới của Cung Trầm Tưởng:

*Mùa đi bỏ lại gốc dừa, cội măng
Tháng Giêng buốt xẻ đôi đặng
Nửa chì mưa đục, nửa băng giá hồn*

Hoặc cũ thật cũ, thật cổ xưa, mang dáng dấp Chinh Phụ Ngâm, Bà Huyện Thanh Quan, thêm một chút Huy Cận tiền chiến, của Nhã Ca:

*Đời sống ôi buồn như cỏ khô
Này anh, em cũng tựa sương mù
Khi về tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ*

(Từ “nón nhỏ che trời lạnh” của Huy Cận tới “tay nhỏ” của Nhã Ca, theo tôi, thơ Việt đã chịu một “cơn đau tưởng thành” khủng khiếp. Liên theo đó là cơn đau tưởng thành “thơ tự do.”)

Chuyện vẫn, không vẫn trong thơ, theo tôi có chút liên quan đến âm nhạc. Trong Thần Điêu Đại Hiệp, khi Quách Tĩnh, Âu Dương công tử cùng đến xin bàn tay của người đẹp Hoàng Dung, ông bố vợ đại ma đầu tấu lên khúc nhạc Sex, Âu Dương công tử quá rành, họa theo, Quách Tĩnh cứ nhè những chỗ không thể gõ, để mà đập. Thơ không vẫn có lẽ cũng như vậy. Nó có vẫn theo kiểu của nó. Nó có vẫn ở những chỗ, ở những chữ không thể nào có vẫn được. Nó là thơ bất khả thơ.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc thơ. Câu đó, chê, mỉa mai thì nhiều, và phần lớn là do lục bát, do ca dao bị xuống cấp trở thành vè. Lục bát ngăn trở con đường văn minh tiến bộ của dân tộc, có thể như vậy lắm. Theo suy nghĩ ta về ta tằm tao ta, hoặc chỉ có những người Âu châu đã chết rồi mới có thể “làm văn chương”. Khi từ chối thơ tự do, đa số ngậm ng đắng định như vậy. Sự thờ phụng thơ lục bát, tìm đủ mọi cách để giữ nó như giữ con người của mắt mình, tự dựng làm người viết nhớ tới sự thờ phụng hình tròn trong triết học, thiên văn học Tây Phương. Trong cuốn *Những người mộng du*, Koestler khi tìm hiểu về ngành Thiên văn học qua cuộc đời của ba người khổng lồ Copernicus Nicolaus, (1473-1543, người Balan), Kepler Johann (1571-1630, người Đức) và Galileo Galilei (1564-1642, người Ý), đã đi đến kết luận, sự tiến hóa của con người không theo đường dốc đứng, mà là một đường zích-zắc. Có những lúc con người đã lên đến *đỉnh cao thời đại*, rồi vì một sự ngu đần nào đó, lại tụt xuống hố thẳm. Theo ông, thời kỳ Pythagore, nhân loại đã *mường tượng* ra quỹ đạo của những hành tinh là hình bầu dục. Nhưng triết học Aristotle, khi chủ trương thế giới của tư tưởng mới *hoàn thiện* so với thế giới vật chất, và vòng tròn là hình *hoàn thiện nhất*, so với bầu dục, cho nên quỹ đạo của các hành tinh phải là hình tròn. Sự thờ phụng, hay là sự chúc dữ (la malédiction) của cái vòng tròn

đã làm cho khoa học Tây phương chìm đắm cả trên ngàn năm. Kepler, khi khám ra ba định luật liên quan đến chuyển động của các hành tinh, và đi đến kết luận, quỹ đạo của chúng là hình ellipse, đã “sợ hãi” ghi vào nhật ký, đại khái là: Tôi phải là một tên điên, một kẻ sát nhân mới tưởng tượng ra một điều khủng khiếp như vậy ... Cái điều này thời Pythagore đã biết rồi...”

Roland Barthes, trong bài viết *A Magnificent Gift*, in trong *The Rustle of Language* (*Le bruissement de la langue*), đã cho rằng, Văn chương mang ơn Jakobson rất nhiều. Ông đã mang đến cho nó một món quà tuyệt vời: Ngôn ngữ học (linguistics). Dĩ nhiên, Văn chương chẳng phải đợi Jakobson mới biết nó “đã là” ngôn ngữ (Language). Tất cả Tu từ học cổ điển, cho tới Valéry, đã khẳng định điều đó. Nhà ngôn ngữ Jakobson, ngay từ khi còn trẻ, đã “loay hoay” muốn bổ sung một điều gì cho tình trạng này. Bởi vì ông một đời miệt mài với tình yêu thi ca, với hội họa, với nghệ thuật thứ bảy. Bởi vì ở ngay trái tim của sự tìm kiếm của ông, ông không bao giờ “kiểm duyệt” niềm vui của ông, như một người có văn hóa. Và ông nhận ra rằng: Hiện tượng khoa học chân xác của hiện đại tính không phải là *sự kiện* (fact), mà là *sự liên hệ* (relationship).

Jakobson đã ôm lấy Văn chương bằng ba cách. Trước hết, ông tạo ra, ngay trong ngôn ngữ học, một bộ phận đặc biệt, Thi Học (Poetics). Điều mới mẻ trong việc làm của ông, phần đóng góp lịch sử của ông, đó là ông không định nghĩa bộ phận này, từ Văn chương--như thể Thi Học vẫn phụ thuộc vào *thi tính* (poetic) hoặc thi ca (poetry)--nhưng từ sự nghiên cứu những nhiệm vụ (functions) của ngôn ngữ.

Và đây là kết luận của ông, như một lời *nhấn nhủ* của một tri âm, đúng ra là của một bậc thầy, tới độc giả tạp chí Thơ, nhân cuộc phỏng vấn về thơ văn: *Tất cả mọi hành động-nói (speech-act) nhấn mạnh tới hình dạng của thông điệp, là thơ.*

HOÀNG NGỌC BIÊN

Uống Trà Sớm Mai

châu xa phố thị mịt mù
không tuôn sợi đỏ khói rừng bay cao
ngàn mây đường xuống dạt dào
thì thôi bỏ dở mộng vào đường xe

này đây khói trắng xuống rừng
mây bay qua núi tưởng chừng đổ mưa
không nghe gió cũng đổi mùa
nước tuôn sỏi cát chạy đùa dưới khe

đường về buồn nặng xuống vai
hồn sao bỏ ngõ nhớ loài rêu phong
vườn sau lá tỏa hơi nồng
cỏ say rã mục gió đồng gọi tên

rừng thưa rũ bóng lá vàng
vai đầy củi mục từ ngàn xuống thôn
cỏ khô suốt dọc đường mòn
chân lê túi nhục bước đôn ngộ đêm

buồn tôi lắng xuống ga này
thêm hoang trở lại chỉ đầy thương đau
qua khung cửa nắng đổ vào
xe chiều thở khói lũy hào kín sương

lững sâu nắng chạy đổ dần
cây cao khổ nhọc ngựa còm xuống khe
nước in một vũng trời hè
chim ngưng giọng hót suốt về ngàn lau

tiễn đưa chỉ một lần này
hành trang để lại vai gầy rừng rưng
đường lên tối thẳm một vùng
có con chim nhỏ về rừng đón ca

đau thương giấc ngủ buổi chiều
 cồn xa gió vọng sáo diều về đây
 mình tôi với điệu buồn này
 thật trơ giận dữ tay gầy xót xa

thu hồng khép kín ngoài hiên
 đồng xanh gọi nước khô miền hoang vu
 nửa đêm nghe giọt sương mù
 bến sông trắng cỏ thuyền ru nỗi buồn

biển xa dạt bóng vô bờ
 thân cô trơ nổi xóa mờ dấu đi
 nhớ thương còn có nghĩa gì
 đường vào khổ ải cổ ghè đá xanh

nắng trưa phố chợ tiêu diều
 hồi chuông hoảng hốt giục chiều lá rơi
 nửa vòng tay thả bồi hồi
 tưởng nghe bước chậm đổi dời sao đêm

vết đau nhỏ giọt xuống đường
 tôi từ già biệt gió sương trở về
 khoảng không như cũ mỗi ê chề
 thu vào bệnh viện não nề ruột gan

bước em về tỉnh lẻ buồn
 mưa chiều rơi xuống giữa hồn lạnh băng
 tay trơ vẫy nhịp bằng hoàng
 đường lên nức nở một hàng me xanh

chân xưa những bước tung hoàng
 nghe đêm nổi gió lá cành tỉnh thân
 xe du điệu nhớ tần ngần
 ngựa gầy tôi đã đếm lần cỏ hoang

mưa khuya trắng tỉnh lẻ hồn
 vàng đêm rụng xuống cây đồn bóng cây
 em đan nỗi nhớ tháng ngày
 tuổi thơ rơi mất xác gầy mùa thu_

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Hỏi Chi Hoa Mai Nở

Tuyết lạnh Virginia
Sầu con càng tê tái
Mẹ mất tại quê nhà
Ngàn trùng chưa gặp lại

Ra đi từ dạo ấy
Tháng tư trút hơi thở
Trên biển sóng ngất ngây
Sao đành lòng không ở

Chiều thấp xuống bờ vờ
Nơi ngực đời ngưng lại
Dối mắt đau bến bờ
Một phố biển nên thơ

Mẹ ơi con nhớ mãi
Tóc con mẹ vuốt chải
Gỡ rối con sớm mai
Chữ gương lược thờ dài

Đời chỉ mình mẹ hiểu
Kỳ quan nào lớn nhất
Vì không ai dám biểu
Còn nhận lấy đủ điều

Trái tim mẹ tuyệt hảo
Hy sinh mẹ tuyệt vời
Trời gieo chi gió bão
Để não lòng mưa rơi

Mưa rơi ngấn lệ xưa
Khóc một lần xa mẹ
Ngờ đâu càng xa nữa
Nên ướt hoài mái che

Giờ mẹ ở bên trời
Con nhìn khung hình nhỏ
Khóc một trận đã đời
Nhớ mẹ lắm trời ơi

Nhớ ngày xưa thơ dại
Mẹ bồng bế lên vai
Lưng còng đầu biết mỏi
Nuôi con tiếng ru dài

Bây giờ con chỉ muốn
Về bên mộ quỳ xuống
Ôm mẹ trong bàng hoàng
Vách đá lạnh nghĩa trang

Nhớ mẹ con chỉ biết
Nhấn cùng tuyết tuyết lạnh
Nhấn cùng mưa mưa buồn
Nhấn cùng lệ thơ tuôn

Thấp giùm con ngọn lửa
Hắt ấm hồn cổ tích
Cho lòng ba lắng tịch
Chút nhạt nhòe mưa rơi

Mẹ mất vào cuối năm
Hỏi chi hoa mai nở
Chờ chi én phát phơ
Ngàn đời xuân biệt tăm

Ngàn đời mây bay mãi
Nên ngàn đời biệt tăm!

TRANG CHÂU

Sáng Bão Tuyết

Sáng chúa nhật
Bão tuyết
Căn phòng thiếu sưởi
Chiếc giường con
Chăn không ấm
Anh nhớ em

Anh nhớ mùi tóc
Thơm hơn cỏ non
Màu môi
Tươi như nắng sớm

Sáng chúa nhật
Bão tuyết
Cô đơn buồn gập nhăm
Mặt trời không mọc
Anh nhớ em

Anh nhớ bình minh
Reo trên nụ cười
Ngàn sao lung linh
Ánh mắt

Sáng chúa nhật
Bão tuyết
Anh nồng nàn
Ấp lên môi
Những tờ thư cũ

Những dòng thư
Trong như sỏi đá
Những lời thư
Tỏa ngát hương cau

Bỗng hôm nào
Như buổi sáng hôm nay
Anh chợt thấy
Hạnh phúc gần
Ôm hết cả chia xa
Có niềm vui
Bay trên nỗi nhớ

Và
Anh xin cuộc đời
Gắn bó đôi ta
Hãy đôi khi
Cho một ngày bão tuyết

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Hậu Quả

Những cú vỗ tay
Vô thưởng vô phạt
Làm nàng ngủ say
Trên đồng hào quang
Tưởng tượng
Nàng mập phì
Phương phi
Nàng nở nang
Quá đáng
Những cú vỗ tay
Hữu tình hữu hạn
Nuôi dưỡng căn bệnh
Trầm kha
Chậm lớn
Nàng ngọng nghịu
Đứa bé lên ba

Ý NHỊ

Chiêm Bao Gặp Xuân Quỳnh

Cơn mưa ta chờ đợi
còn ở đâu chân trời
đường dài, ngày nắng xối
bước chân trần Quỳnh ơi

Nào thấy đâu bến bờ
sau gió Lào, cát trắng
thấy đâu mảnh vườn êm
thấy đâu mùa biển lặng

Ánh mắt nhìn đắm đắm
lệ trôi qua nụ cười
suốt một đời vội vã
suốt đời không tới nơi

Kìa mây mùa thu trôi
cúc đã vàng thắm lại
thơ buồn trên mặt giấy
bóng người về đơn côi._

ĐÀI SỬ

Không Đề

Cùng cơn say
Lững thững về
Trời rạng sáng
Xa lộ rộng tuếch
Tiếng nhạc
Từ vùng địa ngục
Gió rầm rập, tứ bề
Gọi tên ai?
Gọi hồn về
Lời kinh vụng
Tháng tám
Và em
Quý dữ
Đêm hội hóa trang

Mộng Sầu

Với tay nhặt cánh mộng sầu
Đặt môi lên hỏi đến từ nơi đâu?
Rằng là từ cố quận xa
Mưa sa, gió cuốn lạc vào chốn đây_

N.P.

Mưa Đầu Mùa

bụi tay hứng
giọt
đầu mùa
giọt
theo từng kẽ
giọt
rơi xuống thêm
g
i
o
t
em
rơi xuống lụa mềm
đau ta từ buổi nhà em pháo rền

Đốt Lửa Tim Nhau

Hãy đốt lửa lên em
Xông tro tàn năm tháng
Trong mắt anh màu khói quầng thâm
Từng tia máu đỏ căng đầy nóng hổi
Như tim anh nóng hổi tình em
Đợi đến ngàn năm sau
Đốt lửa tim nhau
Em có còn nhận diện
Đôi mắt với trái tim mặt trời mai sớm
Hôm nay bên em
Đốt lửa cả rừng hoang bùng cháy
Em vẫn vô tình theo cuộn khói vút cao
Tan loãng vào hư không
Còn lại tro tàn
Rừng hoang phế
Và trái tim anh vẫn nóng hổi tình em

Dã Thú Và Trái Tim Người

Ngày đó ta cố ý không nhìn em mà lòng buồn với vợ
Em vui trong áo hồng khăn cười
Ta một mình bước giữa những tiếng cười vang
Tâm hồn em mở rộng hân hoan
Đón nhận những lời chúc tụng
Tâm hồn ta đóng kín nỗi niềm riêng ai biết
Rồi Xuân Hạ Thu Đông
Ta theo đời xuôi ngược
Ảnh hình em và ánh mắt xưa mãi theo ta từng bước
Ngải tình đã hóa ta thành dã thú đi hoang
Nhìn trắng, mơ về dĩ vãng
Ánh sao trời lấp lánh nhớ phố thị lên đèn
Những con đường thẳng tắp trong ký ức
Đâm thẳng vào mắt
Ta thấy bóng em về
Đôi chân em có chân người bước giúp
Nụ cười em có nụ cười người sắp đặt
Em không là người máy
Mà mắt em sao trang điểm quá nhiều màu
Đỏ cam vàng xanh lam chàm tím
Em mừng vui
Như đứa bé lên năm thấy được cầu vồng
Ta điên cuồng nguyên rửa bóng đêm
Những quái dị mê hoặc lòng người
Ai chịu nghe ta vì ta đang là dã thú
Lỡ ngậm ngải tình
Đi tìm trái tim người nghiêng về phía phải
Nhưng trái tim người chỉ nằm phía trái
Ta vẫn mãi là dã thú đi hoang.

Sự Trở Về của Thi Gia.

Roland Barthes

Khi ngồi trước tác phẩm, thi gia không tự hỏi chính mình: Cái này nghĩa là gì? Cái này từ đâu tới? Nó nối kết với cái gì? Nhưng, giản dị hơn, và gay go hơn thế nhiều: Cái này được làm ra như thế nào? Câu hỏi này đã được đặt ra ba lần rồi trong lịch sử của chúng ta:

Thi ca có ba ông thầy: Aristotle (mà Poetics của ông cung ứng bản nghiên cứu cơ cấu đầu tiên về những cung bậc và những phần đoạn của bi kịch), Valéry (người nhấn mạnh, văn chương được tạo thành như là một đối tượng của ngôn ngữ), Jakobson (người gọi Poetic, bất cứ một thông điệp nào nhấn mạnh nghĩa-nói của riêng nó). Ngay lập tức như thế đó, Thi ca rất xưa (được nối kết với toàn bộ văn hóa tu từ của văn minh của chúng ta), và rất mới, cho tới ngày hôm nay, nó thừa hưởng sự làm mới quan trọng của những ngành khoa học về ngôn ngữ.

Gérard Genette- và điều này định nghĩa cá tính tác phẩm của ông- làm chủ cả hai, quá khứ và hiện tại của Thi ca. Bằng cùng một kích động, ông là một tu từ gia và một nhà ký hiệu học; figures đối với ông là những hình dạng thuần lý, những cách thức của một bài nói-hay viết, mà lãnh vực của nó không chỉ là một nhóm nhỏ những từ mà còn là cấu trúc của bản văn trong cái toàn thể của nó, bởi thế cho nên, tác phẩm của ông thật đáng gọi là Figures (I, II, III) (Hình Tượng); bởi vì cái thuộc về Hình Tượng không chỉ là thi ảnh mà còn, thí dụ như là, hình dáng của bài-kể, đối vật hiện có đó của môn kể-học (narratology).

Tác phẩm của Genette do đó chiếm giữ một không gian đương đại rộng lớn. Đó là một tác phẩm cùng một lúc mang tính phê bình (liên hệ với phê bình văn học), tính lý thuyết (chiến đấu cho một lý thuyết văn chương, một mục tiêu gần như bị lơ là ở Pháp), tính thực thể (được áp dụng cho những tác phẩm đặc thù) tính tri thức luận (nhờ bản văn, đưa ra một phép biện chứng mới về cái riêng và cái chung), tính sự phạm (tìm kiếm cách làm mới môn giảng dạy văn chương, và cung cấp những phương tiện để làm điều này).

Thi Gia (the Poetician), ngay cả cho tới nay, vẫn được hiểu như là một bà con nghèo hèn của thi sĩ. Nhưng đúng ra, thi ca, như đã được Genettes hành sử, có tất cả cái thực hành (praxis) của ngôn ngữ như là những đối tượng của nó, hay cái thực hành của tất cả ngôn ngữ. Thi ca không chỉ bao gồm trong lãnh vực của nó, những dạng-kế (mà sự nghiên cứu đã phát triển rất tốt đẹp), và mai này, chẳng còn hồ nghi chi nữa, nó bao gồm tiểu luận, diễn văn mang tính trí thức- như nó chọn lựa để được viết ra, cho tới nay- Nhưng nhìn lại chính ngôn ngữ riêng, bị ép buộc phải suy nghĩ về chính bản thân, trong một cách thế nào đó, thi ca chấp nhận như là đối tượng của thi ca. Sự quy hồi này, vốn quan trọng hơn là một triển khai đơn giản, có khuynh hướng biến thi gia thành văn gia, có khuynh hướng tiêu huỷ khoảng cách tôn ti, cấp bậc, giữa “nhà sáng tạo” và “nhà bình luận”. Nói một cái khác, thi gia chấp nhận sự trở về của phần tạo nghĩa (signifier) trong chính bài diễn văn của riêng ông ta. Ít nhất, đó là điều đã xảy ra trong trường hợp của Genette.

Nguyễn Quốc Trụ dịch

Từ bản tiếng Anh in trong tập The Rustle of Language, nxb Hill and Wang, NY. 1986.

HỒNG KHẮC KIM MAI

Đàn Bà

Một Mình Mình

Ở Cõi Riêng...

Ba giờ sáng thức dậy làm thơ
Dòng thơ ngái ngủ
Như người vừa tỉnh rượu
Mà chất rượu là tình nồng
Chăn gối chưa đủ

Ba giờ sáng thức dậy làm thơ
Nghe gà gáy sáng
Tưởng mình còn hoan lạc
Nghe thân thể chín nừ
Một trời giông bão
Nơi chốn phòng khuê

Ba giờ sáng thức dậy làm thơ
Nghe cồn cào ở ruột
Nghe tim rớt bốn bề
Dòng thơ tuôn dồn đập
Tiếng rên dài lê thê

Xin hãy đến
Như hồ tình chuyện liêu trai
Xin chờ đông dài
Vì nguồn hứng sắp cạn
Xin hãy rót một bình thơ rất loạn
Rất loạn
Đục tiếng tục tần trên biển hồ lai láng
Và tiếng khóc
Thật vô cùng sáng khoái
Thật vô cùng sáng khoái
Lúc trời hé rạng đông.

PHẠM QUỐC BẢO

Tình

*Sau khi nhìn hình chụp Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi thiền ở chùa
Hương, tháng 6-96.*

Chỉ khi ngụp lặn trong tình yêu
người đàn bà
mới thực sự có đời sống,
và tình mẹ thương con
biến người đàn bà
thành dương khí
của muôn loài.

JOSEPH ĐỖ VINH

Nhà Tôi Ở Xóm Nghèo. Đô Thị. Nhỏ

Nhà tôi ở xóm nghèo. đô thị. nhỏ

Láng giềng tôi là những người tôi không biết.

Trước sân tôi, những đống rác ngổn ngang,
ở ngoài đường tiếng chó sủa ồn vang, chúng cắn lộn.

Mùi hôi thối. thum thum thoảng đâu đây.
tiếng trẻ con ré khóc suốt đêm, ngày.

Tiếng còi hú của những chiếc xe cấp cứu,
không thể nào vụn nhỏ xuống, hay tắt đi.

Nhưng mặc... màng nhĩ tôi ù lì lắm rồi.

Tôi điêm nhiên nằm xem tivi.
hết tin tức đến những *show* nói chuyện.

Những người tài, người đẹp trên màn ảnh
khiến tôi có cảm tưởng rằng: tôi cũng có quyền
ước mơ. đủ thứ. có quyền vui sống và hưởng đời...

Nhưng thế giới ở bên trong màn ảnh,
nào có giống những cảnh trước nhà tôi?

Tôi mong ước được làm người trong máy. làm người máy.
cho mọi người ái mộ, chiêm ngưỡng tôi.

Nhưng hỡi ơi, tôi nào đủ can đảm
để vùng lên, giựt giành lấy cho mình, một mảnh mơ?

Tôi là người ngây thơ, đa sầu, cảm
sống giữa xã hội ảm đạm, không nấc thang.

Nhà tôi ở xóm nghèo. đô thị. nhỏ.

HUỲNH MẠNH TIỀN

Tết Congo

Tôi không cho
Không phải vì
Chỉ cho được những gì mình có
Mà lo
Khi cho
Nào ai người nhận!
Bạn gửi cho tôi
Qua đường bưu điện
Gói trà Blao phong thiệp tết
Mai lan trụi cành. Trúc điệu nơ<D. xanh
Quà xuân không cánh hấn lạn dream quanh
Tôi gửi tặng anh
Bạn
Cũng đường bưu điện
Kiện hàng S4
Độn
Dăm ba tập san hải ngoại
Bạn trách--chờ hoài
Chờ hoài. Chắc Tết Congo

*

Lầu cao ốc. Đêm ngậm miệng
Trong ngoài đen hiện
Trâm ngủ
Tóc suốt. Môi sim. Vú gò. Môi sói...
Tôi học cổ ầu ơ câu thơ ta mình sóng sủi:
“Nào, em chống mộng lên” (1)
Kim-Mao-Sư-Vương không lẽ độc bản!
---- Qua cửa sổ quần ngủ
Tự tức vân vê *bạc đạn*
Trời! nó thét:
“Con đút đít những phường bắt con ăn tết congo”

(1) Tôi Rất Thích Đi--thơ Đỗ Kh. (HL số 12-1993)

THÂN THỊ CẨM QUÌ

Hồi Bào

Đa tạ MÁT, thơ N.Y.

Nhắm mắt nhìn vào trong
Để thấy
Thảm kịch đời thâm cung
Oai thế đoàn cấm vệ

Nhắm mắt nhìn vào trong
Để thấy
Tất bật đạo tình trùng
Bất hạnh của buồng trứng

Nhắm mắt nhìn vào trong
Để thấy
A tòng của sợi lông
Nằm ngang chiếc vòng xoắn

*

Nhắm mắt nhìn vào trong
Ô hô!
Mây bênh bông hublot

Thơ Ruộng Lạ Mạ Ruộng Quen ()*

1.

Đã một thời

Tôi cả tin “Mỹ Ngụy dã man”

Đã một thời

Tôi cả gan “Vici hung hãn”

Đã một thời

Tôi ráo máng “Bọn phê bình, quân đồ tể”

2.

Nay tôi thì tôi lẽ mẽ

Ra vào đội lốt khùng long

(Cụt đuôi, trụi vuốt, thiếu nanh nhưng... mọc sừng)

Cà tưng

Để bạn, người đọc thơ bè bạn tôi

Bừng bùng giục thức, dục đức

---- Thơ chỉ nở

Vùng đất mới. Và

Ngôn ngữ đời,

Cõi bất toàn làm bộc phá khổ thơ một trên

(*) phẩy

con đường làm đôi

không biết lối nào có dấu quê

cũ

* (Dấu Quê, thơ K.L.)

PHẠM MẠNH HIÊN

Ngọn Nến Thắp Cho Ngày Mai

đêm trắng
 những đêm trắng
 những vòm cây cao và tối
 đuối ngờ nghếch chú mèo hoang
 nhà không gương mặt gió
 cái ồn ào đời mênh mang lặng lẽ
 bức tranh trên tường trắng bệch em
 có lẽ lâu rồi
 đã lâu rồi, có lẽ
 bấy thời gian dằng dặc ngã đường
 chuyển tàu rời ga hút bóng
 héo hắt nhìn ngôi sao vừa biến mất
 nhìn một nhúm nắng nhỏ, ta về
 trước mặt em vô nghĩa dấu lặng im
 khép cửa sổ mùa hạ trống rỗng
 ngọn nến cầm ngày kia
 đêm trắng
 thắp lên những đêm trắng_

QUYỀN THI

Lời Gửi

.....

không phải là thử nghiệm không phải giác quan đánh lừa
đó là vị giác đó là ...
vật vô hình ở đằng sau tia chớp
không khí mà chúng ta vẫn thở
khó giải bày nó chỉ là khí hydrozen mà chúng ta không thể
nhìn bằng mắt thường
nhưng tất cả mọi sinh vật rất cần
sự sống trong một thiên thể loãng nguyên sơ

tư duy chữ nghĩa rất cao
ngổng lên khỏi mặt phẳng êm đềm từ bấy lâu nay
và cứ nhô lên
và cứ nhô lên khỏi sa mạc
chồi măng non còn dính phấn xanh rung lên bụi phấn trắng
thời gian thổi làn gió mát cứ nhẹ bay ...
bay bay nhanh vào lồng phổi
trong một ngăn nhỏ của thế giới

bước chân của con khủng long thời đại
vệt sao băng của vũ trụ báo hiệu sự báo trước đều đặn
và nhịp bước của thế giới không thể cứ đi bộ
nhàn du cho đến gân cốt như một cụ già

thơ không còn hình hài để ngắm
để sờ được vào dấu thánh Thomas (1)
phải vận hành căng to mắt ra...
hãy mức nước trong đáy vực hư vô...
ở đằng sau khước nhìn ở đằng sau cõi yên lặng xa xăm
thăm thăm...

cả một trời bát ngát đọt mầm của khát vọng
 hãy chú tâm vào hai mắt
 nhìn xuyên thấu... đâm toạc ra
 như móng con bò in trên nền đất ướt
 và ca khúc đang cất cao
 không có trong kinh hát cầu hồn hôm qua

ngôn ngữ đã vươn vai
 lớn lên vượt trội cái bắt đầu vượt trội
 hãy để người già an nghỉ

chúng ta là những đứa bé sơ sinh
 cũng là kẻ đỡ đẻ cũng là kẻ đỡ đầu...
 và tiếng khóc bật lên bắt đầu sự sống
 khi nụ cười còn ở phía sau.

Saint Thomas đã sờ vào năm dấu thánh của chúa Giêsu mới tin người đã
 chết sống lại.

Quang Dũng

U uẩn Chiều Lưu Lạc

Thanh Thảo

Vào ngày đông lạnh, đọc thơ Quang Dũng, tự nhiên thấy ấm áp, cái ấm áp của một bếp lửa chiều trong xóm mạc, có con đường làng lũy tre già trút lá, có mặt ao lấm tấm hoa bèo, có một niềm mong đợi nào từ đâu đó.

Ai ơi! Phấn trắng múa bầu

Thân ngô xơ xác

Nhặt gốc tre khô

Ta nhom ấm nước

Thu Quê Ai

Thời hiện đại mà có người làm thơ gọi “ai ơi!” trong thơ, nghe lạ lắm, buồn lắm. Còn chữ “nhom” mới lui hui lút hút làm sao. Quang Dũng làm thơ như một người thất lạc, từ đâu tới, chỉ thêm một chút không khí ấm áp, chỉ đau đầu một quê nhà nào đã cách biệt từ bao giờ. “Chiều từ đâu... Mà lạnh đến từ đâu?” Bài thơ ấy, Quang Dũng ghi chú thích cuối bài (cũng là một cách lạ, dường như thơ chưa nói hết lòng mình) “Một ngày thu nhớ nhà”. Nhà ta ở đâu? Câu hỏi này bất cứ nhà thơ nào cũng nên tự đặt cho mình. Như một tiếng vọng.

Đôi mắt người Sơn Tây

U uẩn chiều lưu lạc

Buồn viễn xứ khôn khuây

Đôi Mắt Người Sơn Tây

“Đôi mắt người Sơn Tây” ấy, đã ám ảnh ít nhất là hai thế hệ, một thế hệ những người lính chống Pháp, và thật ngạc nhiên, một thế hệ thanh niên miền Nam, suốt hai mươi năm chiến tranh. Vì sao thơ Quang Dũng được thanh niên miền Nam thuộc nhiều hơn thanh niên miền bắc thì tôi không hiểu, nhưng có điều tôi biết, thơ Quang Dũng đi vào lòng người trong những hoàn cảnh xiêu lạc thất tán bởi chiến tranh. Đó là thơ yêu đến đau đớn một cuộc sống thanh bình:

*Bao giờ tôi gặp em lần nữa
Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?*

Trong bản in chính thức của Nhà xuất bản Văn Học, câu thứ hai là “Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca”, nhưng tôi vẫn thích theo trí nhớ của tôi mấy câu thơ ám ảnh này. Bởi tôi cũng từng đi lính xa nhà, bởi tôi cũng khao khát một ngày thanh bình mà linh cảm có những chia ly không tránh khỏi.

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng*

Cái “đồng Bương Cấn” ấy cũng là một cõi quê nhà “liều ám hoa minh” nào đó trong tâm tưởng mỗi con người, đôi khi nó thức giấc và khuấy động trong ta. Đôi khi, nó là mùi thơm gạo mới “Nhựa thơm gạo mới bát chiêm canh”, đôi khi đó là một hình ảnh của tiền thức:

*ôi ta nhớ một quê nhà
Những tàu cau
đượm làm chi ánh nắng?
Đôi khi nó hực lên như một lò lửa:
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc sân trông bóng người*

Trưa Hè

*Có khi, nó lặn sâu vào cảm giác:
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi
Tây Tiến*

Bao giờ Quang Dũng cũng làm thơ từ một sự cách biệt, từ một khoảng xa tấp của không gian và thời gian. Và nỗi nhớ một quê nhà vừa cụ thể vừa vô hình, vừa có địa danh vừa vô danh, cứ đau đáu trong thơ ông. Tôi có cảm giác, phải ngoài năm mươi tuổi hãy đọc thơ Quang Dũng. Đó là thơ dành cho những người đã từng trải và luôn cảm thấy thiếu hụt, luôn có gì hẫng trong những ngày sống của mình. Luôn luôn muốn với vói một cái gì. Luôn cảm thấy nợ nần chi đó. Đó là thơ thật sự buồn, dù nhiều lúc Quang Dũng cố tỏ ra vui. Một nỗi buồn nhìn thấy được, nghe thấy được, sờ thấy được mà nhà thơ đôi lúc muốn thoát ra:

Những gã hai mươi mùa xuân

Từ đâu thổi vào thành phố?...

Mây mùa thu

Lọt qua trời hẹp ngõ

Mây Đầu Ô

Nó như một nụ cười trong xanh của người mới ốm dậy. “Ta mê xanh thắm”, nhưng ta làm sao thoát được:

Chao ôi! bờ suối tối đen

Tiếng con gà kêu than dưới lá

Tiếng Chim Rừng

Và tiếng con chim “bắt tép kho cà” nữa, nó kêu sao mà day dứt, sao mà buồn thắm:

Bắt tép kho cà

Bắt tép kho cà

Nước mắt em buồn lả chả

Long lanh nhớ giếng quê nhà

Bắt Tép Kho Cà

Lại quê nhà, đi đâu nhìn đâu cũng thấy quê nhà, vậy mà vẫn xa tít tấp. Không biết cho đến ngày cuối cuộc đời, Quang Dũng đã về lại được quê nhà chưa? Trong thơ Hồ Dzếnh cũng luôn thấy nỗi nhớ quê nhà, nhưng quê hương Hồ tiên sinh quả có xa về không gian. Còn quê Quang Dũng ở Phùng, chỉ cách Hà Nội hai trăm cây số, vậy mà suốt đời ông vẫn thấy hút xa. Bởi trong Quang Dũng, đó là quê nhà của Thơ, quê nhà của thi nhân, nó mờ ảo, nó ẩn hiện, lúc gần lúc xa. Và thi sĩ đành chịu làm kẻ lưu lạc suốt đời. Nên mất và thơ người đều u uẩn.

Thanh Thảo

PHẠM MIÊN TƯỜNG

Những Khung Cửa Gió

Phố
cao nguyên
rẽ
chân tìm
những khung cửa gió
lộng
hình người đi.

Đôi Cù

Chân leo
trí nhớ
đôi cù
nghe
hồn vừa
chạm
sương mù
cao nguyên.

Mặt Trời Đỏ Má

Ta
về
cảm xúc
còn nguyên
mặt trời
đỏ má
cao nguyên
đâu rồi.

NGUYỄN TÔN NHAN

Ba Câu Vần Bằng

1.

Dâm cành em nẩy loi thoi
Đong đưa lá dăm mận mòi
Đàn ai rung hờ xa xôi

2.

Hồ xề xang qua sông đi
Mùa xuân lả lơi tay ghì
Mắt ai kéo ướn lông mi

3.

Ôi xa mây dài em nằm
Cuối năm đến tận đầu năm
Môi ai mận mà chề tằm

4.

Rồi ta chia tay về thôi
Bốn bề lạnh hết chỗ ngồi
Chân ai nước còn đùa khơi

5.

Ngó em sơ đủ thắm mùi
Trước sau lấy bấy cuộc vui
Má ai hồng cốm cốm gùi

ĐẶNG TẤN TỚI

Nắm Không

Nếu không? như có? -- Trời xanh!
Trăng sao mãi chín, khí thanh vang kẻ
Mối mảnh thử hỏi Tào Khê
Nước đi, em hứng tay, về nắm không
Trái xanh người hái bên hồng
Hàm răng cắn chặt máu bỗng bênh đi
Nắm không, mát rượi bởi vì...

Một Hôm

Một hôm cánh hạc về trời
Cánh hoa về đất, cánh đời về đâu
Cánh mây cánh gió về đâu
Sóng hương bóng sắc về thâu canh rằm
Cái gần tận cái xa xăm
Lối về trong bước đi đầm đầm tim
Đất ơi! chẳng nổi không chìm
Trời xanh rất trắng con chim đại hồng

LÊ GIANG TRẦN

Tàn Đông

Ngày tối nặng đen, ngợp mưa bão
gió quần vườn mía rợn lá gào
mặt đất nước soi ngoằn ngoèo chảy
như luồn trong ruột mũi kim khâu.

Nở hoa. Rơi lá. Mưa, là Tết
như người quay mặt lại, soi gương
những chìm quên khuất, như rêu chết
bồng bồng xanh, rợp đáy vô tâm.

Người Rừng

Có cha mẹ mà mồ côi
Có con nhưng đã xa rời sống xa
Vợ thì đã vợ người ta
Anh em ruột thịt đã là người dưng
Người kia bỗng hóa người rừng
Hai tay đấm ngực “Muôn ngàn tại tôi”

Đám đông xúm lại bồi hồi
Hỏi ra, y trước là người Việt Nam.

LÊ THÁNH THƯ

Ăn Khuya

Em ạ
 đường soi khoắt khuya đom đóm
 mộng lẫn vào đầu đi đâu
 quần mái nghèo lệch gió
 rẻo vườn thất lộc
 đom đóm về
 vẽ lửa sân hoang
 đêm căng chỉ ngang nhà
 em dập dềnh
 rách lụa

Mộng thánh thần
 rầm rập khói nhang
 бет mặt người ăn khuya
 tay em thơm thảo
 khuấy buồn mê
 ngõ nhà
 lập lòe
 đom đóm vấy cờ ma
 em lụa là
 ăn dầm hết đêm._

LÊ D. DZANH

Tròn Trăng Đêm

Nhẹ
Nhẹ êm nhẹ
Như bóng đêm lần dâng
Vịn ánh trăng tràn đầy
Lượn-vờn vườn sóng nhịp
Áo mềm cỏ lá em buông
Lùa âu-yếm môi ôm trọn
Đếm một lời, em sương mỏng

Giọt mềm quyện-hồn chân tóc
Vầng trăng đầu nường sóng tựa
Tĩnh-thức ôi đêm ngập vời
Tròn trăng non cung-nhịp-hát
Hồn cỏ lá em vũng trăng

Đầy lịm, lời vườn mình hôn
Vĩnh-cửu, xin chẳng vá-mòn

ĐOÀN NHẬT

Sao Cứ Là...

Sao cứ là đêm là ngày là hò ới
 Sao cứ là đi là khuất đi
 Bến cội nào bến cuối nào đến nhé
 Đừng quay tròn đừng nằm vạ vật
 Hỡi sen ơi sen nở đầm sen

Bước phiêu xứ sở qua miền
 Thưa rằng chua ngọt cũng liền đông tây
 Sao lối tình cánh nhận làm sao
 Lân tinh da dễ
 Tuổi trẻ run như con dế

Bao giờ mênh mộng
 Nào biết mênh mộng
 Rơi choang ly rượu cơn say
 Giật mình nuốt trọn nỗi đầy đọa ngon
 Ngon như em ngon

Ngan ngát trời hời
 Ngan ngát trời
 Như ngoài không như sớm như mai
 Như lắng nhăng
 Sao cứ là đi là khuất đi...

HỒ MINH DŨNG

Gửi Mẹ Mạnh Tử

Chợ
có cá cũng có tôm
Sao người
lại nở bông con vào chùa
Chắc gì
bãi cát phèn
chua
Ăn rau sam mãi
ruột thừa
không đau?

TRIỀU HOA ĐẠI

Như Mưa Reo Vui

Tặng K. T.

song song. mưa, rơi hai hàng
vai ngồi rã mõi chiu mang chiều về
lênh bênh. Rừng, đưa tay chia
mất như sóng biếc vỗ về thuyền trôi

Song song, mưa như reo vui
quẩn quanh hồn đã. Ghế ngồi lạnh băng
Thôi. Tôi chọn một chỗ nằm
da căng khí quyển. Ngực căng máu người

Còn ai. phân rẽ trăm nơi
sáng ra bóng mát, hồn ngồi tiếc nhau

THẬN NHIÊN

Trước Gương

Có lúc câu thơ có vắn
có lúc quên cha niêm luật
có lúc bài thơ cà chớn
cà chớn gỏi báo không đăng

Thuở nhỏ khoái luyện khí công
bây giờ lại thừa bụng mỡ
đi tiệm thường ăn cháo lòng
tim gan như của người đứng

Thiệt tình vốn ghét ăn chuối
lâu lâu lại khoái ăn xoài
diều dờ chẳng ai vỗ tay
vỗ tay khen mình không khoái

Tự xưa vốn người chùng mực
cơ bắp trên mặt teo dần
lấn thẩn lấm khi tự hỏi
soi gương sao chẳng giống mình

Những Câu Thơ Đầu Tiên của Truyện Kiều

Phạm Công Thiện

Cần Nêu Lên Rằng Tư Tưởng Nguyễn Du đã bị Xuyên Tạc Sai Lầm là Tư Tưởng Định Mệnh và chủ Nghĩa Nhân Bản Tâm Linh.

Không còn ngờ nhận nào tàn hại cho bằng lúc *giai cấp thống trị* ở Việt Nam hiện nay (1975-1966) gọi tư tưởng linh diệu của Nguyễn Du là “*ý thức hệ phong kiến mà biểu hiện tập trung nhất là tư tưởng định mệnh.*” (Không kém phần nông cạn lố bịch như gần đây lại có người như Linh mục Vũ Đình Trắc, tác giả *Triết Lý Nhân Bản nguyên Du*, luận án tiến sĩ dày 531 trang, cho rằng tư tưởng Nguyễn Du là *chủ nghĩa nhân bản tâm linh* cùng một mớ chữ nghĩa hỗn loạn gọi là *Việt Nho*, kết quả pha trộn tạp nhạp giữa *tam tài, ngũ hành, âm dương* và *tâm học* của Tống Nho và Minh Nho mà lại được gọi là *Triết Lý Nhân Bản*, khi người ta chưa đủ khả năng triết học nhà trường bình thường nhất để hiểu sự vận hành linh động của những ý niệm triết học căn bản. Đó là chưa nói đến việc cần phải lý hội suốt nguồn khởi phát cái gọi là *chủ nghĩa nhân bản* và từ đâu ý thức hệ ấy bị cường danh ra cái gọi là *chủ nghĩa nhân bản tâm linh*. Đó là chưa nói đến ý niệm thần học về *siêu việt thể* chưa được hiểu đúng nghĩa ngay trong văn mạch thần học của Thomas d và Jacques Maritain hay Étienne Gilson.

Phải chăng mình đã hẹp lượng cho rằng những người khác đã hiểu sai tư tưởng Nguyễn Du, như gán vào tư tưởng Nguyễn Du những nhãn hiệu trừu tượng, những khái niệm quá mơ hồ và quá tổng quát như *tư tưởng định mệnh*, *chủ nghĩa nhân bản tâm linh*, nhưng mình cũng phải sáng suốt thành thực tự hỏi rằng mình có làm được gì hay hơn những người khác? Mình tránh những lối suy luận quen thuộc của người khác thì lại bị vướng kẹt vào những nhãn hiệu, những nhãn hiệu còn gấp trăm lần mơ hồ và tổng quát hơn cả những dụng ngữ rất phổ thông và rất êm ái như mấy chữ “*định mệnh*”, “*nhân bản*”, “*tâm linh*”, vân vân. Mình hủy báng ai về bất cứ điều gì thì điều ấy đã phục sẵn đầy đủ những điều ấy ở lòng mình. Có “*Tính Mệnh*” nào lại không có liên hệ mật thiết với “*định mệnh*”? Có “*Sử Mệnh*” nào không dính lứu với “*nhân bản*”? Có “*Sinh Mệnh*” nào không liên kết với “*tam tài*”, “*âm dương*” và “*ngũ hành*”? Có “*Thế Mệnh*” nào không liên lạc chặt chẽ với “*Tâm linh*” và “*Siêu Việt Thể*”? Có ai có thể kiêu ngạo tự nhận rằng mình hiểu được

“sự vận hành linh động của những ý niệm triết học căn bản”? Ai có thể “lý hội từ đầu khởi phát chủ nghĩa nhân bản và từ đầu có cái gọi là chủ nghĩa nhân bản tâm linh”? Ai dám tự cho rằng lãnh hội tất cả sắc thái siêu hình và hữu hình của hữu thể? Ai dám động chạm tới “Siêu Việt Thể”? Ai dám tự nhận rằng mình đã đọc kỹ Jacques Maritain và Étienne Gilson, và đã nhìn thấy được sự uyên bác thâm viển và lòng tinh thành sắt son của Maritain và Gilson? Dù bỏ cả nửa thế kỷ của Maritain và Gilson? Dù bỏ cả nửa thế kỷ để đọc đi đọc lại Thomas d, có ai, dù bỏ cả bảy chục năm trời để “ăn nằm” với thần học cao siêu trác việt của Thomas d mà dám tự nhận rằng mình đã hiểu biết được hết những uẩn súc về ý niệm và lý niệm của Thomas d?

Có lẽ mình phải nhận học nhần nại, im lặng và tránh nói về những kẻ khác, phải học lại tính khiêm hạ lễ độ, phải ý thức thường xuyên rằng mình còn thấp kém nhỏ bé hơn bất cứ ai.

Không ai có thể dám tự nhận rằng mình hiểu được hoàn toàn về bất cứ cái gì trên đời này, dù cái gì ấy còn nhỏ bé gấp trăm tỷ tỷ lần hơn con kiến? Có ai dám cho rằng *chỉ có mình* mới hiểu nổi Nguyễn Du? Có lẽ mình cũng nên nhớ rằng khi kết án rằng người khác “lố bịch” thì mình mới lố bịch thập phần.

Hiểu “Có Nghĩa Là Gì? Khai Mở “Tắc Lòng” Và “Tâm Lòng”

Vậy, *Hiểu* là cái gì? *Biết* là gì? *Hiểu biết* là cái gì? *Lãnh hội*? Ai? Và điều kiện tiên khởi của sự hiểu biết là gì?

Những câu hỏi trên lại thuộc về một lãnh vực khác mà một trường phái triết học hiện đại ở Âu Mỹ đã có những cống hiến thâm viển, khởi phát từ công trình giải nghĩa học nơi tác phẩm nổi tiếng *Wahrheit und Methode* (Chân lý và Phương Pháp) của triết gia Đức Hans-Georg Gadamer, người học trò trung thành của Heidegger. Ý đồ tư tưởng của Gadamer khiêm tốn hơn Jacques Derrida và có thể khai mở nhiều viển tượng sâu sắc hơn trong việc tìm hiểu tất cả những dạng thái của *tiền liễu tri* và *liễu tri* của việc lãnh hội hiện tượng tri nhận hội thông với những tác phẩm của mọi truyền thống. Chúng tôi không muốn áp dụng trực tiếp phương pháp của Gadamer để tìm hiểu Nguyễn Du vì nỗ lực triết học của chính Gadamer hiện nay đã bị nhiều học giả khai thác lợi dụng một cách thiển cận theo lối thời thượng của giới giáo sư Đại Học Anh Mỹ hiện nay. Nơi đây, chúng tôi chỉ xin nguyện *có lòng*, *có tắc lòng* tưởng nhớ *tâm lòng* của bậc tiền bối.

Chúng ta chưa đủ khả năng và chưa đủ lòng thành để tôn kính, ngưỡng mộ và thương tưởng Nguyễn Du, nếu chúng ta chưa có được tắc lòng bồi hồi ghé mắt trông thấy tiềm lực mệnh mông cao dày thâm sâu của thi nghiệp tiên sinh để lại cho Tính Mệnh và Sử Mệnh của Việt Nam.

Tính Mệnh Khai mở ra Sử Mệnh, và Sử Mệnh đưa đường dẫn lối cho đêm tối quê hương. Tính Mệnh ấy và Sử Mệnh ấy được hàm dưỡng lặng lẽ trong một chữ Việt Nam nhất trong những chữ Việt Nam, được khe khe rung lên nhẹ nhẹ trong một thanh âm dân tộc nhất trong những thanh âm

dân tộc, cái thanh trầm bình nhất trong những thanh trầm bình của tiếng nói Việt Nam : đó là chữ *lòng*.

Tất Cả đều nằm ở Chữ “Lòng” của Nguyễn Du

Tất cả Nguyễn Du đều bắt đầu và chấm dứt bằng một chữ *lòng*. Có thể đúc kết tất cả Thi Nghiệp và tất cả Tư Tưởng Triết Lý của Nguyễn Du vào trong một chữ duy nhất ấy. Chữ nôm *Lòng* bao trùm cả chữ hán việt *tâm*. Chữ *tâm* chỉ có được thực nghĩa dồi dào trọn vẹn trong chữ *lòng* của Nguyễn Du. Chính chữ *lòng* đã xuất hiện mấy nghìn năm trước trong tiếng nói quê hương và đã ngự trị điều động tất cả lộ trình của Tính Mệnh, Sinh Mệnh và Sử Mệnh Việt Nam.

Ngày nào nữa trong hiện nay và tương lai, ngày nào nữa sau bao nhiêu cuộc bể dâu đoạn trường mà mỗi người trong chúng ta, dù sống đau đớn trong những hoàn cảnh mê man đứt ruột đi nữa, lúc nào mỗi người vẫn còn giữ được lòng mình, vẫn còn *có lòng*, có được *tấm lòng*, không hề đánh mất *lòng quê*, không hề quên *ơn lòng*, mỗi giây phút đều sáng dậy *lòng son* và sống *trào lòng thơ* thì cái *tắc lòng* lai láng ấy vẫn còn tiềm lực phong phú vĩ đại nhất để hưng khởi phần chấn sức mạnh võ bờ của tinh thần dân Việt, khả dĩ giúp cho chúng ta thấy được những gì đã được nhìn thấy, và trông thấy được những gì Nguyễn Du đã trông thấy giữa những hỗn loạn, tao loạn, biến loạn của đất nước. Nguyễn Du đã trông thấy những điều khó lòng trông thấy được; chính lòng thơ lai láng của Nguyễn Du đã chảy trong veo dào dạt trong tư tưởng và cảm thức bồi hồi của thi nhân, và đã tuôn chảy lặng lẽ thâm sâu dằng dặc muôn đời vào tận đáy lòng trầm bình của Việt tộc.

Từ bao giờ đến bây giờ và từ bây giờ cho đến bao giờ, một thiên tài văn chương hay một thiên tài đạo lý và triết lý không bao giờ cố gắng nói lên những gì thực sự độc đáo hoặc mới lạ, họ vẫn luôn luôn nói lên chân lý ngàn đời được chuyển qua một cung điệu khác mà người đời ít ai để ý hoặc đã quên đi những khả tính vĩ đại của bất cứ những gì được coi là nhỏ bé, hiển nhiên và tầm thường nhất. Nhờ cái nhìn xuyên mệnh của họ, qua ngôn ngữ xuyên thoại của họ, chúng ta mới thấy được điều đáng thấy để chọn một hướng đi xuyên bích cho cái thoátáng chốc phù du của cuộc đời.

Nguyễn Du đã bắt đầu truyện Kiều qua bốn câu thơ lục bát và chấm dứt bằng đoạn trường *Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm* ấy với mười bốn câu quán thông kim cổ. Hiểu được thấu đáo bốn câu thơ đầu và mười bốn câu thơ cuối của truyện Kiều là nắm bắt được cái lý nhất quán của tất cả Tư Tưởng Triết Lý và Đạo Lý của Nguyễn Du.

Nguyễn Du công phá hủy diệt toàn diện “Tư Tưởng Định Mệnh”

Ai cũng thừa biết như vậy, nhưng tại sao từ bao giờ cho đến bây giờ vẫn còn lan tràn cái ý tưởng cố định cho rằng tư tưởng của Nguyễn Du chỉ là *biểu hiện tập trung nhất của tư tưởng định mệnh* (Chỉ thị số 112-CT/TW,

ngày 26 tháng 10 năm 1965 của Ban Bí Thư Trung Ương Đảng về việc kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du). Tại sao lại có sự ngộ nhận trầm trọng tang thương như vậy? Nếu có tư tưởng nào ở thế giới này khả dĩ công phá hủy diệt cái gọi là *tư tưởng định mệnh* một cách mãnh liệt tài tình nhất thì đó chính là Tư Tưởng Nguyễn Du. Nói theo điệu thường tình, Nguyễn Du đã tấn công ngay tận lòng địch và đã chuyển hóa ma khí hắc ám thành ra trợ khí thần nhuệ cho đạo lý đầy lòng từ bi bao la của chính mình.

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Ngày xưa, những nhà nho chúng ta thường phân biệt giữa *thực tự* và *hư tự*: theo lệ thường thì chỉ trừ ra danh tự và đại danh tự mới là *thực tự*. Thiên tài thi ca của Nguyễn Du thường khi nằm ở những chữ tâm thường nhất ít ai để ý, tức là những *hư tự* như: trong, khéo là, mà, vân vân, mà chúng ta lướt qua nhanh chóng ở bốn câu thơ đầu. Những chữ *hư tự* đã chuyển nhịp nhẹ nhàng qua một cung điệu khác, khiến có ý nghĩa đã súc tích lại còn súc tích bao la hơn nữa, tạo ra cảm thức bồi hồi lai láng liên tục: *lòng thơ* của Nguyễn Du vẫn được *lai láng bồi hồi* là ở chỗ tờ nhẹ ấy.

Chữ *mệnh* ở đây không có nghĩa là *định mệnh* mà chỉ nói lên cái sinh mệnh, cái điều *bạc mệnh*. Cái mệnh mỏng có thể được chuyển hóa thành mệnh dày (*một dày một mỏng biết là có nên*) nếu tài không cậy tài và được hàm dưỡng bởi *cái lòng thiện căn*, bởi *cái tâm từ bi hỉ xả*. (Trong Văn tế sống Trường Lưu nhị nữ, Nguyễn Du đã nói đến *lòng Bồ Đề hỉ xả từ bi* theo một trật tự ngữ pháp rất là *dân tộc tính* và không có gì tình cờ ngẫu nhiên cả, và đó cũng là trật tự dẫn đạo nhất quán của chính Tư Tưởng Đạo Lý và Triết Lý của Nguyễn Du.

Trong ngữ pháp chữ Tàu và Hán Việt phải nói: *Từ bi hỉ xả Bồ Đề Tâm*, đối với Việt Nam thì cái *lòng* vẫn đứng trước hết: *Bồ Đề Tâm* thành ra *Lòng Bồ Đề* chứ không phải *Bồ Đề Lòng*, và *từ bi hỉ xả* thành ra *hỉ xả từ bi* của Việt Nam. Diển tả theo tinh thần Việt tộc thì có nghĩa: Hãy có *lòng sáng* (nghĩa xưa, tức là Bụt, Phật) rồi hãy *vầy vui* với mọi người, buông bỏ hết mọi cay đắng thù hận, tạo niềm vui sướng cho kẻ khác, mong rằng người khác được vui sướng và giúp đỡ cho người khác hết khổ. Nguyễn Du:

Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa

Quây nhau lay trước Phật đài

Tái sinh trần tạ lòng người từ bi.

Năm Ý Nghĩa Quan Trùng trong Bốn Câu thơ Đầu của truyện Kiều.

Bốn câu thơ đầu của Truyện Kiều nói lên những sự thực lớn lao nhất mà chúng ta phải nhìn thẳng và phải tạc dạ ghi lòng vào mỗi lúc khởi đầu của bất cứ tiểu sự hay đại sự gì trong cảm thức, tư tưởng và hành động, chẳng những trong sáng tác nghệ thuật mà cả trong lãnh vực tư tưởng và

hành động nhập thế:

-- Điều thứ nhất là phải biết lúc nào mình cũng phải chết, lúc nào cũng phải hiểu giới hạn của tài năng và của đời sống mình trong cõi đời.

-- Điều thứ hai là không có gì vĩ đại trong đời này mà không phải trả giá rất đắt và phải trả giá bằng cả sinh mệnh của mình, muốn là một bậc tài ba hay thiên tài trong bất cứ lãnh vực nào đều phải chịu trải qua bao nhiêu hy sinh thân xác tinh thần, qua bao nhiêu cơn đau đớn khủng khiếp, nổi cô độc kinh hoàng *như nung gan sắt như bào lòng son* cho đến nổi *ruột tằm này một héo hơn và máu theo nước mắt hòa là chiến bao*.

Phải chết đi sống lại mới hiểu thế nào là *tài* và thế nào là *mệnh*. Mấy chữ *hư tự khéo* là có điều mỉa mai: là *thế mà không hẳn là thế thì lại như thế*; *khéo là ghét nhau mà không hẳn là ghét nhau* mặc dù *rất mực ghét nhau và ghét nhau vô cùng*, nhiều khi rất *ghét nhau* mà không hẳn *ghét nhau* như mình tưởng, vì điều ấy đã nói lên sức lôi cuốn *ngược chiều* của chính điều hấp dẫn mình: ghét chỉ là cái *yêu có tính cách tiêu cực* (nói theo điều triết gia Đức Kant từ năm 1763: *Essai pour introduire en philosophie le concept de quantité négative.*)

-- Điều thứ ba là *chữ tài* và *chữ mệnh*. Nguyễn Du không nói *cái tài* và *cái mệnh* mà chỉ nói *chữ tài* và *chữ mệnh* khéo là ghét nhau, mà bất cứ chữ nào đều *cũng có ba bảy đường* (cũng như ý nghĩa của “chữ trịnh kia cũng có ba bảy đường”) và tất cả *ba bảy đường* của ý nghĩa, dù *có khi biến có khi thường*, tất cả mọi đường đều đưa tới cái điều duy nhất, câu hỏi duy nhất: cái ấy, cái chữ ấy, dù bất cứ chữ nào, *tài hay mệnh, trung hay trịnh*, vân vân, cái chữ ấy *có lòng hay không?*

Tài mà không có lòng thì tai họa, cũng như bạc mệnh mà không có lòng thì muôn kiếp vẫn bạc mệnh, khi có lòng thì dù bạc mệnh đến đâu đi nữa cũng trở thành hậu mệnh. Khi còn giữ được hoàn chữ *trịnh* mà lại không có lòng trịnh thì còn tệ hại hơn sự mất trịnh.

- Điều thứ bốn trong bốn câu thơ đầu là nói lên cái lý Vô Thường của tất cả mọi sự trong đời và trong vũ trụ: chẳng những bể rộng hóa thành ruộng dâu trở lại thành một cái gì khác nữa liên tục, mà ngay cả hai chữ *tài* và *mệnh* cũng có những ý nghĩa rất ư là *vô thường*. Không có một cái gì bất di bất dịch gọi là *tài* hay *tài hoa*, *tài sắc*, *thiên tài*. Cũng không có một cái gì bất động và bất biến, dù cái đó gọi là *mệnh* và ngay cả ý nghĩa của hai chữ *định mệnh* cũng bị thay đổi liên tục và chẳng gì là *định* cả. Cái lý vô thường cai trị cả vũ trụ và cai trị cả cõi thiên và cõi người, cõi địa ngục và cõi thiên đàng, cõi sống và cõi chết, cõi thiên nhiên dương thế và cõi thánh thần quỷ ma.

- Điều thứ năm là lòng từ bi của Nguyễn Du đối với tất cả cuộc bể dâu ấy, một cái lòng từ bi bao la thống ngự trọn vẹn thi nghiệp của đại thi hào và được thể hiện trọn vẹn nhất trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, một thi phẩm vĩ đại nhất của Đạo Lý Dân Tộc Việt Nam. Không hiểu được Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh thì không thể nào có thể hiểu được một chút ít gì đối với cái gọi là *Triết Lý Việt Nam*.

Những bậc đại ái quốc đáng kính trước đây, Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, đều là những bậc nho hiền hách, nhưng chỉ vì thiếu lòng từ bi cho nên không đủ khả năng để hiểu được đôi chút gì về truyện Kiều cả; dù có thù ghét Phạm Quỳnh hay thù ghét bất cứ ý thức hệ nào đi nữa thì cũng không thể nào hận thù một người con gái giang hồ bạc mệnh, dù đó chỉ là một nhân vật *hư cấu*, dù đó chỉ là cái cớ để nói việc khác: tất cả chế độ chính trị đều sụp đổ với thời gian, nhưng văn chương (nhất là thi ca) và tư tưởng (nhất là triết lý và đạo lý) thì vẫn đời đời bất diệt. Trải qua một bể dâu, đứng về mặt Sử Tính của tiền đồ dân tộc trong Thế Mệnh của nhân loại thì lập trường của Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng chỉ có giá trị rất khiêm tốn mà chính thái độ tư tưởng và thái độ nghệ thuật của Phạm Quỳnh và của Trần Trọng Kim mới là có giá trị trường cửu, nhất là đối với truyện Kiều.

- Điều cuối cùng trong ý nghĩa bốn câu thơ đầu của truyện Kiều vẫn là điều quan trọng nhất có khả tính mãnh liệt nhất để giải tỏa sự sụp đổ của nước Việt Nam: đó là lòng từ bi; nói theo ngôn ngữ của Ngọc Hân Công Chúa: *Lòng dùm bọc thương hoa đoái cội*. Đó là lời nói thấm thiết của thiên hương, còn đây là tiếng nói lai láng bồi hồi của thiên tài:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Tất cả lòng từ bi của kẻ thiên tài đã sống lại và sẽ sống mãi trong lòng những thế hệ đã lớn lên giữa cơn đại loạn què hương.

Thanh Điệu và Ngữ Pháp Ở Bốn Câu Thơ Đầu Của Truyện KIỀU

Đứng về mặt thanh điệu thôi, hai câu thơ đầu của Truyện Kiều cũng đã báo động trước những gì bất thường sắp xảy ra. Câu mở đầu chỉ có một tiếng trắc độc nhất: *côi*, mấy chữ còn lại đều là tiếng bình, rồi chữ thứ ba đứng ra phải là tiếng trắc thì lại là bình. Câu thứ hai thì chỉ có ba tiếng bình, lại có đến năm tiếng trắc bất thường và đáng lẽ chữ thứ nhất và thứ năm phải là tiếng bình thì lại là trắc. Điều bất thường ở đây là điều cố ý của Nguyễn Du, cố ý mà vẫn thấy được tự nhiên mới là khó. Đào Duy Anh không để dấu phẩy sau chữ *mệnh* trong *chữ tài chữ mệnh*, còn Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ thì là để dấu phẩy sau chữ *mệnh*; ở đây có lẽ chúng ta nên theo cách bỏ dấu phẩy của Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ thì có vẻ thông nghĩa hơn.

Còn về ý nghĩa, chúng ta thấy *tài* đi với *côi người ta* và *mệnh* đi với *trăm năm*; mấy chữ giữ vai trò “*hư tự*” như *trong*, *khéo* là và *nhau* lại chính là thi tài của thi nhân, khiến cho câu thơ có thể điệu và thanh điệu đặc biệt của Nguyễn Du.

Đứng về mặt hình thức ngữ pháp, vị trí thông thường của lời nói đã được đảo trí thông thường của lời nói đã được đảo ngược trong câu thứ ba và thứ tư: *trải qua một cuộc bể dâu* có khác với *một cuộc bể dâu trải qua*, *trông thấy những điều* có khác đi với *những điều trông thấy*, và *mà đau đớn* lòng thì vẫn không giống như *mà lòng đau đớn*.

Rồi về những sự dị biệt tế nhị của chữ nghĩa cũng đáng để ý: *những điều khác với những sự, những việc, những cái..., trông thấy khác hẳn nhìn thấy* cùng với những chữ khác như *ngó, ngắm, xem, coi, dòm, ghé, vân vân*.

Rồi mấy chữ *khéo* là không có liên hệ gì với *khéo léo* và vừa có nghĩa mỉa mai mà không hẳn hoàn toàn mỉa mai. Điều nói *khéo* là *ghét nhau* khiến cho mấy chữ trừu tượng tổng quát trở thành rất cụ thể và rất hữu hình: chữ *tài* và chữ *mệnh* đã được nhân-cảm-hóa với mấy chữ *khéo* là *ghét nhau*. Tài và mệnh trở thành như hai tình địch trong tình trường mà cũng không dứt khoát rõ ràng như vậy.

Hai chữ *ghét nhau* ấy là thực trạng cả mấy ngàn năm của lịch sử Việt Nam và sự *ghét nhau* ấy trong vòng mấy trăm năm gần đây đã xô đẩy quê hương đến chỗ hỗn loạn: một trong những chương nghiệp lớn nhất của người Việt là ghét nhau và ghen nhau.

Chữ “Nhau” Làm Sụp Đổ “Tư Tưởng Định Mệnh” Và “Chủ Nghĩa Định Mệnh”

Chúng ta càng ghét nhau và càng ghen nhau thì càng làm lớn mạnh sự ghét nhau giữa *Tài* và *Mệnh*: hai chữ *Tài Mệnh* chỉ có thể *ghét nhau* được là vì sự ghét ghen đã phục sẵn đầy đủ trong lòng mình.

Tính cách lưỡng biên tính giữa *Tài* và *Mệnh* xuất phát từ tính cách nhị tướng tính của chính chữ *Mệnh*, vì *Mệnh* sẽ trở nên vô nghĩa nếu *Mệnh* không có cái gì khác *Mệnh*, không có cái gì đứng bên ngoài *Mệnh* và không có cái gì đứng ngang hàng với *Mệnh*. Nếu tất cả đều là *Mệnh*, và *Mệnh* là một thực tại duy nhất đơn độc và độc lập thì con người với *Mệnh* chỉ là một, đồng nhất và đồng nghĩa. Và cuộc đấu tranh quyết liệt, sự thù ghét nhau giữa *Tài* và *Mệnh* chỉ khéo là trò đùa giữa mặt trời và bóng tối của rừng lá buổi trưa. Sự ghét nhau và sự thù hận mãnh liệt giữa *Tài* và *Mệnh* chỉ có thể xảy ra vì chính trong bản tính của *Tài* đã có tính cách nhị biên và trong bản tính của *Mệnh* cũng đã có tính cách nhị nguyên: *Tài* và *Mệnh* chỉ có thể ràng rịt đan díu nhau một cách thù hằn hay ngược lại, vì cả hai đều giống nhau ở chỗ lưỡng biên từ trong tự tính của mỗi đơn vị.

Một điều nữa cũng quan trọng: không phải *Tài* ghét *Mệnh* thôi hay *Mệnh* ghét *Tài* thôi, không phải cái *ghét* của *năng* tài đối với *sở* mệnh hay cái *ghét* của *năng* mệnh đối với *sở* tài: cái ghét giữa *Tài* và *Mệnh* là cái ghét giữa *Năng Tài* và *Năng Mệnh*. Không phải cái này ghét cái kia hay cái kia ghét cái này, mà cả hai đều *ghét nhau*: chính chữ *nham* này làm sụp đổ cái mà người ta gọi là *tư tưởng định mệnh* và *chủ nghĩa định mệnh*.

Bỏ Dấu Lại Bốn Câu Thơ Đầu Của Truyện KIỀU

Thế là chúng ta đã chuẩn bị khá đầy đủ để đọc lại trọn vẹn bốn câu thơ đầu của Truyện Kiều, và hãy để ý cách bỏ dấu lại *khác hẳn* với Trần

Trọng Kim, Bùi Kỳ và Đào Duy Anh:

Trăm năm trong cõi người tra
 Chữ tài chữ mệnh, khéo là ghét nhau.
 Trải qua một cuộc bể dâu
 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Lòng tôn kính của chúng ta đối với Nguyễn Du khiến cho chúng ta phải gian nan tận tụy tìm hiểu chậm rãi từng *bốn câu ba vần* của thi nhân. Thực ra sự lao tâm khổ tứ của chúng ta trong việc cảm nhận không thể nào bằng một phần trăm một phần ngàn những nỗ lực liên tục ngoài sức tưởng tượng của một thiên tài trước khi sáng tạo và đang lúc sáng tạo.

Có ai hiểu nỗi niềm cô độc kinh hoàng nào đã vồ chụp cõi lòng thi nhân, những nghịch cảnh thê thảm hoặc những cơn buồn hiu quạnh mệnh mông nào vây phủ ngày đêm, rồi sức mạnh tinh thần khủng khiếp nào của ý chí sáng tạo lúc nào cũng tỉnh thức thường trực để chế ngự mọi buồn chán thất vọng, để phá vỡ những triền phược điên đảo của ý thức rã rượi thất tán, để rồi một hôm tuyệt vọng bỗng nhiên bất ngờ bắn vọt ra *lòng thơ* lại *láng bồi hồi*...

Phạm Công Thiện

Trích trong Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc



Phụ bản Ngọc Dũng

THẾ DŨNG

Nói Với Con Trong Tuyết Ở Berlin

Gửi V. H. A.

Ở đâu đó—nơi con ngồi, nước xiết
Gió xoáy đau ngổ vắng phút xa lìa
Cha băng lảng tìm về nơi dò dẫm
Gặp mắt hờn ba tuổi giữa cơn mê!

Con có lúc vùi quên vào nhã nhạc
Quỷ hay Người? mưa nắng cũng cười thôi!
Ở đâu đó con nằm—cha thấp thỏm
Sợ một ngày... con biết mặt Đơn Côi!

Cha khúc khuỷu sinh lộ đầy biên ải
Ngậm Nhã Ca—Bát Quái kiếp tơ tằm
Ôm Thi Thiên mong mỗi ngày tháng Lụa
Con có thở dài vì mấy chuyện trăm năm.

Đêm “Cyclo” mất tóc đơm đóm máu
Gặp du hồn hòa dọa tuổi mười lăm...
Cha lấp xóa tuổi thơ buồn sao nổi?
Lòng tha hương rượu xót nẻo trắng rằm.

Lông ngỗng máu mấy Loa Thành tiền kiếp?
Bao người tình ngần ngại nấc tằm xuân
Khi con cầm cờ lau viếng Cổ thành Quảng Trị
Thì cả Hoa Lư lẫn Thăng Long đã hết loạn quân thần?

Ở đâu đó—một thời con đã sống:
 Trong Ngôi Nhà Khóa Trái—cột Anten
 Sầu xuyên quốc nửa đêm òa khóc mộng
 Những Tin Lộ đoản dòng chết cứng giữa buổi tim.

Trầm mặc uống—đêm Berlin tuyết sáng...
 Chợt thấy con 18 tuổi phong trần
 Ở đâu đó—một thời con không thể:
 Nói thật lòng, dốc dạ với song thân?

Ở đâu đó con bơi—vùng nước động...
 Hồn viễn du khao khát những kỳ thành
 Vẫn day dứt nỗi sầu riêng của Mẹ
 Cha xin thề sống thật hết trời xanh?

Nghe con nói đầy lòng—cha hạnh ngộ:
 Máu thịt mình lên tiếng với Mùa Xuân?
 Dăm năm nữa chung nỗi niềm đa quốc
 Cha con mình đứng trước mấy xa luân?

NGUYỄN PHAN THỊNH

Giấc Mơ của Dos

bạn hãy đến bên tôi
im lặng dịu dàng
dịu dàng im lặng
nghe
im lặng dịu dàng
nghe
dịu dàng im lặng
tôi sẽ hát
và tôi sẽ khóc
sẽ hát sẽ khóc
sẽ khóc và sẽ hát
sự có mặt của bạn
như không
mà rất có
tôi nhỏ bé tất cả
trừ cái mồm to
lắm nhảm
và lắm
nhảm lắm
nhảm
trừ nỗi điên khùng
không cưỡng nổi
mà cũng không
từ khước
giấc mơ của Dos
dưới hầm

dưới hầm
chỉ cần bạn đến bên tôi
rồi bạn đi
như bóng tôi
im lặng dịu dàng
dịu dàng im lặng
như bóng tôi
thù tôi
chợt thương tôi
mà đến
rồi đi
như mọi sự đều đi
không gian này cùng đi
theo thời gian về lặng lẽ
tôi cùng đi theo tất cả
đặt bày này
những ngón tay chẳng chịt gân
ôm đầu gối
mất khổ sai rừng rực
dưới hầm tối
và Dos
và những trang nhật ký
và bạn như đêm
không hình dung
đêm đêm đêm
dưới hầm...

LÊ TRỌNG PHƯƠNG

Dạo

Thả bước...
Dạo công viên
Một
Hai
Ba
Vòng công viên...

Liên miên
Tìm thư thả
Bốn
Năm
Sáu
Vòng công viên...

Bảy
Tám
...
Dạo liên miên...

Rong Lân Nữa

Đếm dài đêm cỗi
Ma trời
Coi ra một bãi đùa
Chơi thế thôi
Ngồi dai
Vái đồng chai với
Thấy
Hình như xiếc
Một hơi
Nửa đời.

TẠ KÝ

Ruồi và Em

Ruồi từ hố tiêu bay lên
Tiếng ruồi lao xao như sóng gợn
Mắt ruồi nâu làm nhở tóc tây phương
Ruồi đậu trên dây thép gai như chuỗi hạt huyền
Anh tặng em ngày cuối

Ruồi đậu trên dây thép gai như những nốt nhạc
Dây thép gai kẻ nhạc không đều
Làm sao em hát

Có bầy én về không phải để báo tin xuân
Vì anh biết mùa xuân đã chết
Có bầy én về tìm ruồi trên dây thép
Chuỗi hạt huyền vỡ tan
Anh gọi tên em mấy lần

Long Khánh 1977

HÀ NGUYỄN DU

Điệp Khúc Mưa

mưa

tiếc chi
bong bóng vỡ

mưa

ngày mai
nếu không có nắng

mưa

trách sao bóng ta chưa hiện

mưa

chìa khóa nào mở được cửa tim?

mưa

trái đất như quay ngược chiều

mưa

tựa con ếch
tưởng ngẫm ngộp đáy giếng

mưa

tựa con én
không hề bén mảng

mưa

như đốm lân tinh trên đồng rác
em đóng vai

mưa

chiếc lá vẫn reo khi rơi

mưa

tội nghiệp những con thiêu thân

mưa

dấu mai hình có đập bóng
hiện thực, tên vẫn bắn đi...

NGÔ THẾ OANH

*Tự Họa**Cho tôi cạn chén đắng này...*

B. Pasternak

Chiếc túi cói trong tay lang thang dưới nắng
 Anh lẩn giữa những mảnh mung chỉ trở áp phe
 Cầu trời cho anh đừng sa vào hỏa ngục
 Cho anh đừng uống phải nước sông Mê

Các báo dịch in thơ Pasternak
 Đôi khi trước đắng cay con người chỉ mỉm cười
 Ba mươi năm trước nhà thơ là một phần đề không chịu được
 Chỉ hoa trên mộ nhà thơ là không biết sự tù thời

Khi thần thánh không còn thiêng nữa
 Dầu sao ta cũng thoáng một chút buồn
 Nhiều ảo vọng ngày qua ta vỡ
 Mất ta nhìn ánh sáng thực hơn

Chỉ tâm hồn là không sao yên
 Dày vò mãi một khát khao nào đó
 Thơ anh viết an ủi cho ai nữa
 Có lẽ tình yêu rồi cũng chẳng cần

Thế kỷ căng thẳng lương tâm. Thế kỷ nghịch biến lạ lùng
 To be or not to be--Sống hay không sống
 Anh viết. Anh yêu. Anh tắt tả ngược xuôi. Anh giữ gìn hy vọng
 Giữa ồn ả chào mời một thê giới tạp âm

NGUYỄN THẢO

Vấn Đề

Làm tình khi lò sưởi đang hực hở cháy
Làm tình trong căn phòng tờ mờ ánh sáng buổi chiều tà
Làm tình dưới những dòng nước lạnh xối xả trên da
Làm tình cho quên đi tất cả

Làm tình ở một góc phố tối trên băng ghế sau
Làm tình ở ngoài công viên sau những lùm cây thấp
Làm tình dưới một gấm cầu ẩm
Làm tình như sẽ chẳng có mai sau

Làm tình hối hả khi vừa gặp nhau
Làm tình cẩn thận--ngày hãy còn dài, còn lâu
Làm tình sôi nổi, làm tình bền bỉ
Làm tình vì còn phải xa nhau

Làm tình bằng đôi mắt trong thư viện
Làm tình bằng đôi tay trong một rạp hát tối
Làm tình bằng đôi môi giữa một quán rượu
Làm tình vì không thể chờ đợi

Những giây phút làm tình
Giữa hai người đàn ông
đang yêu nhau
Thì tại sao phải đặt những câu hỏi???

TỪ LỖ TẤN TỚI KHỔ THÀNH

Diễm Châu giới thiệu

LỖ TẤN

Đêm Thu

Bên trên bức tường của khu vườn nhà tôi người ta có thể thấy hai cái cây. Cây đầu tiên là một cây táo. Và cây thứ nhì cũng là một cây táo.

Bầu trời ban đêm bao phủ chúng thật là lạ lùng và xa xôi.

Trọn đời tôi chưa bao giờ thấy một bầu trời lạ lùng và xa xôi đến thế. Có thể nói là nó sắp sửa rời bỏ thế giới chúng ta: nếu nó cứ tiếp tục như thế, thì một ngày kia thiên hạ sẽ hoài công ghéech mũi lên, họ sẽ chẳng còn thấy nó đâu nữa. Trong khi chờ đợi, lúc này nó mang một màu xanh thật dị thường nơi nhấp nháy những con mắt của các vì sao, vài chục vì sao với ánh mắt lạnh lẽo. Nó nhếch mép mỉm cười bằng một vẻ muốn làm ra sâu sắc trong lúc chuẩn bị rắc lên những đóa hoa và cỏ dại trong vườn nhà tôi một lớp đầy sương giá.

Tôi không biết những bông hoa dại này tên gọi là gì — thiên hạ gọi chúng bằng tên gì. Một trong những bông hoa ấy, tôi nhớ, có những cánh hồng nhỏ xíu; ngay cả lúc này nó cũng vẫn nở, nhưng những cánh hoa của nó đã trở thành nhỏ bé hơn nữa. Nó mơ trong đêm lạnh lẽo một giấc mơ run rẩy: nó thấy trong mộng ngày trở lại của mùa xuân, nó thấy trong mộng ngày trở lại của mùa thu, nó thấy trong mộng một nhà thơ mắc bệnh da xanh như tàu lá tới gạt lệ trên những cánh hoa cuối cùng của nó và loan báo cho rằng sau mùa thu và mùa đông sẽ trở lại mùa xuân với những đàn bướm bay như diên đại và với những

cánh ong ca những khúc ca mùa xuân. Nghĩ tới đó, mặc dù run rẩy và đỏ vì lạnh, nó mỉm cười.

Những cây táo đã mất tới chiếc lá cuối cùng. Trước, một hay hai đứa trẻ đã tới chọc rụng một vài trái táo mà những người hái trái bỏ sót. Lúc này không những chúng không còn lấy một trái nào, mà còn mất cả đến chiếc lá cuối cùng. Chúng biết cả những giấc mộng của những đóa hoa hồng hồng nho nhỏ — sau mùa thu trở lại mùa xuân —, lẫn những giấc mộng của những chiếc lá rụng — sau mùa xuân trở lại mùa thu. Quả thật là chúng đã mất tới chiếc lá cuối cùng, chúng chỉ còn những cành cây, trút bỏ được gánh nặng trái cây và lá, những cành này vươn dài khoan khoái. Tuy vậy, một cành này hay cành nọ vẫn uốn cong mình để ru những vết thương mà những cây sào của bọn người hái trái đã gây nên cho nó, trong lúc trái lại những cành dài nhất và thẳng nhất lặng lẽ xuyên thủng bầu trời lạ lùng và xa xôi bằng những móng sắt của chúng, khiến bầu trời nhấp nháy hết mọi con mắt; chúng quào sây sát mặt trăng đã trở thành nhợt nhạt tái xanh và hờn dỗi.

Nhấp nháy hết mọi con mắt của mình, bầu trời lại xanh một màu xanh còn dị thường hơn nữa; mỗi lúc một ngưng đọng, nó dường như muốn rời xa thế giới của chúng ta, thoát khỏi những cây táo; nó sẽ chỉ để lại vắng trắng sau mình. Nhưng về phần trắng, trắng lại lẫn khuất trong bóng tối về phía Đông. Và những cành trụi tiếp tục lặng lẽ xuyên thủng bầu trời lạ lùng và xa xôi bằng những móng sắt, bất kể mọi liếc mắt của trời, nhất quyết lao tới trời một lưỡi gươm chí tử.

Lang thang trong đêm tối, một con chim săn mồi phóng ra tiếng kêu và bay qua.

Tôi đột nhiên nghe tiếng cười nửa đêm; ấy là một âm thanh bị bóp nghẹn, như thể nó sợ đánh thức những người đang ngủ, nhưng tiếng vọng của nó lại dội ra khắp bốn bề không gian. Nửa đêm: không có một ai. Tôi bỗng nhận ra rằng âm thanh này thoát ra từ chính cửa miệng tôi, và khám phá ấy xua tôi vào căn buồng của mình nơi tôi vội vã khêu ngọn bấc của cây đèn lên.

Tách tách, khung cửa sổ lách tách dưới cuộc tiến công của vô số những loài côn trùng có cánh. Rốt có một vài con lọt vào được qua một lỗ thủng của lớp giấy. Vừa lọt vào trong rồi kia, từng từng, chúng đã va phải cái thông phong bằng thủy tinh của cây đèn. Một con bị cuốn vào trong ấy từ phía trên, chạm phải lửa, điều này khiến tôi tin là lửa có thực. Hai hay ba con

côn trùng lấy lại được hơi sức trên cái chụp đèn bằng giấy. Ấy là một cái chụp đèn còn mới tinh mới hôm qua; lớp giấy trắng như tuyết được xếp lại thành những đợt sóng nhỏ nhỏ đều đặn với một cảnh sơn cho đỏ thắm vẽ về một bên.

Khi những bông sơn chi đỏ thắm nở lại, những cây táo sẽ lại mơ giấc mơ của những bông hoa hồng hồng nhỏ nhỏ khi uốn cong dưới sức nặng xum xuê tươi tốt của những bông hoa ấy... Kìa tiếng cười của nửa đêm lại vang lên một lần nữa ở tai tôi; tôi vội vã cắt đứt giòng tư tưởng và đưa mắt nhìn về phía những con côn trùng xanh xanh nhỏ nhỏ, vẫn ở trên mặt giấy trắng của cái chụp đèn; chúng tựa như những hạt quỳ với cái đầu to và cái đuôi nhỏ của chúng; không lớn hơn một nửa hạt kiều mạch, chúng một màu xanh lục, một màu ngọc bích duyên dáng, dịu buồn.

Tôi ngáp; tôi đốt một điếu thuốc; tôi thả khói thuốc ra, và trước ngọn đèn tôi lặng lẽ nghiêng mình trước những kẻ anh hùng mảnh mai màu bích ngọc.

Lỗ Tấn

15 tháng 9, 1924

CHI HSIEN

Phân Tâm Của Một Người Hút Ống Vố

Cuộn vòng lên từ lòng ống vố của tôi
 Là một đám mây hình nấm,
 Một con rắn,
 Một cái phao
 Và hình thù lổ lổ của một người đàn bà.
 Nàng múa hát,
 Hát về cơn lụt của một lòng sông khô cạn
 Và sự tàn phá của một đoàn những giấc mơ.

CHENG CH'OU YU

Ngộ Nhận

Tôi đi qua phía nam của dòng sông
Khuôn mặt đợi chờ suốt những mùa như một đóa sen nở rồi tàn

Gió đông không lại, những bông liễu tháng ba không hay
Trái tim người là một thành phố bỏ hoang nhỏ xíu
Ấy chính một đường phố lát đá cứng lúc chiều lại
Không một bước chân vang vang, những rèm cửa mùa xuân
vào tháng ba không mở
Trái tim người là một khung cửa sổ nhỏ xíu khép kín

Tiếng móng ngựa của tôi là một ngộ nhận quỵến rũ
Tôi không phải kẻ trở về, tôi chỉ đi qua...

PAI CH'IU

Một Đường

Những gì lên là trời, vượt thoát.
Những gì xuống là sóng dập, suy đồi và hư nát.

Một đường phân chia thế giới:
Mi bị bỏ lại ở giữa.
Trời giạt.

Thức dậy từ một giấc ngủ sau trưa
Một cánh nhạn sẵn lòng thế giới

Mi là một hạt bụi
Giữa trời và đất
Tìm một chỗ qua đêm.

VĂN NHẤT ĐA

Mùa Xuân

Mùa Xuân tựa con chim cất tiếng hót
 Đã trỗi dậy từ hang hầm lụi khum của mùa đông
 Để lao nhanh vào màu trời xanh

Cuộc sống huyền diệu
 Căng phồng trong lớp da xanh dịu của cây cối
 Sẽ đem lại cho chúng ta cùng với những ống tên
 Những chồi non ngũ sắc

Hỡi nhà thơ, hãy lau khô những giọt nước mắt lạnh giá
 Chuẩn bị mau khúc ca
 Xiển đường ngày anh trở lại với cuộc đời
 (Nền đỏ)

Hoàng Hôn

Hoàng hôn là một con trâu đen chậm chạp và vụng về,
 Bước từng bước xuống những ngọn đồi phía tây;
 Không được đóng cửa lũy thành lại quá sớm,
 Phải đợi con trâu đen vượt khỏi rào bao vây.

Hoàng hôn là một con trâu đen huyền bí,
 Tôi không rõ nó là vị thần linh từ thế giới nào đây;
 Hết mọi ngày trăng cùng đi với nó tới mãi tận thành lũy
 Và ngay từ hừng đông mặt trời lại dẫn nó tới những ngọn đồi
 phía tây.
 (Nước tù)

ĐỜI VỌNG THƯ

Con Hẻm Dưới Mưa

Với một chiếc ô bằng giấy dầu, đơn độc
tôi lang thang trong một con hẻm vắng vẻ,
dài thật dài, dưới mưa
và tôi hy vọng gặp
một thiếu nữ cũng buồn
như một đóa hoa xoan.

Nàng sẽ
mang màu hoa xoan
Sẽ trút nỗi oán than trong mưa,
buồn bã và sầu muộn.
Nàng sẽ lang thang trong con hẻm vắng vẻ này
như tôi
với một chiếc ô bằng giấy dầu
và cũng như tôi
nàng sẽ bước đi lặng lẽ
rét mướt, đơn độc và buồn.

Nàng sẽ tiến lại gần không tiếng động
và đúng lúc này sẽ đưa mắt nhìn tôi
một ánh mắt nào nuốt
rồi nàng sẽ lướt qua như một giấc mơ
một giấc mơ thoáng nháy và buồn.

Như một cây hoa xoan
lướt qua, vụt biến trong mơ
người thiếu nữ này sẽ gặp tôi
rời rời xa, rời xa trong lặng lẽ
vượt khỏi hàng giậu đổ nát
để khuất dạng ở cuối con hẻm, dưới mưa.

Trong vẻ muộn phiền của cơn mưa
màu sắc của nàng sẽ bị xóa nhòa
mùi hương của nàng sẽ tan biến

mất đi cả đến ánh mắt nàng
ánh mắt nàng nào nuốt
và nỗi buồn hoa xoan.

Với một chiếc ô bằng giấy dầu, đơn độc
tôi lang thang trong một con hẻm vắng vẻ,
dài thật dài, dưới mưa
và tôi hy vọng gặp
một thiếu nữ cũng buồn
như một đóa hoa xoan.
(1928)

Sơ Lược Về Các Tác Giả

1. LỖ TẤN (1881-1936). Sinh tại Triết-giang. “Đêm thu” trích trong *Cổ đại*, một tập thơ xuôi sáng tác từ 1924 đến 1926.

2. VẦN NHẤT ĐA (1889-1946). Sinh tại Hồ-bắc. Từng theo học hội họa ở Hoa-kỳ (Chicago, Colorado, New York). “Mùa Xuân” trích trong tập *Nến đỏ* (1923); “Hoàng hôn” từ *Nước tù* (1928). Bị ám sát chết.

3. ĐỐI VỌNG THU (1905-1950). Sinh tại Triết-giang. Từng sống ở Pháp và Tây-ban-nha trước khi về nước và bị phát xít Nhật giam giữ. Từng dịch García Lorca và để lại 92 bài thơ trong đó có một số tự dịch sang tiếng Pháp. “Con hẻm dưới mưa” xuất hiện trên một nguyệt san khi tác giả 23 tuổi, được coi như một bài thơ “mở một kỷ nguyên mới” cho thơ hiện đại Trung-hoa.

4. AI TS (1910-1996). Bút hiệu của Tsiang Hai-Tcheng. Từng học hội họa ở Paris. Có lẽ là một trong vài nhà thơ lớn nhất của Trung-hoa hiện đại.

5. CHI HSIEN (1913-). Sinh tại Hồ-bắc. Sống tại Đài Loan từ 1948. Chủ biên tờ *Hiện đại Thi ca quý san*.

6. LU YUAN (1922-). Xuất hiện lần đầu năm 1942 trong một tủ sách của Hồ Phong. Một trong những người may mắn sống còn sau “Cách mệnh văn hóa” sỗ lục địa.

7. LING HENG-TAI (1924-). Sinh tại Đài-loan. Sáng lập tạp chí thi ca *LI* (Nón rơm).

8. LO FU (1928-). Sinh tại Hồ-nam. Một nhà thơ quan trọng của Đài-loan. Biên tập *Thời đại Thi ca quý san*.

9. YANG HUAN (1930-1954). Sinh tại Liêu-ninh, mất vì tai nạn tại Đài-bắc. Nổi tiếng như một nhà thơ có lối viết “hồn nhiên và trong trẻo”.

10. SHANG CH (1930-). Sinh tại Tứ-xuyên, Hoa lục. Sống tại Đài-loan. Đã xuất bản hai tập thơ: *Mộng hay hừng đông* (1969) và *Nghỉ bằng chân* (1988).

11. CHANG MO (1930-). Sinh tại An-huy. Sống tại Đài-loan. Biên tập *Thời đại thi ca quý san*.

12. YA HSIEN (1932-). Sinh tại Hồ-nam. Sống tại Đài-loan. Nhà thơ kiêm nhà phê bình văn học. Tập *Vực thẳm* (1968) của ông được coi như một trong những thi phẩm quan trọng nhất của thơ Trung-hoa thế kỷ XX.

13. CHEN CHYU (1933-). Thuở nhỏ sống ở Bắc-kinh, rồi Trùng-khánh. Tới Đài-loan năm 1949. Dạy học tại Hoa-kỳ từ 1970. Nổi tiếng là một nhà thơ hiện đại nơi người ta có thể tìm thấy lại “hương vị đích thực của thơ cổ điển trong một lối viết hoàn toàn đổi mới”.

14. PAI CH (1937-). Sinh tại Đài-trung, Đài-loan. Một trong những cây bút chủ yếu của *LI* thi xã.

15. BEI DAO (hay BẮC ĐẢO, 1949-). Sinh tại Bắc-kinh năm 1949. Hiện sống lưu vong.

16. KU CH (hay KHỔ THÀNH, 1956-). Thuộc thế hệ đã kinh qua “Cách mệnh văn hóa” ở Trung-hoa lục địa.

Bản dịch dựa theo các bản Anh, Pháp

Thơ, Chính Là Đời Thường

Khế Iêm

Dù thơ vẫn hay không vẫn, tôi vẫn tin rằng, người làm thơ phải nói lên được tiếng nói của thời đại mình. Tiếng nói ấy không phải là tiếng nói của quá khứ, dòng thơ ấy không phải là dòng thơ đã qua. Và cái tự nhiên của thời này, có thể là cái không tự nhiên của thời trước, cái hay của thời này có khi là cái giả tạo của thời khác. Có ai dám cả quyết có một tiêu chuẩn để đánh giá thơ hay, dở trong một nền thơ gần nửa thế kỷ nay đã được nuôi dưỡng bằng ca dao và sáo ngữ?

Thơ vẫn, thơ tự do hay bất cứ một phong cách thơ nào khác đều có những liên hệ mang tính nhân quả. Và thường ai làm thơ cũng trải qua chiếc cầu thơ vẫn. (Nhưng cũng không nhất thiết phải như thế. Ở thời siêu xa lộ, những chiếc cầu cheo leo đã dần dần mất dấu). Có người thành công, có người thất bại, có người chỉ thích hợp với thể loại này và không thích hợp với thể loại khác, điều đó cũng tự nhiên. Nhưng trước hết, với thơ vẫn, vẫn điếu mới chỉ là cái vỏ ngoài của thơ, chưa phải cái cốt lõi của thơ. Nếu chỉ loay hoay quanh vấn đề cải tiến vẫn điếu, tôi e rằng chỉ làm hỏng thơ, và đưa thơ *bông bênh một chỗ*. Tôi vẫn nghĩ rằng, Thơ Mới Tiền Chiến chưa khai thác hết những tiềm năng của thơ vẫn và vì vậy thơ Việt Nam vẫn chưa đạt được tầm vóc xứng đáng. Phát triển thơ vẫn là phát triển những *yếu tố thơ*. Mà những yếu tố thơ, ở bất cứ nền thơ nào cũng giống nhau, chỉ khác ở ngôn ngữ, cách diễn đạt, nói chung là những khác biệt về văn hóa. Nếu không tin, chúng ta thử nhìn lại xem sao, ngoài cảm tính, tả tốt chữ, uốn một cái cành, cắt một cái nhánh, còn có gì nữa không?

Thơ vẫn, đối với tôi, là một gần bó lâu dài, những suy nghĩ và học hỏi tốn nhiều thời gian, nhưng sáng tác thì không bao nhiêu. Tôi đã nhận được nhiều ân sủng từ thể loại thơ này, khởi đi từ thơ vẫn và cũng là người dứt khoát già từ vẫn điếu. Và cũng có khi dứt khoát già từ nhiều thứ khác nữa. Như thể ngôn ngữ vốn chứa nhiều chất huyền hoặc, hãy tước bớt và

cụ thể hóa nó đi; và có khi, cũng nên hình tượng hóa ngay cả ý nghĩa. Đó là cách phá bỏ mọi ranh giới giữa thơ và đời sống, một cố gắng nắm bắt những khoảng khắc của thực tại. Hình thức của bài thơ cũng góp phần trong việc thanh lọc sự mơ hồ này.

Tôi vẫn tin rằng ở một số nhà thơ, có thể chưa chắc họ là những tên tuổi rực rỡ của một nền thi ca, nhưng họ đang hoàn tất tiếng nói của thế hệ họ. Thơ của họ có thể lẻ loi, đơn độc, vì không giống ai nhưng chúng ta hãy bình tâm tự hỏi: nếu một thế hệ không có tiếng nói, chỉ nói thay một thế hệ nào đó thì chúng ta chỉ có hình dạng nhưng không có âm thanh, đó là những bóng ma, những hồn muôn năm cũ. Thi ca thường xuyên bị gián đoạn vì tình trạng này.

Cũng hãy nhìn ngược về từng thời điểm, chủ nghĩa tượng trưng đã có dấu vết từ thời trung cổ, chia xẻ niềm tin tôn giáo, với hoa hồng biểu tượng cho tình yêu, chim bồ câu và rắn để ám chỉ thiên thần và quỷ Satan; Thơ Cụ Thể đã có mầm mống từ thơ Mallarmé. Và Thơ Cụ Thể từ thời thập niên 60, đã để lại nhiều ảnh hưởng cho tới nay, để từ đó chúng ta có thể nhìn ra một quan điểm: bất cứ yếu tố nào trong đời sống cũng có thể là yếu tố thơ, và bất cứ phương tiện nào cũng là phương tiện để chuyển chở thơ. Đó chính là sợi chỉ xuyên suốt qua nhiều thời đại chứ không phải *lời* và *chữ*.

Đôi khi tôi tự hỏi, có bài thơ nào hay hơn cuộc đời Mẹ Teresa, ai cũng thấy (không phải nghe), và chia xẻ được (không làm bằng chữ). Đã không còn hay nữa, kiểu lãng mạn tiểu tư sản, đứng ở trên nhìn xuống thương xót cho lũ dân đen, và nhà thơ không còn cúi cung tận tụy để được ban phát những lời khen tặng, những vòng hoa, đôi khi lại chỉ toàn những vòng hoa giả. Tại sao chúng ta không thể chấp nhận một thế giới khác ngoài thế giới chữ? Chữ độc quyền cho ai? Thơ chẳng lẽ chỉ biểu hiện bằng phương tiện duy nhất là chữ? Và chữ có thật sự đã chuyển chở được sự thật? Đã đến lúc chúng ta phải công nhận sự bình đẳng, ngoài thế giới chúng ta vốn quen thuộc, cũng còn rất nhiều thế giới khác nữa, chưa chắc đã hay vì không đồng điệu, nhưng chắc là mới lạ. Nhạc Pop, nhạc Rap, trò chơi điện tử, phim hoạt hình, và ngay cả một show quảng cáo không có thơ ư? Tại sao có nhiều người kích động và say mê đến thế? Tôi không tin có ai thủ đắc được chân lý và cũng không tin chỉ có chữ là độc quyền thể hiện thơ. Thời nào cũng có bọn phản động, kiểu *tứ nhân bang*, nhưng ranh giới giữa thiện và ác cũng chỉ cách nhau trong đường tơ kẽ tóc.

Chúng ta đang ở thời đại có nhiều thay đổi, từ khoa học, xã hội đến kinh tế, chính trị và từ đó sẽ thay đổi tận gốc rễ thói quen và nhận thức con người. Ở một thời đại mà mọi ngành nghề đều phải cập nhật hóa thường xuyên, và thơ ca cũng không thể ra ngoài định luật đó. Muốn cách tân đổi mới không thể không theo dõi những trường phái và thời kỳ thơ để có thể bước ra khỏi chiếc bóng rợp của quá khứ, nắm bắt hiện tại: chúng ta

đang bước tới hay lui, có nằm trong cuộc vận hành chung ấy? Một quan điểm thơ, không phải hình thành trong giây phút bốc đồng, mà trải qua kinh nghiệm và suy nghĩ lâu dài, có thể đồng ý hay không đồng ý, nhưng muốn bài bác phải bằng lập luận. Lịch sử luôn luôn lặp lại nhưng bài học của lịch sử thì chẳng ai chịu rút tỉa và học hỏi. Thơ chẳng theo một bằng chỉ đường nào cả, và tôi tin rằng những người làm thơ cũng không ai muốn đi mãi trên những con đường mòn.

Một lý luận vui: chúng ta có thế giới của thơ, thế giới của truyện, thế giới của kịch ... bây giờ chúng ta có một thế giới mới, ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ gấp mấy lần: thế giới của truyền hình. Và nếu trong tương lai, hình ảnh được áp dụng bằng thứ không gian nhiều chiều thì nó chẳng khác gì thế giới của chúng ta. Sẽ là ngạc nhiên và buồn biết mấy nếu đời sống không có truyền hình và truyền hình không phải là đời sống. Đây là ảo, đây là thực, chúng ta thật sự không biết. Hoặc là chúng ta đồng thời sống với cả hai thế giới. Ngay bây giờ, nó đang hòa lẫn với thực tại, cái ảo được nhận diện và cái thực biến thành ảo. Hình ảnh xâm nhập vào đời sống và ngược lại đời sống là những chuỗi hình ảnh liên tục, như thể những bản sao không có nguyên bản. Con người đối diện với một tình huống mới, quá nhiều thông tin và chẳng ai có thể lưu giữ, ngoài hình ảnh. Ý nghĩa bị tước bỏ, hoặc không còn quan trọng và ranh giới giữa tưởng tượng và thực tế bị bào mòn. Ngay hình ảnh cũng không mang được nhiều ý nghĩa, ngoài một điều, hình ảnh là hình ảnh, vậy thôi. Ở đây cần nhấn mạnh, ý nghĩa thật sự đã nằm trong hình tượng biểu hiện, tràn ngập đến nỗi không còn phân biệt nổi đâu là ý nghĩa, đâu là hình tượng. Và chúng ta cũng không còn mấy thời gian để phân giải, khi những hình ảnh cứ liên tiếp chập vào nhau như một thế giới chứa đựng rất nhiều thế giới, và thế giới cuối cùng cũng chẳng ai nêu được bằng chứng là nó có thực.

Khi đời sống bị xâm thực, bị phân thành nhiều mảnh, thơ cũng sẽ không tránh khỏi những tai họa. Chức năng thơ sẽ phải thay đổi, trộn lẫn giữa Kafka và S. Beckett chẳng (một người được xếp vào thời hiện đại, một người là hậu hiện đại), hay là một thứ tân siêu thực gì đó (ý thức và vô thức cùng nắm tay đi chung một con đường)? Không còn ai có khả năng tiên tri, và cũng chẳng ai điên rồ dấn vào vết xe cũ, chỉ biết rằng, sẽ không đơn giản và êm đềm như cái thời thanh bình xưa, nay còn đâu. Bây giờ chúng ta mới lấy thơ từ TV, nhưng biết đâu sau này, thơ sẽ bị TV đồng hóa, bằng một phương cách nào đó. Chúng ta sẽ không còn đọc thơ trên trang giấy mà nhìn thơ trên màn hình. Chắc chắn cũng sẽ còn lâu, vài thế hệ nữa, nhưng không phải là không xảy ra. Nhưng lúc này, chúng ta cứ yên tâm, và thoải mái moi thơ từ bất cứ nguồn nào, vì thơ vẫn còn là một thế giới rất riêng. Đế quốc truyền hình chưa thể làm mưa làm gió, nhưng ảnh hưởng thì đã rõ. Và cuối cùng, thơ không còn phải có tính thuyết phục

hay được chấp nhận nữa, và cũng như đời sống và hình ảnh, nó hiện hữu như nó hiện hữu, bất kể ngôn ngữ hay hình thức diễn đạt, không hay thời gian. Lý luận này, chúng ta cũng có thể coi là một lý luận ảo, bởi vì biên giới giữa ảo và thực có còn nữa đâu.

Trở lại với thơ vẫn, người đọc thơ, như con ong hút mật, sau khi hết mật rồi thì bay đi. Nhớ làm gì, thuộc làm gì trừ khi còn có nhiều điều chưa hiểu. Một bài thơ hay, đọc mãi chỉ còn cái xơ chữ, sao không cất nó lên giá sách. Đó là chưa kể có khá nhiều bài thơ, chẳng có thơ, chỉ là những cái bã ý tưởng, bã hình ảnh, bã ngôn ngữ như những chiếc bóng cổ kính soi trên dòng nước; nước vẫn chảy nhưng chiếc bóng thì cứ ở nguyên một chỗ. Có người hỏi: “*Tại sao thơ Đường, thơ Nguyễn Du đọc vẫn thấy mới?*” Có nhiều cách trả lời. Thứ nhất, đó là thế giới chúng ta đã quen thuộc, thế giới của chữ, như khi đọc *Tâm Cam*, *Trương Chi Mỵ Nương* rồi chuyển sang truyện cổ Ấn Độ, Đan Mạch chúng ta thấy mới hơn. Nhưng tựu trung cái mới đó vẫn nằm trong thế giới đã rất cũ. Thứ hai là như khi tha hương, bất gặp đâu đó một góc phố quen quen, chợt thức dậy bao kỷ niệm làm ngạc nhiên và xúc động. Cái ngạc nhiên và xúc động ấy không do tác động của một tác phẩm nghệ thuật mà chỉ do những xúc cảm thường tình làm nảy sinh ra. Một tác phẩm nghệ thuật đâu chỉ gọi ra thế giới quen thuộc của quá khứ, mà là ném tới từ khởi điểm của hiện thực. Người ta có thể giữ gìn những di tích nhưng không thể làm lại những di tích. Sẽ là kỳ dị khi thành phố chỉ có toàn đền đài cổ tự mà không có những kiến trúc hiện đại. Sẽ là buồn cười khi chúng ta cứ sống đời du mục và không chấp nhận những tiện nghi. Và dù thế nào thì chúng ta vẫn bị du vào tình thế khó xử như trong vở kịch *Rhinoceros* của E. Ionesco, những con tê giác cứ xông xộc can thiệp vào đời sống với mưu đồ chiếm lĩnh.

Đối với thơ vẫn hay bất cứ loại thơ nào, tôi không đọc nhiều ở những bài thơ. Bài thơ chỉ là cái xác của thơ. Có người thấy cái xác tưởng là thơ, và bởi tìm trên đó. Qua cái xác thơ, tôi nhìn ra những trần trở, sự đam mê sống chết của người làm thơ. Và đó là thơ. Tôi nhìn thấy thơ nơi những nhà thơ chỉ làm thơ vẫn cũng như những nhà thơ có khuynh hướng đổi mới, và ngay cả nơi những người đang miên man suy nghĩ về những chiều hướng thơ. Thơ ở khắp nơi, khắp chốn, đâu phải chỉ nơi những bài thơ, và nhà thơ đâu hẳn chỉ là những người làm ra những bài thơ. Đời sống đó, thiên nhiên đó, bao nhiêu hạng người trong xã hội từ thấp đến cao, ở trong cũng như ở ngoài chữ, họ không đang tiếp nhận và làm ra thơ đó sao?

Khế Iêm

KHẾ IÊM

Tốc Họa

nhắm con
mắt

r
ấ
n

ráo (riết)

Chữ có thể thay thế (một đổi một chẳng hạn), hoặc nếu tìm được một câu tuồng nào hay hơn. Cũng có thể dùng những vật liệu khác như mẫu thuốc, que diêm... Cứ như thế, làm ra hàng loạt bài thơ theo kỹ nghệ lắp ráp cho đến khi mệt mỏi và chán ngán (đúng lúc bài thơ không còn mang được nhiều ý nghĩa hay ý nghĩa đã trở thành lỗi thời), thì xóa đi phần chữ, chỉ còn lại đường gạch ngang bên phải, và đọc thơ ở phần chỉ dẫn này.

Rao Vặt

NÓI--dùng phương pháp âm tiếng. Sờ soạn bằng mắt. Điện thoại. Hỏi con đường nào dẫn đến chân lý.

BÁN

Đồng thau. Lối vào tiệm thực phẩm. Cánh gà ở phía trái. Tổ tình hay cãi cọ (chích choác) ngoài vỉa hè. Đóng và mở lúc chạng vạng. Cần đèn dầu.

ĐỒNG CỐT. Nhập gia tùy tục. Giá phải chăng. Phong thấp kinh niên được chữa trị bằng tia sáng cuối đường hầm. Trắng non. Nửa kín nửa hở.

Up Side Down Art

Bài thơ đang dở ở đây. Lộn trái ngôn ngữ.

Móc trong túi chữ, xâu thành lời, sơn
phết cho mới lại (bị ám khói hay lâu
ngày đã hóa mực.

Dựng thành bia đá. Trăm năm cô đơn.

vĩa hè luôn luôn có tiếng kêu
bài thơ trẻ lại
như thế giới nhấp nháy—mỗi lúc mỗi khác

những
những

những
những

mụ hôn kết hôn

những
những

cuộc đời luôn luôn đui mù
bài thơ luôn luôn bị xóa đi

ĐỖ QUYÊN

Tản Luận



Giả sử cùng một lúc các nhà thơ đều tiết ra bài thơ phát nhất của mình... Chắc gì ấy là điều dễ chịu?



Trang thơ không cùng vĩ độ với sân cỏ — nơi làm triệu triệu quả tim cùng thất lại khi một trái bóng lọt khung thành.



Nguyễn Bính đã không còn làm thơ nữa khi bảo rằng người làm thơ sau sẽ khó bởi các câu hay người thơ trước viết mất rồi.



Thiên thu... Mỗi chiếc lá rụng theo một kiểu thu của nó.



Phân loại thơ. Bỏ đi cái mốc thời gian, rất nhiều nhà phê bình đã toan đầu hàng trong khi người làm thơ không biết tính tuổi thơ mình.



Thi nhân — người đàn bà ngủ hoang với dòng thời gian.

NGUYỄN ĐẠT

Ngày Nay Như Mọi Ngày

Ở một nơi
Mọi người quen nhau
Tôi không biết một ai trong đó
Ly cà phê
Chiếc bánh tiêu
Đường một chiều
Mũi tên chỉ phía cây cầu

Ở một nơi
Từng nhóm từng nhóm
Hội hè, mục đích
Tôi nổi hai chân trong một đôi giày

Ở một nơi
Ngôi cũng quá lâu
Cột lại giấy già
Ly cà phê
Chiếc bánh tiêu
Toa rập nhau.

LƯU HY LẠC

Xương

Ngủ lấp thân
cây

xương nông
xưa

trong trời

cái khoác vai không thành
tiếng

im cứng trong đầu

vàng phai
ngửa bàn tay
ôm đất

mai qua

hỏi
đếm từ
mùi
rạ
nóc
ám.

THANH THẢO

Nhật Thực X

nước dâng
 biển thấp
 ngày những đàn cá mập
 diều hành
 những vòng tròn hiện lên
 khoảnh khắc
 những giấc mơ vượt thái dương hệ
 lỗ đen giữa trán
 một ngọn đèn cực mạnh
 cây hối hả như người
 người đứng lặng như cây
 hãy nhìn vào mình
 anh sẽ thấy một mặt trời bé tí
 đóng đưa
 phía trên lỗ rốn
 chầm chậm nước dâng
 các bác pha-xi-xêu giăng đạo đầy đường
 con bọ ngựa đá giọt sương
 xuyên phá bức tường thói quen
 và con nhện chuyên dệt những cơn ác mộng
 là thủ môn vĩ đại nhất
 mọi thời._

KHIÊM LÊ TRUNG

Những Ả Giang Hồ Dễ Thương

Buổi chiều ngồi ở Cafeteria
 Những ả giang hồ lướt qua, lướt lại
 Chiếc thân cá mòi
 Tôi liên tưởng đến xác của một chiếc trực thăng
 Bầu trời hải đảo
 Khu rừng tóc mun
 Những đám khói trôi như trời mây xám
 Salut!
 Tôi gật đầu và gọi

...

Hạnh phúc chảy ra từ kẽ háng
 Ả con gái trườn người trên divan mệt mỏi
 Định nghĩa đi anh thế nào là tình yêu?
 Tôi tréo hai ngón tay lại với nhau
 Ả con gái cười lên sắc súa
 Dìm tôi trong trận mưa hôn giận dữ

...

Không là hoa,
 Không là chim,
 Không là mộng,
 Sao tôi gọi em là mùa xuân!

Paul Celan: Nhà Thơ của Nỗi Sợ Thiêng Liêng

John Bayley

Theodor Adorno, triết gia Đức, gốc Do thái, cho rằng sau cuộc chiến, chẳng những không thể, mà còn chẳng nên viết. Rằng, làm thơ ca trử tình sau kinh nghiệm Auschwitz là một hành động dã man. Một hành động thậm vô tình, ngu si dẫn độn, mà một thi sĩ thực sự chỉ còn một cách là tháo lui, chào thua. Hãy hiện hữu trong vắng bóng, trong im hơi lặng tiếng. Celan cho thấy là Adorno đã lầm. Ông, có lẽ, là thi sĩ duy nhất làm được như vậy. Đã có nhiều thơ ca viết về Lò Thiêu Người, đọc lên nghe cũng cảm động, nhưng chúng không thể trở thành điều khủng khiếp: Lò Thiêu Người. Chúng không thể thực hiện được điều này bằng giọng độc nhất của thi ca. Celan, chỉ mình ông, đã làm thế giới đó trở thành của riêng ông, như một nhà thơ. Ông sinh ra với tên Paul Antschel, đôi khi viết là Ancel, trong một cộng đồng Do thái định cư tại Bukovina, phía bắc Romania. Celan, một trò chơi đảo tự, là bút hiệu được ông sử dụng từ năm 1947, và trở thành tên thật. Điều này cũng đặc biệt đối với một thi sĩ từng gọi một trong những thi tập của mình là *Bông Hồng của Không Ai*, Die Niemandrose, một từ tiếng Đức, đẹp, không thể dịch được, ôm hình ảnh ma quái của một thi sĩ biết anh ta không hiện hữu, ngoại trừ trong những từ mà anh ta tạo nên. Bao tình cảm đối với bậc sinh thành, Celan dồn hết cho bà mẹ. Bà đã từng thủ thủ với cậu con những vần thơ và cổ văn Đức. Ông viết về bà thật cảm động:

Và mẹ có đau đớn không, mẹ,
như mẹ đã từng đau đớn, ôi chao, một lần ở quê nhà,
Sự dịu dàng, tiếng nói Đức, điệu ru đau buồn đó.

Celan không làm sao quên nỗi cái chết của bà mẹ. Vào năm 1942, một năm sau khi Đức xâm lăng, cha mẹ ông bị đưa đi trại tập trung ở Ukraine, nơi người cha chết vì bệnh bang đở, bà mẹ bị giết, hình như bị bắn vào sau

cổ bởi tội Đức, sau khi bà ngã bệnh và không thể làm việc. Trong một trại cưỡng bức lao động khác tại Romania, người con sống sót, tìm được cách qua Vienna từ Bucharest, hai năm sau khi chiến tranh chấm dứt, và sau đó, tới Paris vào năm 1948, nhưng thực ra hồn ông vẫn quanh quất ở Ukraine, nơi bà mẹ ngã xuống. Ông đã viết về cái chết của mẹ, trong những vần thơ đầu, bằng những từ giản dị không thể chịu được:

Cây Bạch Dương

*Bạch Dương lá trắng trong đêm
Tóc mẹ tôi chẳng bao giờ bạc...
Vòng sao, cây cuộn vòng vàng
Trái tim mẹ tôi bị cắt bằng dây chì.
Cửa sồi kia, ai ép mi kéo kẹt
Mẹ dịu hiền của tôi chẳng thể trở về.*

Đối với Celan, ngôn ngữ độc nhất có thể diễn tả nỗi mất mát lớn lao đó là tiếng Đức, tiếng được nói bởi những người đã gây nên điều đó. Tuy có thể nói được tiếng Romania, tiếng Yiddish, bà thực tình cảm nhận tiếng Đức mới là tiếng mẹ của bà, như người con sau này đã từng khẳng định: *Chỉ trong tiếng mẹ, một người mới nói lên sự thực của riêng người đó. Trong tiếng nước người, thi sĩ nói dối.* Ông đã nói lên sự thực của riêng ông, bằng tiếng mẹ và cũng là tiếng của đám người đã giết bà.

Thực sự, vào thời gian chấm dứt cuộc chiến, Celan chưa từng suy nghĩ, ông sẽ là một thi sĩ. Và nếu như vậy, ông sẽ sử dụng ngôn ngữ nào. Ông ở nhà, trong tiếng Romania, và bị quyến rũ bởi những tính chất riêng của nó, cảm thấy thích hợp với dòng thơ siêu thực mà nhiều thi sĩ Romania thời đó thường làm. Ông hầu như cũng ở nhà, với tiếng Pháp, và tiếng Nga--ông đã từng viếng thăm Paris trước chiến tranh và có ý định trở nên một sinh viên y khoa--và ngay cả trong thời gian chiến tranh ông đã dịch những thi sĩ được ông yêu thích như Esenin, và Mandelstam. Suốt cuộc đời, ông dịch đủ loại thi sĩ--Marvell, Housman, Emily Dickinson... và rất nhiều thi sĩ khác nữa--nhưng sự thực của riêng ông chỉ có thể thoát lên bằng tiếng mẹ, tiếng của bọn đao phủ.

Như Mandelstam mà ông ngưỡng mộ, theo đó, thi ca giản dị chỉ là *văn hóa thể giới*, Celan cho cảm tưởng, ông có thể đem vào thi ca mọi điều Âu châu và Mỹ châu có thể dâng hiến, trong khi cùng lúc, vẫn là chính mình, một cách trọn vẹn, một cách đau thương, tức tưởi. Nghịch lý này cũng thật hiển nhiên, ở Kafka--Celan đã dịch một số truyện của Kafka qua tiếng Romania, vào lúc cuối cuộc chiến. Kafka đã làm những độc giả nước ngoài say mê ông ngạc nhiên, khi tỏ ra là một người tin tưởng mạnh mẽ, và ái quốc, đối với Đế Quốc Hapsburg cổ xưa. Cũng vậy, Celan coi Vienna, một trong những thành phố bại--Do thái nhất Âu châu, như Thánh địa thiên nhiên của

bất kỳ một dân tộc Trung--Âu châu có văn hóa: Những dân tộc ngoại vi Đế quốc Áo--Hung đã nhìn Vienna như ngôi nhà tinh thần của họ.

Ở đó, Vienna, vào năm 1947, Celan đã tạo dựng con đường của ông một cách gian khổ, khó khăn. Ông tự trình diện, cùng những bài thơ của mình trước một tạp chí. Một người quen biết hỏi đó, sau đó viết, về mặt văn chương, không biết ông ở đâu chui ra, một nhận định *cha chú* làm bức mình những đồng hương của Celan, ở Bucharest. Một nhà xuất bản Thụy sĩ còn hứa theo, khi ca ngợi một cách ngây thơ, Celan đã *vượt mọi khó khăn* làm chủ được tiếng Đức đến có thể làm thơ bằng tiếng đó. Làm sao một anh chàng Do thái Romania trẻ tuổi từ một vùng đất nhà quê hủ lậu lại có thể làm được điều này? Nhà xuất bản nói trên đã xuất bản một số thơ của Celan vào năm 1948, bài *Cây Bạch Dương* được xuất bản ba lần trong cùng năm. Như chúng ta đã biết, bà mẹ đã từng thủ thi đọc cho cậu con nghe Goethe và Schiller, đã nuôi dưỡng cậu ngay từ khi còn nhỏ trong thế giới của Holderlin và Rilke, mặc dù bà đã đôi khi nghi ngờ tài thi phú cùng là tương lai của cậu. Và tuy hai mẹ con thân thiết như vậy bà chẳng bao giờ để mắt tới những vần thơ Đức của ông, thi sĩ đã có lần chua xót ghi nhận.

Lý do chính của danh vọng tức thời--một điều sau này Celan ân hận và gần như loại ra khỏi cuộc đời của ông--đó là từ một bài thơ *lạ thường* mà ông làm liền sau khi chiến tranh chấm dứt, *Todesfugue, Tấu Khúc của Thần Chết*. Thực ra bài thơ lần đầu xuất hiện trên báo Romania, do một người bạn của Celan dịch, mặc dù bản thân ông có thể làm điều này. Tên của bài thơ khi được dịch là *Tangoul Mortii, Điệu Tango của Thần Chết*. Không phải chỉ riêng Celan là người đầu tiên đặt tên bài thơ của ông là *Tango của Thần Chết*, một tên sĩ quan SS cũng mơ mộng với cái tên, và đã từng ra lệnh cho một dàn nhạc Do thái ở một trong những trại tập trung soạn và chơi bản nhạc có tên như vậy. Cũng vẫn điệu Tango đã từng được chơi tại Paris khi Celan ở đó vào đầu năm 1939. Ban nhạc sau đó đã *phục vụ* Hitler và Goebbels, cả hai đều thích điệu Tango, thay vì Jazz của New York, bị coi là thoái hóa. Cho dù Tango (văn minh Latin) hay Fugue (văn hóa âm nhạc Đức), bài thơ khác thường của Celan không như bất kỳ một *cái gì khác*--một nghệ phẩm thực sự, nguyên sơ nào cũng bắt buộc phải như vậy--không giống ngay cả những điều ghê tởm mà nó đã diễn tả, hoặc nó từ đó mà ra. Không phải bài thơ đã *chuyên chở* những điều ghê tởm *bày ra đấy*, nhưng nó tạo nên một viễn ảnh tuyệt đối, của riêng nó, về chúng: Bắt buộc phải như vậy, thi ca vĩ đại mở ra (bring to birth) thế giới của riêng nó. Chúng ta có quyền nghi ngờ, có một nghịch lý ở đây. Có một điều đáng nghi ngờ về sự *thành công mang tính đại chúng* của bài thơ *Tấu Khúc của Thần Chết* ở Đức, sau khi chiến tranh chấm dứt, đặc biệt trong giới trẻ, trở thành trò thờ phụng, sùng bái. Auden đã từng nói: *Không một thi sĩ nào có thể ngăn cấm chuyện thơ của người đó được sử dụng như là trò phù thủy*. *Tấu Khúc của Thần Chết* đã đem đến cho người Đức một niềm khuây khỏa *lớn lao, kỳ diệu*, ngang xứng

Black milk of daybreak we drink you at night
 we drink you at morning and midday we drink you at evening
 we drink and we drink
 A man lives in the house he plays with vipers he writes
 he writes when it grows dark to Deutschland your golden hair
 Margareta
 Your ashen hair Shulamith we shovel a grave in the air there you
 wonlie too
 cramped...

Tạm dịch:

*Sữa đen hừng đông chúng ta uống buổi chiều
 chúng ta uống trưa, sáng, chúng ta uống đêm
 chúng ta uống và chúng ta uống
 chúng ta đào huyết trên không như vậy bạn sẽ không bị*
nhồi nhét
Một người đàn ông sống trong căn nhà anh ta chơi với rắn
anh ta viết
anh ta viết khi bóng tối tới Đức, tóc vàng của bạn Margareta
anh ta viết nó và ra ngoài cửa
và muôn sao lấp lánh
anh ta huyết chó săn tới gần
anh ta huyết đám Do thái đứng thành hàng đào huyết dưới đất
anh ra lệnh chúng ta hãy cố mà vui chơi nhảy nhót
Sữa đen hừng đông chúng ta uống bạn lúc đêm
chúng ta uống bạn lúc sáng, trưa, chúng ta uống bạn lúc chiều
chúng ta uống và chúng ta uống
Một người đàn ông sống trong căn nhà anh ta chơi với rắn
anh ta viết
Anh ta viết khi bóng tối tới Deutschland tóc vàng của bạn
Margareta
Tóc tro của bạn Shulamith chúng ta đào huyết trên không bạn sẽ
không bị nhồi nhét...)-

cho đến khúc cuối, như điện giật. Khúc này đã xuất hiện trong bài thơ ở những nốt khác nhau, khi được lặp lại. Tác giả cuốn sách đã không chuyển ngữ (trong những đoạn lặp lại, ông đã cho thấy nghĩa của nó, Death is a Master from Germany / Your golden hair Margareta / Your ashen Shulamith), cho nên, những từ tiếng Đức xuất hiện giống như sự trở về của những hồn ma trong bản dịch của ông:

*...der Tod ist ein Meister aus Deutschland
dein goldenes Haar Margarete
dein aschenes Haar Shulamith*

Một số bài thơ của Celan nổi tiếng là cực kỳ khó hiểu, nhưng chúng và ngôn ngữ của chúng có cùng phẩm chất tuyệt đối: luôn luôn là chính nó và không là gì khác. Bởi vậy độc giả cũng đừng quá đòi hỏi *hiểu* chúng một cách trọn vẹn. Về vấn đề ngôn ngữ, Celan quan tâm tới Heidegger, triết gia hiện sinh, ông vua bí mật của tư tưởng, như Hannah Arendt đã gọi ông. Một bài thơ kỳ lạ và cảm động của Celan có tên *Todtnauberg*, nơi Heidegger sống ẩn dật, ở đó nhà thơ đã gặp gỡ triết gia, một người cho đến khi chết vẫn im lặng về số phận của những người Do thái, cũng như về quá khứ chính trị của ông. Có người nói Heidegger luôn tự coi mình là kẻ vắng mặt, và chẳng bao giờ tiếp Celan, nhưng liên hệ giữa hai người, gặp gỡ hay thư từ, cho thấy thái độ thân mật và có ích cho Celan.

Trong những năm tháng muộn màng cuối đời, Celan rất cô đơn, và suy sụp. Khi được trao tặng giải thưởng Bremen Prize cho thơ của ông vào năm 1958, ông tỏ ra thực tình biết ơn, nhưng bài cảm tạ của ông cho thánh giá thấy Denken và Danken--suy nghĩ và cảm ơn, vốn từ cùng một nguồn--hai tiếng này nhắc nhở chúng ta tới *những kẻ khác* cũng nói cùng *ngôn ngữ của chúng ta*, một mĩa mai cay đắng của một người Do thái thời kỳ hậu--chiến tại Đức. Mặc dù nhiều bạn, sự cô đơn của ông đã ăn ruỗng mọi ngõ ngách của tâm hồn, của cuộc đời ông, như *một người của không ai*. Ông luôn đau nỗi đau mà nhà văn, triết gia Do thái Emmanuel đã từng gọi là *cơn mất ngủ trên chiếc giường đời*.

Trong một đêm tối trời, vào năm 1970 ông đi xuống một cây cầu trên sông Seine, và chẳng ai thấy ông trầm mình, thi hài ông mãi sau mới tìm thấy ở cuối sông. Trên bàn viết của ông tại một căn phòng Tả Ngạn, Paris, là tiểu sử của Holderlin, có một câu Celan gạch dưới: *Đôi khi thiên tài này trở nên âm u, và chìm vào cái giếng chua cay là trái tim của mình*.

Paul Celan est mort, Paul Celan đã chết, một tuần báo hàng đầu của nước Pháp loan tin nóng hổi trên trang nhất. Nhưng bài viết kể thêm, ông thuộc loại nhà thơ *vô danh*, unknown, tại Pháp, xứ sở mà ông đã từng chọn lựa, mặc dù bao lần được Israel mời gọi. Nhưng bài thơ cuối cùng của ông, viết trước khi chết không lâu, mang tên *Gửi về Sabbath*.

Nguyễn Quốc Trụ

(Theo bài viết của John Bayley, *The New York Review of Books*, Nov 14, 1996)

Tin Thơ

Nhiều người viết

• Nhà thơ Trần Dần qua đời

Nhà thơ Trần Dần sinh năm 1926 tại Nam Định, từ trần hồi 10 giờ 30 sáng ngày 17-1-1997 tại Hà Nội, hưởng thọ 71 tuổi. Tang lễ được cử hành vào ngày 19-1-1997 tại nghĩa trang thị xã Hà Đông.

Trần Dần là một nhân vật chủ chốt trong phong trào Nhân văn Giai phẩm, tác giả bài thơ *Nhất Định Thắng* đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu tháng 3-1956. Đến nay thối thoát đã 40 năm, phong trào đã bị dập tắt, nhưng những tin tức và tác phẩm của họ vẫn còn ít ai biết. Ngoài cụ Phan Khôi là đã có tuổi, và có được cuộc đời xông xáo và hoạt động trước 1945, còn để lại nhiều bài nghị luận tạo nên những cuộc bút chiến sôi nổi, đa số thành viên trong Phong trào còn ở tuổi rất trẻ. Điều đáng buồn là tài năng của họ đã bị mai một, và không có môi trường để phát triển. Ngoài tác phẩm xuất sắc *Bến Lạ* của Đặng Đình Hưng và tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt, chúng ta không được đọc những sáng tác nào khác, và nếu có thì giá trị cũng vẫn ở thời kỳ *hậu Thơ Mới*. Nhưng có lẽ, ảnh hưởng về mặt tinh thần của họ lớn lao hơn tác phẩm của họ rất nhiều. Nhờ Phong trào Nhân Văn mà bây giờ chúng ta mới biết rõ mặt trái của những khuôn mặt trí thức, văn nghệ sĩ một thời lừng lẫy, những Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan... và những tác phẩm của họ cho đến bây giờ cũng chỉ còn dùng để tham khảo cho một giai đoạn văn học. Nhưng con người của họ so với những sóng gió của Phong trào Nhân văn thì một trời một vực, như hai mặt của một đồng tiền. Tinh thần Phan Khôi, tinh thần Nhân văn Giai phẩm đã vượt lên khỏi giá trị của những tác phẩm rất nhiều, và chính tinh thần ấy mới là tinh thần kế thừa cho những thế hệ sau chứ không phải là những tác phẩm. Tới nay, mấy ai còn đọc thơ văn thời kỳ *Thơ Mới* nữa, nhưng đời sống và con người của những thành

viên trong Nhân văn Giai phẩm vẫn ray rức trong tâm hồn mọi người. Tưởng niệm nhà thơ Trần Dần như một tiếp nhận gia tài tinh thần, ghi ơn những đóng góp lớn lao của họ, và cũng để cùng nhìn ra một điều, tác phẩm không hẳn phản ánh đúng con người và xã hội, nhưng thái độ của người nghệ sĩ trước cuộc sống, đôi khi, mới chính là yếu tố giúp chúng ta hình dung ra được bối cảnh của một thời đại.

• Điểm Tập san Hợp Lưu, số đặc biệt về Phan Khôi.

Tập san Hợp Lưu, số 33, tháng 2&3 năm 1997 là số đặc biệt về nhà văn Phan Khôi. Đây là số báo được mọi người trông đợi từ vài năm qua, bởi vì Phan Khôi là một tên tuổi lớn nhưng lại rất ít người biết rõ về con người và tác phẩm của cụ. Qua số này, ngoài những sưu khảo về những sáng tác, nghị luận của cụ, còn có những nghiên cứu công phu của những nhà phê bình nghiên cứu đã qua và bây giờ như Hoàng Văn Chí, Thanh Lãng, Tạ Trọng Hiệp, đến Vương Trí Nhàn, Đoàn Xuân Kiên, Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Hưng Quốc...

Đây là hướng mới của Tập san Hợp Lưu, khởi đầu với số tưởng niệm học giả Hoàng Xuân Hãn với số 29, tháng 6&7 năm 1966. Nói đến Tập san Hợp Lưu là nói đến những bước đi tiên phong ở khắp mọi địa hạt, từ sáng tác, phê bình nghiên cứu đến những phong trào, những chuyển đổi không ngớt. Tập san Hợp Lưu, phát hành hai tháng một kỳ, số ra mắt vào tháng 10 năm 1991, thấm thoát đã hơn 5 năm. Nhìn lại thời gian qua, Hợp Lưu số đầu với chủ trương: *Sẽ là diễn đàn phổ biến tất cả các tác phẩm của anh em văn nghệ sĩ trong và ngoài nước, những tác phẩm nói lên được khát vọng chung của dân tộc, tiến công mạnh mẽ vào thành trì lạc hậu, tha hóa, chia rẽ, lầm than, đói nghèo, vong thân, cũng như phổ biến được cái đẹp cái hay của ngôn ngữ Việt.*

Cũng trong chiều hướng đó, Hợp Lưu mở rộng cửa đón nhận những sáng tác mới. Chúng tôi sẽ phá vỡ mọi biên cương, mọi định kiến, mọi ràng buộc, mọi điều "cấm kỵ", cập nhật và theo kịp theo sát những trào lưu mới của văn hóa nhân loại. Vấn đề hợp lưu không chỉ hạn chế đơn thuần với trong nước, nó còn có mục đích lớn hơn, dài rộng hơn, là tiếp nhận gia tài văn hóa đa dạng, phong phú của nhân loại để triển khai, phát huy, làm thành một nền Văn Học Việt Nam hoàn chỉnh, xứng đáng đứng ngang tầm với mọi nền văn học khác. Đã đến lúc chúng ta cần khai tử quan niệm bảo thủ, cực đoan, tự ti hoặc tự tôn vô lối, từng làm cho văn chương nghệ thuật của chúng ta trở nên già nua thiếu sinh khí.(1)

Với chủ trương như thế, 5 năm qua, Hợp Lưu đã là một diễn đàn đầy kích động và trẻ trung, thu hút được nhiều cây bút tài năng cả ở trong lẫn ngoài nước. Nhưng cũng vì thế, ngay từ số đầu, lập tức bị chống đối, chịu nhiều tai bay vạ gió, chỉ thuần ở khía cạnh chính trị. Cho đến bây giờ, nhìn lại, chúng ta thấy rằng, mặc dù thời kỳ chiến tranh lạnh đã chấm dứt từ lâu đối với các dân tộc khác; mỗi dân tộc, mỗi quốc gia tùy vào mỗi hoàn cảnh,

họ đang ra sức kiến tạo nền dân chủ nhân quyền thật sự để đưa đất nước họ thoát khỏi cảnh nghèo đói, thì với người Việt Nam, cuộc chiến tranh ấy vẫn còn tiếp tục cả ở trong lẫn ngoài nước. Có lẽ, chúng ta đã trải qua một cuộc chiến tranh tương tàn đã quá lâu, cũng cần phải có thời gian tương xứng để lành phai mờ đi quá khứ, và vết thương tự nó chắc hẳn sẽ lành nơi tâm hồn của mỗi chúng ta. Nhưng cũng trong khung cảnh đó, Hợp Lưu đã bị đánh giá một cách bất công bởi những dị biệt về chính kiến, và bị bỏ qua những đóng góp lớn lao về mặt văn học. Ở khía cạnh này, cùng lúc với phong trào văn chương phản kháng trong nước, chúng ta được biết tới khá đầy đủ về những tên tuổi như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh... cùng tác phẩm của họ. Đối với trong nước, Hợp Lưu cũng trở thành một diễn đàn nóng, được tìm đọc như một hiện tượng và là một hãnh diện chung cho cả trong lẫn ngoài nước. Sự chuyển hướng như một tất yếu, qua số Kỷ niệm Phan Khôi, tạo nên sự tin cậy nơi người đọc và cũng là một đóng góp tích cực trong việc giúp cho lớp sau có được đầy đủ những thông tin văn học, niềm tự hào, cùng nhận ra *tinh thần kế thừa* là sức mạnh để hướng tới tương lai.

Tập san Hợp Lưu, từ số 1, về hình thức có lẽ chưa có tờ báo nào từ trước tới nay lại được in ấn công phu đến như thế, bìa nhiều màu, và độ dày cũng gấp hai một tờ báo văn học thường. Về nội dung, là những sáng tác xuất sắc tạo nên bản sắc của một thời kỳ văn học. Có thể nói, đây là một diễn đàn lớn kể cả từ trước hay sau 75 ở trong cũng như ngoài nước. Nhưng dù thế nào, sau này khi nhìn lại, chúng ta mới có thể có được sự đánh giá đúng đắn.

Nói đến Hợp Lưu, có lẽ cũng không thể nhắc đến người chủ biên là họa sĩ, nhà văn Khánh Trường. Tính cách đa dạng trong tài năng ông cùng với sự tháo vát, và hoạt động không mệt mỏi trong mọi lãnh vực đã tạo nên sự có mặt của Tập san Hợp Lưu. Ông đã hy sinh nhiều công sức kể cả chịu đựng những tai tiếng để duy trì và tạo nên vóc dáng của tờ báo như bây giờ. Chúng ta mong rằng, Tập san Hợp Lưu sẽ tiếp tục duy trì và đóng góp vào sự lớn mạnh của văn chương Việt, và cũng xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc số báo đặc biệt này.

Lưu ghi nhận

(1) Trích Thư tòa soạn, Hợp Lưu số 1 tháng 10-1991

• Thánh Lịch Sử Da Đen

Trong Thánh Lịch Sử Da Đen, nhiều sinh hoạt nghệ thuật đã được thực hiện trên khắp Hoa Kỳ. Nhà thơ nữ da đen Gwendolyn Brooks, người từng thắng giải thi ca Pulitzer và được huy chương National Medal of Arts năm 1995, cũng được vinh danh trong một buổi tiệc tại Washington giữa tháng 2.1997 bởi Phân Khoa Anh Văn, Đại Học Howard, và Trung Tâm Nghiên Cứu Moorland Spingarn.

Brooks sinh tại Chicago năm 1917, bắt đầu làm thơ từ khi còn ấu thơ. Và năm 16 tuổi, Brooks trở thành một bình bút, giữ riêng một cột báo, cho tờ báo Chicago Daily Defender, một trong những tờ báo da đen hàng đầu thời đó.

Một năm sau, trong những lời nguyện trong dịp Tân Niên 1934, Brooks tự cam kết sẽ viết và vẽ mỗi ngày. Brooks cũng tự hứa sẽ sáng tác ra nhiều điệu vũ và đã có ít nhất 15 bài thơ được đăng báo trong năm đó.

Năm 1950, Brooks được giải Pulitzer với "Annie Allen," tuyển tập thơ thứ nhì của bà, trở thành người da đen đầu tiên thắng giải thi ca này. Tới năm 1968, bà được phong tặng chức thi hào (poet laureate) của Illinois. Năm 1990, thắng giải PEN/Faulkner Award. Năm 1994, được tặng National Book Foundation Medal for Distinguished Contributions to American Letters (Huy chương của National Book Foundation cho những đóng góp độc đáo cho văn chương Mỹ).

Được phỏng vấn, Brooks đọc nhà báo Courtland Milloy của Washington Post một đoạn trong bài "A Primer for Blacks" của bà, một trong những bài được dân da đen ưa chuộng nhất.

Chữ đen

Cổ mãnh lực địa lý,

Kéo mọi người tới nhau;

Da đen nơi đây

Da đen nơi kia

Da đen ở bất cứ nơi nào họ có thể...

• Một Nhà Thơ PhiƠ Mỹ

Với cái chết vào năm 88 tuổi, nhà thơ Phi Jose Garcia Villa đã tìm được bất tử trong đời ông với Giải Văn Chương Quốc Gia Phi. Từ những ngày sống gió ở Manila (năm 1927, ông bị Đại Học Phi trục xuất vì những bài thơ "nhớ bản") cho tới những năm cuối cùng suy bệnh trong căn chung cư Greenwich Village, New York, nhà thơ Villa luôn luôn sống cho thi ca.

Vị trí của Villa trong thơ tiếng Anh được vinh danh bởi nhiều giải thưởng và nhiều tuyển tập. Di dân vào Mỹ năm 1930, Villa chỉ một thời gian ngắn đã được ca ngợi với các truyện ngắn, trong đó nhiều truyện được lựa chọn vào các tuyển tập thường niên Best Short Stories của Edward J. O'Brien.

Chịu ảnh hưởng bởi nhà thơ tiền phong Hoa Kỳ e.e.cummings, Villa từ đây sống hoàn toàn với thi ca. Ông thắng được những giải thưởng Shelley Memorial và Rockefeller, được hưởng tài trợ Guggenheim Fellowship về sáng tác, và được mời vào hội viên Học Viện Văn Học Nghệ Thuật Hoa Kỳ. Ông cũng được vào vòng chung kết giải Pulitzer, nhưng không được giải vì thơ “quá mới lạ” (too experimental).

“The Anchored Angel” được xem như tác phẩm lớn nhất của ông, là trung tâm của một số báo năm 1957 của The Times of London Literary Supplement. Đây là điểm cao nhất của những “bài thơ dấu phết” của ông, khoảng 80 bài được tuyển vào in trong một tập 180 trang. Các dấu phết theo sau từng chữ trong bài để tập trung trên đó toàn bộ suy nghĩ và cảm xúc của độc giả trong một cách chiêm nghiệm, hầu hết mang tính tôn giáo. “Angel” cũng biểu hiện chủ đề con người vật lộn với thần tính. Có thể thử xem hai câu, bài này viết: “O, under, the, liontelling, sun—/The, zeta, truth—the, swift, red, Christ.”

Villa được vinh danh mỗi lần ông về thăm Phi. Ông được những nhà thơ nơi quê hương trân trọng gọi ông là Dovegilion (ghép các chữ dove, eagle và lion; bồ câu, đại bàng và sư tử). Các nhà thơ Phi còn mệnh danh ông là “Giáo Hoàng của Greenwich,” một điều dĩ nhiên làm các nhà thơ Mỹ phải ghen tị và bất bình.

• Bán Sách Trên Internet

Amazon.com, tiệm sách tiên phong trên lưới Internet, đang gặp một sức cạnh tranh dữ dội. Barnes & Noble, hệ thống tiệm sách lớn nhất Hoa Kỳ, cuối tháng 1.1997 loan báo sẽ mở tiệm sách trên lưới America Online vào mùa xuân này, và sau đó sẽ mở riêng một trang nhà để bán sách trên lưới WWW.

Đó sẽ là đe dọa lớn cho Amazon.com, tiệm sách trên lưới WWW đã phát triển từ 7 nhân viên lên tới 200 nhân viên chỉ trong 18 tháng. Không riêng bán sách qua trang nhà WWW, Amazon.com còn cho người vào được đọc những cuộc phỏng vấn tác giả, điểm và duyệt sách và tìm tới hơn một triệu tựa sách. Thực sự, Amazon.com chỉ chứa rất ít sách trong kho để tiết kiệm, và nhận bán qua bưu điện sách của 20,000 nhà xuất bản.

Tuy nhiên, sách bán qua Internet cũng chưa có bao nhiêu. Trong thương vụ 10 tỉ đô các loại sách bán trên nước Mỹ, chỉ mới có 38.3 triệu đô được bán qua lưới tin điện tử, theo thống kê của Cowles/Simba Information. Nhưng như vậy cũng đã là nhiều gấp ba lượng 11.4 triệu trong năm 1995, và Cowles ước tính con số này sẽ tăng lên 255 triệu vào năm 2000.

Amazon.com hiện vẫn chưa có lời, nhưng thương vụ đang tăng trung bình 30% một tháng. Công ty không phổ biến bản kết toán, nhưng các giới kỹ nghệ đoán rằng thương vụ hãng này năm 1996 vượt hơn con số 16 triệu đô. Trong khi đó, thương vụ hệ thống tiệm Barnes & Noble lên tới 2 tỉ đô.

Bản tin PTH